

Tạp San Thế Đạo
Quarterly Magazine - Issue # 80
(October - December 2019)



Ban Thế Đạo Hải Ngoại
3076 Oakbridge Dr
San Jose, CA 95121-1716
Phone: 408-238-6547

MỤC LỤC

- 01- “Lời tiên tri về thời cuộc của nước Việt Nam & cả thế giới” (Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc) (Soạn giả: QS TS Nguyễn Thanh Bình) 05
- 02- “ Dưỡng Đức - Tu Tâm” (Nam Phương) 27
- 03- “Tinh Thần Ollin” (TS Mai Thanh Truyết) . . 36
- 04- “Vu Lan Mùa báo hiếu” (HT Lê Quan Liêm) 45
- 05 “Thánh Ngôn Yếu Lược” (HT Nguyễn Long Thành) 60
- 06 Liên Lạc Ban Thế Đạo Hải Ngoại 77
- 07 Danh sách yểm trợ Ban Thế Đạo Hải Ngoại từ ngày 16-6-2019 đến ngày 15-9-2019. 78
- 08 Tóm Lược Hội Tương Tế Cao Đài và Thân Hữu 80
- 09 Phân ưu
- 1*- Lễ Sanh Hàm Phong Hương Nhân (Thê danh Lê Thị Nhân) quy vị ngày 3-7 năm 2019 tại Tây Ninh, hưởng thượng thọ 100 tuổi 83
- 2*- Đạo hữu Nguyễn Văn Nuôi, quy vị ngày 10-7-2019 tại Tây Ninh. hưởng thọ 78 tuổi. . .84
- 3*- Bà quả phụ BS Đặng Văn Chiếu (nhũ danh Nguyễn Ngọc Nga) quy vị ngày 14-7

	năm 2019 tại Memphis bang Tennessee, hưởng thượng thọ 97 tuổi	85
	4*- Đạo hữu Nguyễn Hữu Thanh quy vị ngày 16-7-2019 tại Atlanta bang Georgia, hưởng thượng thọ 90 tuổi	86
	5*- Đạo hữu Ngụy Thanh Sơn quy vị ngày 20-7-2019 tại San Jose, bang California, hưởng thọ 74 tuổi.	87
	6*- Lễ Sanh Thượng Bảo Thanh (thế danh Lâm Thái Bảo) quy vị ngày 8-8-2019 tại Tây Ninh, hưởng thượng thọ 102 tuổi.	88
10	Tường Thuật Picnic Hè Tây Ninh Đồng Hương Hội và Thân hữu & Hội Liên Trường Tây Ninh Bắc California	89
11	“Lòng Tin” (Toàn Không).	119
12	“ Cơ chế kết hợp tư tưởng Tam giáo của Trịnh Tuệ trong Tam giáo nhất nguyên thuyết”	130
13	“Dâng Tam Bửu” (Thiên Thứ 7) (HT Quách Văn Hòa).	162



Lời Tiên Tri Về Thời Cuộc Của Nước Việt Nam & Cả Thế Giới (Hộ Pháp Phạm Công Tắc)



Mấy tấm hình của Đức Hộ Pháp (ĐHP) rõ quá và giá trị thì “vô giá”. Khó có thể tìm đâu ra các tài liệu lịch sử và rất hiếm này. Nhân xem qua phần ĐHP đặt vòng hoa tại Khải Hoàn Môn Chiến Thắng (L’Arc De Triomphe ở Paris, Pháp), trong hình này ĐHP và Ngài Q. Bảo Đạo Hồ Tấn Khoa mặc tiểu phục, với dây sắc lệnh Tam Thanh đã nói lên cái tầm quan trọng của buổi lễ (Quốc Lễ) mà nước Pháp đã dành cho Ngài. Nên viết vài hàng giới thiệu về chuyến công du Pháp Quốc của Đức Hộ Pháp:

Năm 1954, Quốc Trưởng Bảo Đại mời Đức Hộ Pháp làm Cố vấn tối cao để hoạch định cho chương trình Hội nghị

Génevè. Đồng thời Đức Ngài sang Pháp để đáp lời mời của Chánh Phủ Pháp trước kia mà Đức Ngài chưa có dịp đi.

Ngày 17.04 Giáp Ngọ (19.05.1954) các cơ quan đưa tiễn Đức Ngài lên đường, Đức Ngài nói: “Hôm nay Bàn Đạo lấy sứ mạng Thiêng Liêng đem ngọn cờ cứu khổ đến Châu Âu. Mong rằng cánh hạc huyền linh của Đức Chí Tôn sẽ đem tình ưu ái vô biên của Ngài đặng an ủi tâm hồn các chủng tộc Châu Âu. Quyền năng vô tận của Đức Chí Tôn sẽ làm cho trường hỗn loạn trở nên thái bình.

“Một điều trọng yếu nữa là cả thầy cầu nguyện thế nào cho ngọn cờ từ bi bao phủ trên mặt địa cầu này. Bàn Đạo dám chắc không có điều chi vui cho Đại Từ Phụ hơn điều đó.”

Khi máy bay đáp xuống phi trường Orly (Pháp) có rất đông quan khách đến đón Đức Ngài. Về phía Chánh Phủ Việt Nam, có Phó Thủ Tướng Nguyễn Trung Vinh, Tổng Trưởng Tài Chánh Dương Tấn Tài, đại diện Cao Ủy Phủ Vương Hồng Chương và Đỗ Hùng, rất đông Việt Kiều ra đón Đức Ngài. Về phía chánh phủ Pháp, có ông Thị Trưởng thành phố Paris, ông Plas và Mattei đại diện Bộ Trưởng Bộ Liên Quốc.

Chiều ngày 21.05.1954, Đức Hộ Pháp mở cuộc họp báo tại nhà hàng Hotel George V. Trong lúc dự tiệc, các đại diện báo chí phỏng vấn Đức Ngài về đường lối chánh trị. Đức Ngài trả lời: Bàn Đạo sang Pháp với danh nghĩa Cố vấn tối cao của Đức Quốc Trưởng Bảo Đại. Bàn Đạo sẽ gặp Đức Quốc Trưởng và sẽ thỉnh ý Ngài”.

Trưa hôm sau Trung Tướng Nguyễn văn Xuân, cựu Thủ

Tướng, đến mời Ngài dùng cơm tại tư gia.

Ngày 23.05.1954, Đức Ngài đến Canne rồi tới điện Thorène gặp Đức Quốc Trưởng, Đức Ngài tỏ vẻ hài lòng rồi trở về Paris cùng ngày, được Thủ Tướng Bửu Lộc và các chánh khách đưa ra tận ga Canne.

Trưa ngày 24.05.1954, ông Laniel, Thủ Tướng Pháp tiếp Đức Ngài tại điện Matignon. Thủ Tướng Laniel đã tham khảo ý kiến riêng với Đức Ngài.

Trước khi Đức Hộ Pháp sang Paris, bản Hiệp Ước Genève đã được đăng tải trên các báo. Người ta phao tin đã ký rồi, nhưng thật ra chưa ai ký. Các chánh khách đều trông vào Đức Ngài.

Ngày 25.05.1954, ông Trần Vinh, Trưởng ban Nghi Lễ Cao Ủy Phủ Việt Nam, sắp chương trình cho Đức Hộ Pháp đi viếng và làm lễ ở Chùa thờ chiến sĩ trận vong Việt Nam Nogent-Sur-Marne. Đến chiều tối Đức Ngài đặt tràng hoa nơi mộ chiến sĩ trận vong Pháp ở Arc-De-Triomphe. Tướng Collion, Tổng Trấn Paris thay mặt chánh phủ Pháp và quân đội nghinh đón. Hai bên đài có đoàn Vệ quân bông súng chào, giàn nhạc thổi quốc thiều Việt Nam và quốc thiều Pháp.

Sau khi đặt tràng hoa lên mộ chiến sĩ vô danh, Đức Hộ Pháp trở ra. Các quan khách đưa tận xe. Việc đón tiếp như vậy là long trọng lắm, vì Đoàn Vệ Quân (Garde Républicaine) và giàn nhạc thường chỉ để đón tiếp các Quốc Trưởng mà thôi.

Chiều hôm ngày 27.05.1954, Bộ Trưởng Mécheri thay mặt Tổng Thống Pháp René Coty đến viếng Đức Hộ Pháp. Ông Mécheri hứa với Đức Hộ Pháp rằng ông sẵn sàng giúp đỡ

Ngài trong công cuộc xây dựng một nước Việt Nam hùng cường và thịnh vượng ngang hàng và làm bạn với Pháp. Trước khi ra về, ông Mécheri nói Tổng Thống Coty mời Đức Ngài sang viếng Điện Élysées.

Ngày 28.05.1954, Đức Hộ-Pháp và đoàn tùy tùng đến Điện Élysées, được Tổng Thống René Coty đón chào tại cửa. Tổng Thống Pháp đưa Đức Ngài vào phòng khách đàm luận, sau đó dự tiệc rồi từ giã. Chủ khách rất quyến luyến nhau.



Ngày 29 tháng 5 năm 1954, Paris, Pháp Quốc. Sau ba ngày Ngô Đình Diệm đến George V (Nhà khách Quốc tế của chính phủ Pháp) viếng thăm Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc. *"Tôi xin đổi lời cảm tạ nhờ uy tín của NGÀI đã thuyết phục Hội Đồng Quốc Gia và QT. Báo Đại tin nhiệm tôi làm Thủ Tướng. Nhân dịp xin kết nghĩa tình Huỳnh-Đệ với NGÀI"*. 1-Ngô Đình Diệm, 2-Đức Hộ Pháp, 3-Ngài Trần Quang Vinh. Nguồn tài liệu: Institute for Historic Cao Dai Religion.

Hôm sau ngày 29.05.1954, Thủ Tướng Bửu Lộc mời Đức Ngài đến Hotel Raphael, Thủ Tướng rất vui mừng trước thành quả mà Đức Ngài ngoại giao đã đạt được và hứa sẽ mời Quốc Trưởng Bảo Đại lên Paris hội kiến với Đức Ngài.

Chiều hôm đó, giáo sư Gustave Meillon đến thăm Đức Hộ

Pháp. Ông đang nghiên cứu về Đạo Cao Đài, viết luận án Tiến sĩ. Ông chăm chỉ lắng nghe từng câu từng chữ của Đức Hộ Pháp khi Ngài giải thích về Đạo.

Chiều ngày 31.05.1954, Đức Ngài đi viếng Điện Panthéon. Điện này là một tòa nhà đồ sộ lộng lẫy, những bức vẽ hàng mấy trăm năm nay mà vẫn linh động. Phái đoàn xuống hầm, khi đến mộ Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn, Đức Phạm Hộ Pháp đốt nhang cầu nguyện. Trước đó mấy ngày, ngày 27.05.1954, Đức Ngài cho ông Hồ Bảo Đạo hay: “đêm qua Đức Ngài hội kiến với Đức Chương Đạo Nguyệt Tâm Chơn Nhơn (Victor Hugo). Đức Chương-Đạo có dạy nhiều việc và cho một bài thi” (xem bài tiểu sử ĐHP, QS TS Nguyễn Thanh Bình, 2018).

Ông Bộ Trưởng Mécheri hứa với Đức Hộ Pháp rằng ông sẵn sàng giúp đỡ Ngài trong công cuộc xây dựng một nước Việt Nam hùng cường và thịnh vượng ngang hàng và làm bạn với Pháp.

Ngày 4.06.1954, nhân sinh nhật mồng 5 tháng 5 năm Giáp Ngọ của Đức Phạm Hộ Pháp, phái đoàn có tổ chức tiệc tại Hotel George V, thiết đãi quan khách Việt Pháp, lãnh sự các nước và Việt Kiều hải ngoại. Giữa buổi tiệc, Đức Ngài được thông báo Thủ Tướng Laniel đã ký hai bản hiệp ước về chủ quyền độc lập của quốc gia Việt Nam đúng ngày mồng 5 tháng 5, để làm món quà sinh nhật của Đức Ngài. Người ta thường nói, người Pháp lịch sự và tế nhị quả không ngoa.

Kính,

QS TS Nguyễn Thanh Bình
Ban Thế Đạo Hải Ngoại

VIỆT NAM SẼ TỰ GIẢI QUYẾT SỐ PHẬN MÌNH

- Việt Nam tranh đấu để giành lại chủ quyền của mình bị mất. Cộng Sản lợi dụng thời cơ chỉ huy cuộc tranh đấu ấy để xoay sự thắng lợi về cho Đảng Cộng.
- Người Pháp vì muốn duy trì sự có mặt ở Đông Dương nên không chịu sớm giải quyết ổn thỏa với người Việt, bởi chính sách lừng chùng của Pháp mà vấn đề Việt Nam đã trở thành vấn đề Quốc Tế.



Ngày 26 tháng 5 năm 1954, Ông Ngô Đình Diệm cùng Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc và Đức Quốc Trưởng Bảo Đại thảo luận tình hình đất nước tại Paris, Pháp Quốc. Đức Hộ Pháp đề nghị QT.Bảo Đại tin tưởng Ông Ngô Đình Diệm làm tốt trách nhiệm Thủ Tướng. Sau khi QT.Bảo Đại đồng ý, Đức Hộ Pháp gọi điện thoại qua Hoa Kỳ, nhờ Tin đồ Đỗ Văn Lý ủng hộ Ngô Đình Diệm v.v...Ngày hôm sau, QT.Bảo Đại tổ chức buổi lễ tuyên bố trước hội đồng Chính Phủ tín nhiệm Ngô Đình Diệm. Nguồn: "Hồ Sơ Ấu Du" Thư Viện Cao Đài Paris.



Ngày 29 tháng 5 năm 1954, Paris, Pháp Quốc. Sau ba ngày Ngô Đình Diệm đến George V (Nhà khách Quốc tế của chính phủ Pháp) viếng thăm Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc. *"Tôi xin đời đời cảm tạ nhờ uy tín của NGÀI đã thuyết phục Hội Đồng Quốc Gia và QT. Bảo Đại tin nhiệm tôi làm Thủ Tướng. Nhân dịp xin kết nghĩa tình Huỳnh-Đệ với NGÀI"*. 1-Ngô Đình Diệm, 2-Đức Hộ Pháp, 3-Ngài Trần Quang Vinh. Nguồn tài liệu: Institute for Historic Cao Dai Religion.

- Chiến tranh đại qui mô sẽ bùng nổ ở Đông Dương, người Mỹ vừa rút chơn ra khỏi ổ súng Cao Ly, nay phải lặn mình vào máu lửa một lần nữa. Quyền lợi và thuộc địa của Pháp bị ảnh hưởng đã đành, nhưng non sông Đất Việt bị tàn phá là một điều rất ân hận?
- Người có sứ mạng đặt vào trách nhiệm cứu nước, cứu dân không lẽ ngồi yên để nhìn cảnh gia vong, quốc phá...
- Trải qua mấy ngàn năm lịch sử, biết bao cảnh vinh, nhục, thăng, trầm, bao nhiêu cuộc tang thương biến đổi, dân tộc Việt Nam vẫn chịu đựng các sự thử thách éo le.

- Đã biết Bắc địch hiện nay có binh hùng, tướng mạnh, lực lượng vô biên, nhưng đâu phải là lần đầu tiên giống Lạc Hồng đương đầu với họ.

- Xưa những bậc Tiên Bồi ta đã từng đả phá quân Nguyên, danh tiếng lẫy lừng thuở ấy, đại bại Nhà Thanh, Nhà Minh, oai chấn một cõi trời Đông, thì nay chúng ta há không đuổi được kẻ thù ngàn năm đang lăm le diễn lại bản tuồng cũ.

- Lợi dụng tình thế trong tám năm qua. Nhà lãnh Đạo Việt Nam tương kế tựu kế, tập luyện binh sĩ thuần phục và tạo ra cho Tổ Quốc một số khí giới không thể tưởng tượng.



Quốc Trưởng Bảo Đại cùng Đức Hộ Pháp Phạm Công Tác thảo luận tình hình đất nước tại Paris-Pháp Quốc. Ngày 28/5/1954.

- Thử hỏi? các nước lân bang có tiếng là độc lập từ lâu, và những quốc gia đã bước lên võ đài quốc tế gần đây, có một lực lượng khả dĩ nào so sánh với lực lượng Việt Nam chăng?....

- Nước Pháp và các cường quốc khác đã giúp cho người Việt

Nam phương tiện để quạt cường, đó là cơ hội ngàn năm một thuở...

- Nắm vững cái chìa khóa thành công trong tay, nhà lãnh Đạo rất tin tưởng nơi tương lai tươi sáng của dân tộc.

- Nhon hòa địa lợi là hai điều kiện sẵn có, chỉ có điều kiện thứ ba là Thiên thời. Cái ngày mong mỗi ấy sẽ đến, đem lại sự vinh quang cho toàn dân !!!...

SẼ THÀNH CÔNG HOÀN TOÀN VỚI CHÁNH NGHĨA

- Ông Bảo Đại vì không được dân chúng bầu lên, và chánh phủ của ông không có ý chí của toàn dân thành lập, sẽ bị sụp đổ là lẽ dĩ nhiên. Chí như ông Hồ Chí Minh là người có thành tích cách mạng, chánh phủ của ông có danh nghĩa kháng chiến chống thực dân, giành độc lập nhưng ngày mà Trung Cộng công khai đem binh vào đất Việt, ngôi sao của ông cũng bị lu mờ.

- Các chiến sĩ tranh đấu trong hàng ngũ Việt Minh sẽ thấy rõ mục đích đánh giặc của họ trong mấy năm qua rồi chán nản rồi quay về với Tổ Quốc thật sự.

AI LÀ NGƯỜI ĐÁNG TƯỢNG TRƯNG CÁI TỔ QUỐC THẬT SỰ ẤY

- Ai là người đang ôm cái chủ nghĩa quốc gia với một tấm lòng thanh bạch, với những hy sinh cao quý?...

- Ai là người không phản bội quyền lợi của Quốc Gia, và không đi ngược lại nguyện vọng của nòi giống?...

- Ai có đủ những điều kiện ấy, toàn dân sẽ quý phục, thì sự

thành công của Việt Nam cũng tùy thuộc nơi đó.



Sau khi thảo luận tình hình đất nước tại Paris-Pháp Quốc. Quốc Trưởng Bảo Đại, tiễn đưa Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc ra về ngày 21/5/1954.

- Trải qua mấy thời kỳ lập quốc của các bậc anh hùng, đều xuất thân trong hàng dân giả, áo vải, quần bô, ăn không cần no, ngủ không cần yên, nằm gai nếm mật, khắc cốt ghi xương chánh nghĩa của dân tộc để thực hiện cho kỳ được mới thôi.

- Những tướng lãnh của các nước văn minh, tiên tiến, phải chăng là bậc hiền triết tài năng, luôn luôn đem chí cả phụng sự cho nước nhà, mưu cầu hạnh phúc cho toàn dân và cho đồng loại.

- Ông GEORGES WASHINGTON, đã mở một thể hệ mới cho dân tộc Mỹ. Đại Tướng DE GAULLE hô hào giải phóng quê hương bị người Đức chiếm đóng. Hai vị Thủ Tướng ADENSURE và EDGARFAUR ...đều nắm vững lèo lái quốc gia để thụ hưởng.

- Nước Đức và nước Nhật bị bọn Quốc Xã và đám quân phiệt đưa xuống hang sâu, vực thẳm. Các nhà lãnh Đạo đó là bậc trượng phu vượt khỏi việc thường tình để làm tròn sứ mạng mình.

- Tượng trưng cho một quốc gia có văn hiến dân tộc, đâu phải là hạng phàm phu tục tử, chỉ biết vui say vật chất, sớm muộn, tối đảo, nước mất mặc nước, dân khổ mặc dân.

- Lê Trờì đã định cho giống Lạc Hồng thân hồi quyền tự chủ của mình để nở mặt cùng năm châu bốn biển.

- Một vị Thần Long đã mách bảo:

Mách cho đó Tây không còn ở,

Giùm làm công một thuở rồi đi.

- Rồi đây sẽ có một anh hùng áo vải mà quốc dân đang mong

chờ, đứng ra cứu dân, cứu nước. Mặc dầu đi gió về mưa, nhưng nước Việt Nam chưa chắc chắn sẽ được toại nguyện.

- Nhơn vật sẽ bị hao bớt rất nhiều, vì theo luật Thiên Điều, kẻ làm lành sẽ được sống sót, còn kẻ dữ phải đền bồi tội lỗi.

- Chánh nghĩa sẽ cứu vãn dân tộc Việt Nam, và sẽ bảo đảm cho dân tộc này một tương lai sáng lạn, một địa vị có một không hai trên quả địa cầu này.



Hoàng thân Nguyễn Phúc Bửu Lộc, Tham mưu trưởng của Vua Bảo Đại, tiếp đón Đức Hộ Pháp Phạm Công Tác tại Paris, ngày 26/5/1954.

CƠ TẬN DIỆT

- Trận đại chiến kỳ ba không sao tránh khỏi, bị kẹt ở Triều Tiên lần đầu, người Mỹ rất khổ tâm với trận giặc giả cù cưa, cù nhả ấy, nó nuốt không biết bao nhiêu tiền bạc và còn

làm tổn hao bao nhiêu xương máu.

- Rút được kinh nghiệm, người Mỹ sẽ không để cho con dân mình làm mồi cho súng đạn lâu ngày, và tài chánh phung phí dài hạn, nên các tướng lãnh Mỹ sẽ đánh mau và đánh mạnh. Chiến tranh sẽ vô cùng ác liệt, khí giới tối tân sẽ đem đổi chọi khí giới tối tân, chiến sỹ, xâu xé với chiến sỹ. Để đương đầu với đám người cuồng nhiệt vì lý tưởng, xem cái chết nhẹ tựa lông hồng. Mỹ sẽ cho quân đội Nhứt đồ bộ, đem hết sức mình tác chiến, để đổi lấy tự do com áo, tha hồ họ sẽ tàn sát, tha hồ họ sẽ phá hoại.

- Trước cảnh sụp đổ tang tóc đau thương ấy, Thần Thánh cũng phải châu mày ứa lệ. Nhưng cơ Trời đã định, con người vì quá độc ác, chủ trương mưu sâu kế độc, giết hại lẫn nhau, để tranh đoạt bả vinh hoa, mồi phú quý. Luật sửa phạt không thiên vị một ai, khó mà tránh đặng.

- Cuộc giết chóc sẽ lan tràn từ Á sang Mỹ với trận bom nguyên tử và khinh khí tích trữ, Nga và Mỹ sẽ hủy diệt các thành phố lớn, các trung tâm kỹ nghệ của đối phương biến đổi trong chốc lát, những nơi thị tứ phồn thịnh ra bãi tha ma hoang vắng. Các nước nhỏ bị ảnh hưởng lôi cuốn trong chiến tranh cũng đầy đầy tai nạn.

- Ôi! Còn gì là nhơn loại, còn gì là văn minh, rõ thật là con tận diệt. Sau trận giặc long trời lở đất ấy, con người còn lại chẳng bao nhiêu, nhưng đó toàn là giống tốt, không tội lỗi, không nhiễm trọc trần.

- Vì đã chủ trương một thuyết vô nhân Đạo, làm cho nhơn loại phải khổ đau, sanh linh đồ thán, cang thường xiêu đổ, luân lý ngửa nghiêng, nước Nga sẽ bị xóa tên trên bản đồ

Quốc Tế, nước Mỹ tuy bị một vết thương rất nặng, nhưng tên tuổi vẫn còn. Các phần tử tinh hoa, ưu tú của Mỹ sẽ noi gương của nước Việt Nam, lập lại một nước Mỹ Đạo đức, nhơn nghĩa. Dân Mỹ sẽ sống một cuộc đời sung túc nhàn lạc, không còn những tham vọng ích kỷ xấu xa nữa.



DHP Phạm Công Tắc cùng Vua Sư Sải
tiên tri về đất nước Cao Miên.

HÒA BÌNH VĨNH VIỄN

- Tạo hóa đã sắp bày, vì muốn lập lại đời Thánh Đức cho muôn dân hưởng cảnh thái bình, an cư lạc nghiệp, cho nên mới có cơ thưởng phạt.

- Thử hỏi: sau trận thư hùng quyết liệt ấy, Nga và Mỹ đem lại những gì bổ ích cho chính mình? Chớ không nói chi cho nhơn loại. Bại trận như kẻ chết, còn thắng trận cũng như kẻ ngất ngư. Người Nga và Mỹ là hai giống dân tiến bộ nhứt trong nhơn loại sao chẳng xét suy, để cho nhơn loại trên thế giới và cho mình tránh được cơ tận diệt ghê gớm ấy?

- Vì không thấu triệt cái lý nhiệm màu của hóa công, cho nên thiên hạ mới tự đắc, tự hào với khoa học tối cao của mình, chỉ biết có quyền lợi, chỉ nuôi những tham vọng ích kỷ xấu xa mà không kể đến cái ác quả sẽ gánh lấy về sau.

- Cụ Trọng Trình đã có lời tiên tri:

*“Mười phần hết bảy còn ba,
Hết hai còn một mới ra thái bình”*

- Chiến tranh kỳ ba dứt, còn gì là Nga với Mỹ, còn đâu các nhà lãnh Đạo khôn lanh, hăng hái, tranh hơn thua nhau từ lời nói, từ ảnh hưởng nhỏ đến ảnh hưởng to, để rồi cuộc đua người vào chỗ chết.

- Hai khối Nga Mỹ sẽ mất, nhưng trước cảnh rừng rợn náo nùng của thời hậu chiến, còn ai dám tự xưng “*Chỉ có ta đây*”, còn ai dám đứng ra kết phe lập đảng để tranh hùng tranh bá nữa.

- Nhứt định không, không có ai cả. Chỉ còn lại những người sống sót, tinh cơn ác mộng im lìm lo cho đáp đối qua ngày, họ sanh nơi đâu ở đó, sống một đời sống thanh đạm giản dị.

- Thấy rõ chiến tranh là tai hại chừng nào, còn ai điên cuồng gì lại gây ra chiến tranh nữa. Bài học qua rất đắt giá, nhưng nó thức tỉnh được lòng người ít nữa cũng hàng trăm thế kỷ.

Hòa bình từ đây sẽ được vĩnh viễn

- Nhơn loại sẽ tránh được nạn binh đao, một ngươn thanh bình sắp lộ dạng.



Đức Hộ Pháp hội kiến với Tổng Thống Đại Hàn Dân Quốc Syngman Rhee (이승만 Lý Thừa Văn) với người kế bên Đức Hộ Pháp là Lý Thừa Thu hiện đệ của Tổng Thống Lý Thừa Văn, năm 1957

AI SẼ LÃNH SỨ MẠNG TIẾN DẪN NĂM CHÂU?

- Dân tộc Việt Nam là một dân tộc thấm nhuần Đạo đức từ ngàn xưa, nhờ ảnh hưởng giáo lý của Đức Khổng Tử, Đức Lão Tử, Đức Thích Ca, Đức Chúa Jêsus, người Việt có một nền tảng luân lý rất vững chắc, luôn luôn biết thờ Trời kính Phật, sùng bái Thánh, Thần, người Việt còn biết thương yêu đồng loại như anh em một nhà, như con một cha, mà cha cả là Đức Thượng Đế.

- Mặc dầu có một vài lầm lỗi, nhưng đã biết ăn năn tự hối. Người Việt lo lập công bồi đức, công đức ấy đến hồi đơm bông kết quả, để thưởng công xứng đáng mấy ngàn năm lập quốc, mà không lúc nào được trọn quyền tự chủ. Đức Thượng Đế sẽ ban ơn cho giống Lạc Hồng thấu hồi nguyên vẹn quyền tự chủ của mình. Sống trong nước nô lệ bị mất chủ quyền, cũng như các nước láng giềng khác. Các lãnh tụ quốc gia Việt Nam sẽ lợi dụng sự đầu hàng của Nhật để

dành lại tự do cho dân tộc. Việc ấy sẽ dễ dàng hơn và đã kết thúc từ lâu, nhưng thời cơ xui khiến Cộng Sản cướp chánh quyền, rồi người Pháp trở lại hai bên đánh nhau:

Việt Minh thắng ư ?...Pháp thắng ư ?.....

Hai viễn ảnh đều tai hại cả hai.....

- Một bên là Cộng Sản phụng sự quyền lợi Nga Xô. Còn bên khác là Pháp lo duy trì quyền lợi của mình, như thế còn gì là quyền lợi của quốc gia, còn đâu là nền tự chủ.

- Muốn cứu dân cứu nước phải thoát ra khỏi gọng kìm ấy:.....

Ai sẽ vạch đường mở lối cho dân tộc Việt Nam ?.....

Ai sẽ diu dắt dân này ra khỏi bế tắc ?.....



Thống Tướng Giới Thạch (蔣中正) mời Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc, thăm viếng Đài I

- Nhờ nhà lãnh Đạo, dân tộc Việt Nam sẽ mở lối ra cho mình, sẽ tự vạch con đường sống cho mình, thật là một sứ mạng vô cùng khó khăn, một việc làm không tiền khoán hậu.

- Vì sự thành công oanh liệt đó, mà nước Việt Nam được các

nước trên thế giới yêu mến kính phục, sau những cuộc thử thách liên tiếp. Đức Thượng Đế nhận thấy chí nhẫn nại, lòng Đạo đức không dờn dỗi, óc thông minh khôn khéo của giống Lạc Hồng, nên ban ơn cho giống dân này lãnh Đạo Nhơn loại còn sống sót ở Năm Châu, hầu lập lại một xã hội mới, lấy Đạo đức Nhơn nghĩa làm căn bản, loài người sẽ hưởng một đời sống vui tươi, dưới sự hướng dẫn của nước Việt Nam thuần nhứt, nước Việt Nam muôn đời...

ANH HÙNG DÂN TỘC

- Trước 80 chục năm dư mất chủ quyền, dân ba chục triệu sống trong cảnh chim lồng cá chậu. Là người thương nước mến dân, chẳng lựa là đáng mày râu hay hàng nhi nữ mỗi công dân phải có nhiệm vụ tối cao, giải thoát cho non sông, giải thoát cho đồng loại.

- Đi tận phương trời Tây, rồi trở về Đông, để hấp thụ cái chủ nghĩa giết cha, chém chú, phản huynh đệ, đem nước nhà hiến nạp cho người, coi đất trời như không có. Hành vi ấy có thể là hành vi của anh hùng dân tộc chẳng?...

- Trước nạn khói lửa, trước cảnh nòi da xáo thịt, Nhơn loại điêu đứng, quốc gia khuynh nguy, ngày đêm chỉ biết có gái đẹp, rượu ngon, truy hoan trụy lạc vô chừng, con người như thế có đáng làm nhà lãnh Đạo quốc dân chẳng?....

- Dân tộc Việt Nam có tiếng là sáng suốt, phải nhận định cho được, ai là vị cứu tinh của mình, ai là người có thật tâm với Tổ Quốc, mới tránh khỏi họa thành cháy vạ lây...

- Từ ngày Việt Minh Cộng Sản hoạt động ráo riết, thân thành này, đoạt ả nọ, bao nhiêu cặp mắt đều chăm chú vào họ, bao nhiêu tâm hồn đều nhìn vào họ, từ lao động, trí thức, công chức, cho đến thương gia, kỹ nghệ gia, tất cả đều mong mỗi

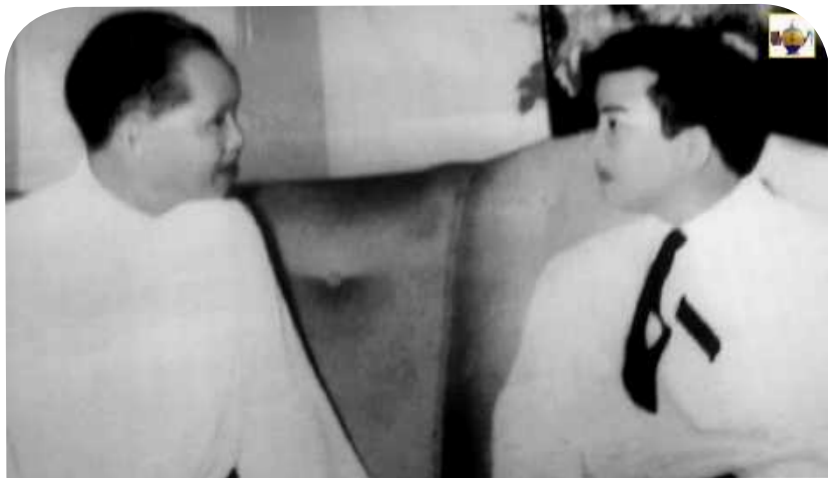
có một điều là: Tự do độc lập, nên có cảm tình với kháng chiến mà họ được tha thứ những lỗi lầm đã qua.

Vì quá tin tưởng nơi sự thắng lợi của Việt Minh, mà vô tình lại quên cái hại của dân là ở chỗ đó. !!!

- Ngày mà quân Nhựt đổ bộ lên Đông Dương, những kẻ thân Cộng, những người núp dưới “*cờ đỏ sao vàng*” sẽ bị chúng tàn sát không hối tiếc. !!!

- Người Nhựt có phận sự chống Cộng, họ sẽ diệt trừ bất cứ là ai, thuộc những đảng phái nào hay thân Cộng, kẻ tạo ra cái cảnh thê thảm ấy cho dân, làm sai lệch sự nhận định của dân, không phải là anh hùng mà là tội nhân của dân tộc vậy.

- Chiến tranh đã kéo dài trên tám chục năm, sự đau khổ chập chồng, dân tộc Việt Nam phải sáng suốt tìm đường tự cứu.



Năm 1952. Quốc Vương Norodom Sihanouk cùng đàm đạo với Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc tại Phnôm Pênh.

- Nhà lãnh Đạo đã vạch sẵn một con đường cứu dân, con đường sống duy nhất cho giống nòi, để đem lại vinh quang cho đất nước.

- Từ chỗ không đi đến chỗ có.....Từ chỗ bị trói buộc đi đến chỗ tự do.....Từ chỗ phận tôi đòi đi đến chỗ địa vị lãnh Đạo. Ai giỏi tính toán, khéo hành động để nắm chặt sự thành công trong tay, đó là anh hùng dân tộc vậy....



Đức Hộ Pháp và phái đoàn Cao Đài cùng với Tổng Thống René Coty và Chính phủ Pháp tiến vào lễ đài Khải Hoàng Môn (Arc de Triomphe Paris, France) đặc trưng hoa tường niệm trước đài Chiến Sĩ vô danh của nước Pháp. By Caodaisme Religion Institute for Historic.

VÌ SAO VIỆT NAM ĐƯỢC ÂN HUỆ LÃNH ĐẠO THẾ GIỚI?

- Trên bốn ngàn năm lập quốc, nước Việt Nam chưa lúc nào

được hoàn toàn tự chủ. Ở gần bên nước Trung Hoa hùng mạnh, mặc dù đã nhiều lần đánh đuổi được kẻ thù, nhưng sau đó muôn yên nhà lợi nước, hàng năm phải đem cống hiến lễ vật.



Đức Hộ Pháp và phái đoàn Cao Đài cùng với Tổng Thống René Coty và Chính phủ Pháp đặc trưng hoa tưởng niệm trước lễ đài Chiến Sĩ vô danh của nước Pháp, tại Khải Hoàng Môn (Arc de Triomphe Paris, France). By Cao daisme Religion Institute for Historic.

- Nhờ đức tính kiên nhẫn và tinh thần bất khuất của giống nòi, người Việt Nam đã viết nên những trang sử vẻ vang oanh liệt, làm chấn động cả thế giới.
- Trên tám chục năm bị lệ thuộc của nước Pháp, dịp may đưa đến để tháo cũi sổ lồng, nhưng cuộc tranh đấu của toàn dân lại bị Cộng Sản cướp công, làm lợi khí cho ngoại quốc.
- Vận dụng thế nào để đem lại sự thành công cho dân tộc, ấy là một nhiệm vụ rất gay go, nhưng đó mới là cái bí quyết của nhà lãnh Đạo.

- Nhờ thắng được các sự thử thách, người Việt tỏ ra mình có đủ khả năng để giải quyết mọi trở lực. Đức Thượng Đế mới giao phó cho sứ mạng diu dắt thế giới sau này...

THÀNH CÔNG VỚI LẬP TRƯỜNG DÂN TỘC TỰ QUYẾT

- Việt Nam sẽ giúp các sắc dân trên mặt đất ứng dụng lập trường ấy cho xứ sở mình, hầu xóa tan những nỗi bất công, buộc ràng áp bức, họ được hưởng một đời sống tự do đầy đủ, vui tươi. Các sắc dân sẽ cảm mến dân tộc Việt Nam, xem người Việt như anh cả.

- Nhờ đức tính chánh đáng mà Việt Nam cảm hóa được thiên hạ, sau trận đại chiến kỳ ba, hai nước Nga và Mỹ sẽ bị tàn phá tan tành, không còn địa vị nữa. Trung Quốc bị các nhà lãnh Đạo Quốc Dân Đảng dắt đi làm đường lạc lối, phải một thời gian rất lâu mới gầy dựng lại được sự nghiệp xưa.

- Còn Nhật Bản là căn cứ của Mỹ ở Thái Bình Dương, hoàn toàn bị sụp đổ dưới lửa bom mưa đạn.

- Chỉ có Việt Nam về mặt nhơn Đạo thực hiện được chánh nghĩa.

- Về Thiên Đạo được nêu cao nhơn nghĩa, bác ái, đại đồng, thuận thiên lý, hợp nhơn tâm. Nên nắm giềng mối cho chúng sanh trên mặt địa cầu này đời đời, kiếp kiếp.....

HỘ PHÁP

(Ký Tên)

PHẠM CÔNG TẮC

Dưỡng Đức, Tu Tâm. (Nam Phương)

Muốn thành đại sự hãy thành Nhân,
Học cách làm người của cổ nhân.
Thành công vốn chẳng con đường tắt,
Thượng sách dưỡng Đức với tu Tâm.

Cổ ngữ có câu nói rằng: “Muốn làm nên sự nghiệp thì trước hết phải biết làm người”. Vậy làm người như thế nào? Con người cần phải có những tố chất nào để trở thành ‘Con Người’ chân chính, làm nền tảng cho thành công, thành tựu sự nghiệp? Người xưa đã đúc kết ra một số phép tắc cơ bản rất đáng để chúng ta tham khảo.

THÀNH TÍN: Lời nói ắt phải giữ chữ TÍN

Khổng Tử có nói rằng: “Con người mà không có chữ Tín thì không biết anh ta làm thế nào mà lập thân xử thế, có chỗ đứng trong xã hội được. Như xe to không càng, xe nhỏ không đòn, làm sao mà đi được?”. (Nguyên văn: Nhân nhi vô tín, bất tri kì khả dã. Đại xa vô cừ, tiểu xa vô ngột, kì hà dĩ hành chi tai?)

Tăng Tử người nước Lỗ là học trò xuất sắc của Khổng Tử, có nhiều công hiến hoàng dương Nho học. Một hôm vợ ông đi chợ, con trai nhỏ khóc đòi theo đi, thế là bà liền nói dỗ con: “Con ở nhà, đợi mẹ đi chợ về mỗ lợn cho con ăn”. Khi bà đi chợ về, Tăng Tử bắt lợn thịt. Vợ ông thấy vậy vội ngăn lại: “Tôi chỉ nói đùa để dỗ dành con thôi, sao ông lại tưởng thật?”.



Chuyện Tăng Tử giết lợn (Ảnh minh họa: Angie/EpochTimes)

Tăng Tử nói: “Không thể nói chơi với trẻ con được. Trẻ con chưa có khả năng suy xét phán đoán, do đó cha mẹ phải dạy bảo, và nghe theo cha mẹ dạy dỗ. Hôm nay bà nói dối lừa nó, chính là dạy nó lừa dối người khác. Mẹ lừa dối con thì con sẽ không tin vào mẹ nữa. Thế thì sao có thể dạy con thành chính nhân quân tử được”.

ĐẠO HIẾU - Bách hiện hiếu vi tiên

Trong Luận Ngữ có viết: “Người hiếu thuận với cha mẹ, tôn kính anh chị, mà lại thích phạm thượng, chống đối cấp trên, thì rất ít. Người không phạm thượng, chống đối cấp trên mà lại thích tạo phản thì xưa nay chưa từng có. Người quân tử dốc sức tu dưỡng cái gốc. Cái gốc đã vững, thì nguyên tắc đạo đức mới hình thành. Hiếu thuận cha mẹ, tôn kính anh chị là cái gốc của đạo Nhân”.

Vua Thuấn khi còn nhỏ, cha ông vừa mù vừa điếc, lại vô cùng nóng nảy. Mẹ ông mất sớm, cha ông lấy vợ kế sinh

được em trai kể là Tượng. Mẹ kể là người nhỏ nhen ích kỷ, thường nói xấu Thuấn với cha, nên Thuấn thường bị cha đánh mắng.



Lòng hiếu thảo của Ngu Thuấn làm cảm động trời đất.
(Ảnh minh họa qua sohu.com)

Nhưng Thuấn là người con đại hiếu, vẫn ân cần hiếu thuận với cha mẹ, nhường nhịn em. Tuy nhiên, mẹ kể vẫn sợ Thuấn được kế thừa một nửa gia nghiệp, nên nghĩ kế hãm hại Thuấn hết lần này đến lần khác.

Thuấn lớn lên trong mắng chửi đánh đập của cha, trong ghen ghét, hãm hại của mẹ kế và em trai, nhưng Thuấn vẫn không hề có chút tâm oán hận họ, cũng chẳng để tâm đến lời nói hành vi độc ác của họ đối với mình.

Đức hạnh hiếu thảo của Thuấn cuối cùng cũng đã khiến mẹ kế và em trai cảm động, cả nhà hòa hợp vui vẻ. Sau này Thuấn được vua Nghiêu nhường ngôi trị vì thiên hạ, và trở thành một Thánh đế nổi tiếng trong lịch sử, gây dựng thái bình thịnh trị đời Nghiêu – Thuấn.

HÔI LỖI - Biết sai phải hối cải



Vua Trần Anh Tông trong bức “Trúc Lâm Đại sĩ xuất sơn đồ”.
(Ảnh: Wikipedia)

Không Tử nói: “Lỗi mà không sửa mới thực sự là lỗi vậy”
(Nguyên văn: Quá nhi bất cải, thị vị quá hĩ). Đã là con người,
thì ai ai cũng sẽ liên tiếp mắc lỗi. Người thông minh là biết
tiếp thu ý kiến người khác, thừa nhận cái sai của mình, như

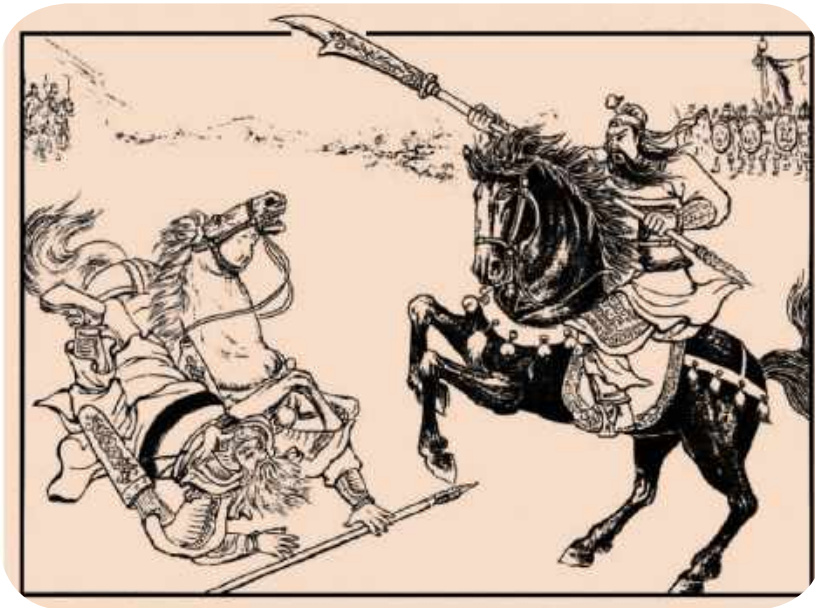
thể họ sẽ không ngừng thăng tiến về phẩm đức và trí tuệ.

Một vị vua anh minh trong lịch sử nước ta là Trần Anh Tông, ông tên là Trần Thuyên, là con cả của vua Trần Nhân Tông. Thuở thiếu thời ông buông thả, phóng túng, tụ tập bạn bè rượu chè tiệc tùng chơi bời. Được vua cha dạy bảo, ông hối lỗi, quyết tâm khắc kỷ phục lễ, tu sửa mình. Sau này ông được vua cha truyền ngôi, tự xưng là Anh Hoàng. Ông đã trở thành vị vua anh minh sáng suốt, biết trọng dụng người tài. Thời ông trị vì, nước Đại Việt đã phát triển rực rỡ, mở mang bờ cõi về phía nam. Ông cũng là người tôn sùng Phật giáo, và là một thi nhân tài hoa.

CHÍ HƯỚNG: Làm người không ai có thể tước đoạt được chí hướng ý chí mình.

Mạnh Tử nói: “Nam nhi đại trượng phu dù sống trong cảnh giàu sang phú quý mà tâm trí không mê loạn, trong cảnh nghèo hèn cũng không làm tiết tháo thay đổi, bị người dùng vũ lực đe dọa uy hiếp nhưng không thể khuất phục được”.

Hoa Hùng là đại tướng của Đông Trác liên tiếp trăm liền mấy viên tướng của liên quân, khi các tướng của các chư hầu đều run sợ thì Quan Vũ vươn mình bước ra, trăm Hoa Hùng khi chén rượu vẫn còn nóng. Trong trận chiến Tương thành, Phàn thành, Quan Vũ dẫn nước nhấn chìm 7 cánh quân, bắt sống Vu Cẩm, trăm Bàn Đức, uy chấn Hoa Hạ. Sau này vì Đông Ngô đột kích, Ngô Ngụy giáp công, Quan Vũ bại trận chạy đến Mạch thành. Sau khi bị bắt, cha con Quan Vũ khảng khái chết vì nghĩa. Đây chính là “vũ lực đe dọa uy hiếp nhưng không thể khuất phục được” (Uy vũ bất năng khuất).



Quan Vũ trăm Hoa Hùng. (Ảnh minh hoạ: EpochTimes)

KẾT GIAO BẰNG HỮU: Giữ mức độ phù hợp khi kết bạn

Có câu: “Người quân tử kết giao đạm bạc như nước”. Người bạn có phẩm chất như nước thì không nhiệt liệt, không sôi động, không phô trương, làm việc thiện mà không muốn người khác biết, cứ lặng lẽ âm thầm. Người bạn như nước khiến người ta có cảm giác không phụ thuộc nhưng lại không thể rời xa. Bằng hữu chân chính là người có thể vui buồn có nhau, đồng cam cộng khổ, cùng chung hoạn nạn. Nhưng lúc bình thường thì mối quan hệ giữa họ nhạt nhạt, nhẹ nhàng, thanh đạm như nước vậy.

Đó là tình bạn giống như mối quan hệ giữa Quan Vũ và Lưu Bị. Kết nghĩa vườn đào, thề cùng sinh tử, Quan Vũ là em, là

trợ thủ đồng thời cũng là tri kỷ của Lưu Bị. Ở dưới trướng Tào Tháo, dù hưởng vinh hoa phú quý, bạc vàng mỹ nữ, được ân phong hầu nhưng Quan Vũ trước sau vẫn một lòng hướng về Lưu Bị khi ấy cũng đang phiêu dạt bốn bề, tay trắng dựng nghiệp. Sau, nghe tin Lưu Bị đang ở chỗ Viên Thiệu, Quan Vũ cưỡi Xích Thố không quản ngày đêm vượt nghìn dặm tìm về.



Kết nghĩa vườn Đào, cùng thê sinh tử của ba anh em: Lưu Bị, Quan Vũ, Trương Phi. (Ảnh qua kknews.cc)

KHOAN DUNG - Cảnh giới của tâm nhân hậu

Một người có tấm lòng khoan dung thì nội tâm tự nhiên sẽ yên tĩnh bình hòa. Khoan dung và tha thứ cho người khác thực ra cũng chính là bao dung cho bản thân mình.

Liên Pha là một vị danh tướng của nước Triệu, đã từng lập rất nhiều công lao to lớn. Liên Pha rất không phục, bất bình khi Lạn Tương Như được phong tước cao hơn mình và công khai thách thức Tương Như. Chính vì vậy mà Lạn Tương Như thường xuyên tránh mặt Liên Pha, thậm chí ngay cả trong những buổi thiết triều.

Tùy tùng của Lạn Tương Như cho rằng ông nhu nhược và muốn rời bỏ ông. Lạn Tương Như biết chuyện bèn nói với họ: “Ta nghĩ rằng nước Tần hùng mạnh nhưng lại không đem binh đánh nước Triệu vì văn thần có ta, võ tướng có Liêm Pha. Nếu như hai hổ tranh đấu tất sẽ có một con bị thương, Tần quốc biết được sẽ nhân cơ hội này mà mang quân đến xâm lược. Quốc gia mất, nếu so với đặc thất của cá nhân ta thì còn quan trọng hơn nhiều, do đó ta không nhẫn không được”.

Liêm Pha khi nghe được chuyện này thì vô cùng xấu hổ, nên tự cầm theo roi đến quỳ tạ tội trước Lạn Tương Như. Hai người sau đó trở thành bạn tri âm tri kỷ, cùng nhau giúp vua nước Triệu giữ vững giang sơn xã tắc.



Liêm Pha tự cầm theo roi đến quỳ tạ tội trước Lạn Tương Như.
(Ảnh minh họa: EpochTimes)

Người thời nay nôn nóng thành công, muốn làm giàu sau một đêm, muốn một bước lên trời nên đã đi những con ‘đường tắt’ như quan hệ ‘cửa sau’, mua quan bán chức, tham nhũng hối lộ, lừa đảo giả dối, thậm chí qua các con đường buôn gian bán lận, cờ bạc đỏ đen, buôn bán ma túy, cho vay nặng lãi. Nhiều trường hợp thậm tệ hơn còn đi trộm cắp cướp giết, cướp của giết người, thuê giết người giành giật mỗi làm ăn... Do đó đã hình thành tội phạm có tổ chức, xã hội đen, băng nhóm, thậm chí có cả những người trong các cơ quan bảo vệ pháp luật, cơ quan công quyền.

Nhưng ‘dục tốc bất đạt’, những con ‘đường tắt’ đó có thể mau chóng giúp một số người ‘thành công’, nhưng ‘bất thành nhân’, không đủ tiêu chuẩn làm người. Chính vì thế mà bị hủy hoại sự nghiệp, thậm chí tù đày, mất mạng, để lại tiếng xấu muôn đời.

Nguyễn Thái Học, người khởi xướng Khởi nghĩa Yên Bái năm 1930 đã nói rằng: “Không thành công cũng thành nhân”. Do đó có thể thấy, làm người, thành nhân quan trọng như thế nào, dẫu không thành sự nghiệp thì cũng đã nên người, đã thành nhân, tiếng thơm lưu truyền sử sách.

Thế nên:

Muốn thành đại sự hãy thành Nhân,
Học cách làm người của cổ nhân.
Thành công vốn chẳng con đường tắt,
Thượng sách dưỡng Đức với tu Tâm.

(Nam Phương)

Tình thần Ollin



“ Cuộc sống này, bạn chẳng thể nào tránh khỏi việc phải đối mặt với nhiều vấn đề này sinh. Nhưng bạn hãy nhớ một điều rằng mọi việc vốn không hề khủng khiếp và đáng sợ như chúng ta tưởng. ”

Never again would I aspire to seek power and authority through the donning of a lurid yellow raincoat - Tôi sẽ không bao giờ khao khát tìm kiếm quyền lực và uy quyền thông qua việc hiến tặng một chiếc áo mưa màu vàng hoa mỹ.



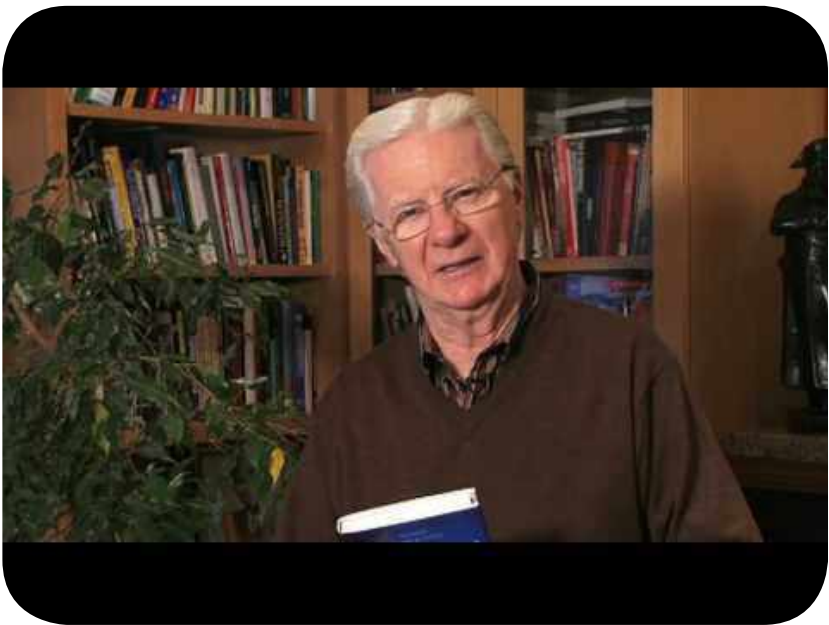
Chữ Ollin được phát âm là “All-in”. Đó là một biểu hiện của một chiều sâu bao la truyền tải sự chuyển động mạnh ngay cùng một thời điểm. Xuất phát từ ngôn ngữ Nahuatl cổ đại, Ollin có nguồn gốc từ chữ “yollotl”, có nghĩa là trái tim và chữ “yolistli”, nghĩa là cuộc sống

Vì vậy, rút ráo lại:

Ollin có nghĩa là di chuyển và hành động ngay từ bây giờ với tất cả trái tim của bạn.

Cuộc sống vốn là khách quan. Để có thể sống thanh thoi, yên bình, bạn nên chấp nhận cuộc sống như nó vốn là thế. Căng thẳng, lo âu, và thất vọng là một phần tất yếu của cuộc sống, nhưng đừng để chúng kiểm soát cuộc sống của bạn. Chấp nhận những khía cạnh gian nan của cuộc sống, tin tưởng vào chính bản thân sẽ giúp bạn thêm mạnh mẽ đối diện với mọi vấn đề một cách kiên cường nhất.

1- Kevin Hall



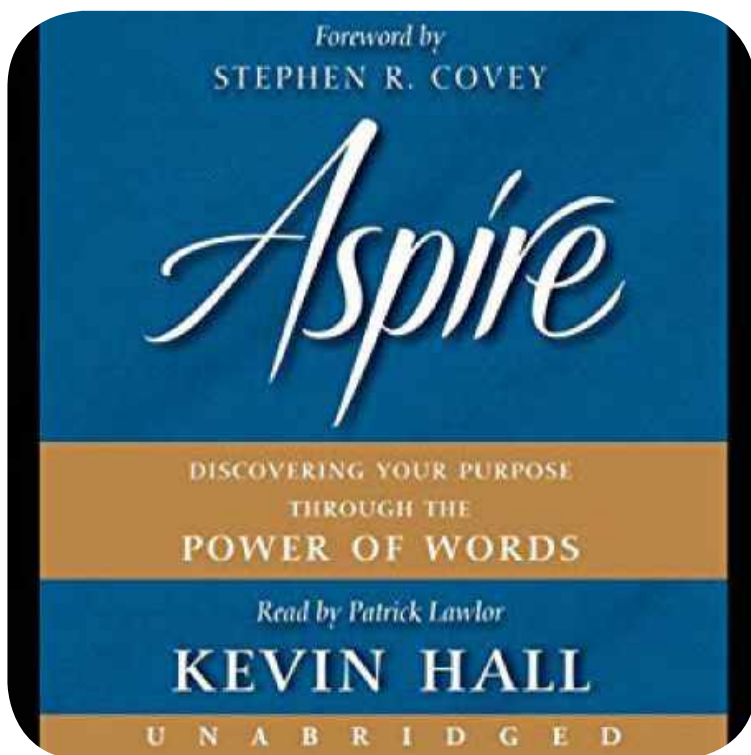
Qua tác phẩm “*Discovering your purpose through the power of words*” hay “Khám phá mục đích của bạn thông qua sức mạnh của ngôn từ”, Kevin Hall đã mang vào sách

với một từ “*Aspire – Khao khát*”, và chính từ này đã được diễn giảng ra bao từ khác trong trọn cuốn sách trên.

KEVIN HALL là một nhà tư vấn kinh doanh, diễn giả và huấn luyện viên rất được nhiều cơ quan ngưỡng mộ và săn tìm. Ông là một đối tác trong Franklin Quest, nhà sản xuất của Franklin Day Planner. Là Phó chủ tịch bán hàng và đào tạo, ông đã giúp thúc đẩy sự tăng trưởng trên toàn thế giới của Franklin.

Ông đã được công nhận như người có cung cách tiếp cận đột phá của mình để khám phá những ý nghĩa bí mật giấu kín trong các từ ngữ thông dụng.

2- Nội dung cuốn sách



Ngay khi tôi (tác giả) phá vỡ nền tảng mới trong sự phát triển của con người hơn hai mươi năm trước bằng cách **khám phá những thói quen tạo nên một cuộc sống có ý nghĩa và hiệu quả**, Kevin Hall đang phá vỡ nền tảng mới bằng cách khám phá và tiết lộ ý định và ý nghĩa thực sự của những từ ngữ tạo nên những thói quen đó.

Từ ngữ có sức mạnh và là một sức mạnh đáng kinh ngạc! Tôi có thể chờ đợi để xem phản ứng của thế giới đối với ngôn từ “*Aspire*”!

Khả năng của Kevin Hall để mở **chiếc khóa** khả năng **tiềm ẩn** của con người là rất hiếm và vô cùng có giá trị. Trong *Aspire*, Ông tiết lộ một mô hình hoàn toàn mới **cho sự phát triển và phát triển cá nhân, đó là sự năng động và thay đổi cuộc sống**.

Một khi bạn chọn cuốn sách này, bạn sẽ thấy khó để đặt xuống. Các lớp ví dụ và nguyên tắc bên trong một từ ngữ có thể chứng minh sự thay đổi cuộc sống. Không chỉ là một sự tham gia hấp dẫn vào từ nguyên thủy, *Aspire có sức mạnh để giúp các cá nhân hay nhóm tập trung vào mục đích thực sự của họ và đạt được những khát vọng tốt nhất và cao nhất*.



Chúng ta thấy sức mạnh đáng kinh ngạc của những từ ngữ từ các công cụ mà chúng ta có thể sử dụng để hình thành *suy nghĩ và niềm tin mới*, giúp chúng ta thay đổi và kiến tạo ra một sản phẩm vật chất hay tinh thần tốt hơn cho bản thân và nhân loại.

Cuốn sách này mang đến **nguồn** sáng cho sức mạnh của ngôn ngữ để không chỉ thông báo mà còn nhận ra tiềm năng của một *cuộc sống được sống trọn vẹn*. Và những tiết lộ trong *Aspire là những công cụ cần thiết để hỗ trợ mọi bước đi trong cuộc sống* - The revelations in *Aspire* are necessary tools to aid every passage of life.

Một chuyên gia được công nhận vì đã phát hiện ra ý nghĩa bí mật ẩn chứa của của một ngôn từ, và Kevin Hall là người tìm ra những ẩn chứa ấy và chia sẻ cùng tất cả chúng ta. Trong *Aspire!* ông hướng dẫn người đọc hiểu ý nghĩa của mỗi từ theo nghĩa thuần túy nhất của chúng và khơi mở tầm quan trọng của chúng khi con người khai triển một từ vựng mới.

Như **Stephen R. Covey** đã làm sáng tỏ một cách tuyệt vời trong lời nói đầu của mình, “cuốn sách được viết thành thạo này sẽ giúp bạn hiểu rằng các từ có một sức mạnh vốn có, *một lực có khả năng thấp sáng những con đường và chân trời mới*.”

- Nếu được sử dụng chính xác và tích cực, từ ngữ là khối xây dựng đầu tiên cho sự thành công và hòa bình tiềm ẩn;
- Nếu được sử dụng không chính xác và tiêu cực, chúng có khả năng làm suy yếu ngay cả những ý định tốt nhất”.

Bằng cách tập trung vào mười một từ - mỗi từ một chương - **Khát vọng!** cho thấy làm thế nào để xử dụng những từ này như các nền tảng xây dựng để thành công và hòa bình tiềm ẩn.

“Peace cannot be kept by force; it can only be achieved by understanding.”



—Albert Einstein

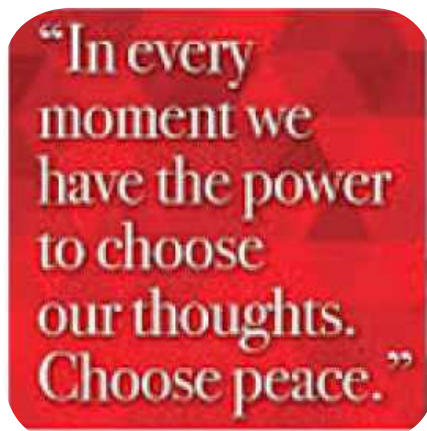
1. **Aspire** - Khát vọng - Khám phá mục đích của bạn thông qua sức mạnh của ngôn từ.
2. **Genshai** - Bạn không bao giờ nên đối xử với một người theo cách khiến họ trở nên nhỏ bé bao gồm cả chính bạn. (Xem lại bài Genshai trên blog hay FB của người viết).
3. **Pathfinder** - Từ này có nguồn gốc Ấn-Âu, nhà lãnh đạo về nguyên thủy có nghĩa là tìm đường (pathfinder). Các nhà

lãnh đạo đọc ra các dấu hiệu và manh mối, và họ chỉ đường đi.

4. **Namaste** - Tôi tôn vinh nơi bạn ở, nơi toàn bộ vũ trụ hiện hữu. **Tôi tôn vinh vị trí trong bạn, của ánh sáng, tình yêu, sự thật, hòa bình và trí tuệ.**

5. **Passion** - Đam mê – Từ niềm đau khổ lẫn ước muốn nhằm đạt được mục tiêu. Những điều tuyệt vời chỉ đạt được thông qua đam mê theo sau là hành động. Có thể có rất nhiều người mới bắt đầu nhưng chỉ những người đam mê mới đạt được mục tiêu của họ.

6. **Sapere Vedere** - Biết cách nhìn thấy. Chỉ bắt đầu một hành trình nếu bạn có thể thấy đường đi cho đến khi kết thúc rõ ràng. Tạo một hình ảnh rõ ràng về kết quả cuối cùng rồi tiếp theo sẽ chuyển hóa thành tích của sự thành công trên.



7. **Humility and Success** - Khiêm tốn và Thành công có liên quan. *Khiêm tốn xuất phát từ tiếng Latin Humus - có nghĩa là đất màu mỡ. Trong tiếng Latin Succeder có nghĩa là đi lên.* Từ giữa “cede - nhượng” xuất phát từ chữ hạt giống (seed). Điều này có nghĩa là, khi bạn gieo một hạt

giống (những gì bạn muốn trở thành) trong mùn (humus - khiêm tốn) (đất màu mỡ - fertile soil) sự thành công sẽ đạt được.

8. **Inspire – Truyền cảm hứng.** Hít thở cuộc sống vào một

người mà bạn gặp (Breathe life into one whom you meet).

9. **Empathy** - Đồng cảm. Đi trên con đường của người khác. Để có sự đồng cảm, người ta cần tích cực lắng nghe và quan sát. *Chỉ khi chúng ta mở cửa lòng cho người khác bước vào, chúng ta mới có thể đồng cảm và bước đi trên cùng một con đường của người khác.*

10. **Coach** – Huấn luyện viên. Đưa một người từ nơi anh ta đến nơi anh ta dự định đi.

11. **Ollin** - Di chuyển và hành động với tất cả trái tim của bạn.

3- Hãy lắng nghe điều này



Bắt nguồn từ người Hy Lạp, **Enthusiasm** - Nhiệt tình có nghĩa là Thượng Đế hoặc quà tặng của Thượng Đế tiềm ẩn bên trong (God and God's gifts within). **Nhiệt tình là nhiên liệu của hạnh phúc và chân phúc** (happiness and bliss). Bạn chỉ cần hiểu những từ đó đến từ đâu và từ đó, có thể mở mắt chúng ta nhằm mục đích hiểu sâu hơn và đi đến một kết ước (commitment) mới để sống tốt đẹp hơn?



Aspire là một cuốn sách phi hư cấu (non-fiction) được chia thành mười một chương khác nhau, mỗi chương tập trung vào một từ khác nhau (thực sự là từ ngữ) và cách thực hành từ đó có thể thực sự thay đổi cuộc sống của bạn tốt hơn. Những từ mà tất cả chúng ta nghe và biết như đam mê, khiêm tốn và truyền cảm hứng... Và những từ mà tất cả chúng ta không biết rõ như *ollin và sapere vedere*. Mỗi chương bao gồm một số loại câu chuyện hoặc giai thoại trong đó Hall giải thích cách ông học được ý nghĩa thực sự của từng từ ngữ này.

Còn về phần chúng ta, mỗi người đọc trong một âm hưởng khác nhau, nhìn vấn đề dưới những lăng kính khác nhau. Tuy nhiên, dù dưới một góc độ nào, 11 từ ngữ trên cũng như cung cách diễn giảng của Kevin Hall đã gợi ý cho chúng ta những suy tư lắng đọng hơn, sâu thẳm hơn về ý nghĩa của mỗi từ ngữ trên.

*Cho dù nếu có mang một định kiến cá biệt nào đi nữa, tinh thần **Ollin và Aspire** cũng vẫn còn lắng đọng trong tâm tư của mỗi chúng ta để cùng định hướng về một thế giới hòa bình và cảm thông với nhau hơn.*



Mai Thanh Truyết
Mùa Vu Lan 2019

Vu Lan và Mùa Báo Hiếu (HT. Lê Quan Liêm) ¹

Lẽ Vu Lan có từ thời Đức Phật Thích ca, còn hiện hữu tại thế giới vô thường này. Do sự tích Bồ Tát Mục Kiền Liên dùng thần thông đi xuống tận Địa ngục dâng cơm cho mẹ là bà Thanh Đề bị thất bại.

I. Bà Thanh Đề

Bà Thanh Đề, là vợ của một vị viên ngoại (nghệp chủ) giàu có lớn đương thời. Chồng mất sớm, bà ở vậy nuôi con, không tái giá. Con bà là Mục Kiền Liên, chuyên tâm tu hành, sau này trở thành Đệ nhị đệ tử trong số Thập Đại đệ tử của Đức Phật, thần thông đệ nhất là Bồ Tát Mục Kiền Liên. Còn bà Thanh Đề về già, cũng là một cư sĩ tại gia, chuyên trì tụng kinh kệ thường tới lui các chùa, lễ lạy Phật và trai tăng, chuyên hành hạnh bố thí.

Tương truyền rằng, một hôm, tự tay bà Thanh Đề đã lột từng hạt thóc, được thành ba chung gạo. Bà mới đem ba chung gạo này tới chùa làm lễ phẩm cúng dường Phật. Bà tự cho ba chung gạo của bà là một lễ phẩm quý giá. Vì tự bà đã bỏ nhiều công sức và thời giờ quý báu để thực hiện nên công tác này. Nhưng khi bà mang ba chung gạo tới chùa để dâng cúng Phật, thì bà được tiếp nhận bằng một thất vọng ê chề trái ngược hẳn với ý nghĩ của bà đã có. Vì khi các Tăng Ni trong chùa được biết lễ phẩm cúng Phật của bà duy nhất chỉ có ba chung gạo, thì thái độ tiếp đãi

1-Bài này đăng trong Tập San Thế Đạo số 9 phát hành tháng 9 năm 2000.

của các Tăng Ni đối với bà hoàn toàn khác hẳn. Thay vì ân cần, vồn vã, trở thành thờ ơ lạnh nhạt buồn bã.

Bà Thanh Đề vốn là một cư sĩ nhiều năm nhưng bà chưa đạt tới cái tâm vô chấp. Bà còn “chấp ngã” nặng nề. Chấp ngã nghĩa là còn thấy cái thân này vốn có thật. Ai chạm đến cái thân này (tức cái tôi của mình) thì lo bảo vệ nó, nên giận, nên hờn. Còn thấy cái tâm này vốn thật có, ai chạm đến cái tâm này thì lo “tự ái, cố chấp” nên buồn mãi, ghét mãi không thôi. Nhưng thân này vốn không thật có, nay còn mai mất. Và tâm này vốn không thật có, nay vui, mai buồn. Nên khi đã bước vào con đường Đạo, theo luật vô thường dạy tâm và thân này không thật có, nên buông bỏ tự ái và cố chấp. Nên sống bằng cái tâm “từ bi hỉ xả”, để giải thoát hết phiền não và khổ đau, để thân và tâm được an vui và nhẹ nhàng. Bà Thanh Đề, thấy các Tăng Ni trong chùa đối đãi với bà như vậy nên Bà cảm thấy giận, buồn và ghét các Tăng Ni. Giận, buồn và ghét lâu ngày trở thành oán và thù. nên bà rấp tâm trả oán.

Một hôm, bà sắm sẵn một số lượng thật nhiều bánh ích có nhân bằng thịt chó, bà chuyên chở số bánh này tới chùa để cúng dường Tăng Ni. Vì số lượng bánh nhiều, nên thái độ của các Tăng Ni đối với bà khác hẳn. Họ tỏ rõ sự ân cần, vồn vã và vui vẻ hiện lên từng khuôn mặt. Họ lãnh thọ hết số lượng bánh ích có nhân bằng thịt chó của bà mang tới. Nhưng vị Sư chủ, trụ trì ngôi chùa này là một vị cao tăng, một vị Thiên Sư, đạo cao, đức trọng. Ngài biết rõ thâm ý và hành động của bà Thanh Đề nên Ngài ngăn cấm các Tăng Ni trong chùa không cho họ thọ dụng số lượng bánh ích này. Ngài bảo họ mang hết số lượng bánh

ích của bà Thanh Đề đem tới bỏ ngoài mương độn (nơi đổ rác). Tương truyền rằng, chỗ mương độn, nơi bỏ số lượng bánh ích này, về sau mọc lên năm loại rau cay như hành, hẹ, tỏi, nén và rau răm; là loại rau có tính kích dục nên ở các nhà chùa, cho tới ngày nay, các vị Tăng Ni, đều cử ăn năm loại rau cay này. Về sau, vì tâm địa sâu độc, bà Thanh Đề chết, luân hồi vào ba đường dữ (đọa tam đồ bất năng thoát tục), đầu thai làm Ngạ Quỷ (loài quỷ đói), dưới Địa ngục².

II. Bồ Tát Mục Kiều Liên cứu mẹ.

Bồ Tát Mục Kiều Liên là con trai của bà Thanh Đề, tên thật là La Bốc. Cha mất sớm, sống với mẹ. Ông là người thông minh, tánh tình hiền hòa. Lớn lên, xin mẹ xuất gia, đi tu. Ông trở thành bạn đồng tu với Bồ Tát Xá Lợi Phất. Bồ tát Xá Lợi Phất cũng là người cực kỳ thông minh. Về sau, mỗi người đều lãnh đạo một số đông đệ tử đi theo hai ông tu học. Hai ông đi tu trước khi Đức Phật Thích Ca ra đời khá lâu.

Mục Kiều Liên và Xá Lợi Phất nghe Đức Phật ra đời thuyết pháp độ sinh, hai ông rủ nhau đến nghe Phật thuyết pháp. Sau khi nghe Phật thuyết pháp, hai ông đều đồng ý với nhau rằng, đây quả là một vị Phật vĩ đại, giảng trần thuyết pháp, giảng dạy chơn lý vi diệu thậm thâm. Chơn lý này có quyền năng đưa chúng sanh ra khỏi phiền não và khổ đau, đi tới bờ giác ngộ và giải thoát. Sau khi nghe

2- Ngạ quỷ là loài quỷ đói, bụng to như trống chầu, cổ họng thì nhỏ như thân kim. Đói thì nhiều, mà thức ăn thì nuốt vô được rất ít, nên cam chịu nỗi khổ của cơn đói hành hạ triền miên.

Phật thuyết pháp lần đầu, ngài Xá Lợi Phất liền phát biểu “những lời Phật thuyết thì có giá trị như vàng như ngọc. Những gì chúng tôi học lâu nay thì giống như cát như đá”. Rồi sau đó hai ông Xá Lợi Phất và Mục Kiều Liên, hẹn nhau cùng dẫn hết chúng đệ tử của mình, đến xin quy y Phật. Về sau, Ngài Xá Lợi Phất trở thành Đệ Nhất Đại đệ tử, nổi tiếng là bậc trí huệ đệ nhất. Còn Ngài Mục Kiều Liên trở thành Đệ Nhị Đại đệ tử, nổi tiếng là bậc thần thông đệ nhất, trong hàng Thập Đại đệ tử của Đức Phật ³.

Bồ tát Mục Kiều Liên, biết mẹ mình, là bà Thanh Đề, đã từ trần, và bị đày thai vào ba đường dữ đáng làm loài Ngạ Quỷ dưới địa ngục nên Ngài xin Đức Phật đi xuống địa ngục để thăm mẹ. Ngài dùng thần thông, mang cơm xuống địa ngục thăm mẹ và dâng cơm cho mẹ. Khi bà Thanh Đề nhìn thấy Bồ Tát Mục Kiều Liên, người con đạo hạnh và hiếu thảo của mình xuống tới địa ngục thăm mình, và dâng cơm cho mình thì lòng bà vui mừng khôn xiết và đồng thời tâm bà lúc bấy giờ vô cùng hối hận về những hành động vô cùng độc ác của bà khi bà còn sống ở cõi trần gian. Nhìn thấy bát cơm của con, cơn đói cùng cực của bà nổi lên, hành hạ bà dữ dội hơn. Nhưng khi bà nuốt cơm vào cổ họng, thì những miếng cơm liền biến thành những quả cầu

3- Mười hai đại đệ tử của Đức Phật:

1- Xá Lợi Phất, Trí huệ Đệ nhất 2- Mục Kiều Liên, Thần thông đệ nhất 3- Phú Lô Na, Thuyết pháp Đệ nhất 4- Tu Bồ đề, Giải không Đệ nhất 5- Ca Chiên diên, Luận nghị đệ nhất 6- Đại Ca Diếp, Đầu Đà Đệ nhất 7- A Nan Luật, Thiên Nhân Đệ nhất 8- Ưu Bà Ly, Trì Giới đệ nhất 9- A Nan Đà, Đa Văn Đệ nhất 10- La Hưu La, Mật Hạnh Đệ nhất.

gai bằng sắt đang cháy đỏ. Bà nuốt tới đâu thì cổ họng bà bị thiêu đốt và gai nhọn cào xé tới đó, còn cơm thì không sao tới được bụng. Cái bụng to đang bị cơn đói hành hạ. Nhưng vì cơn đói hành hạ nên bà lại thêm cơm và cứ tiếp tục nuốt cơm, nên bà cứ tiếp tục bị sự thiêu đốt và cào xé rách nát cổ họng bằng những quả cầu gai bằng sắt đang cháy đỏ. Không còn sự đau khổ nào hơn, chính tâm địa độc ác của bà ngày xưa đang hành hạ bà bây giờ.

Với quyền năng có thần thông đệ nhất của Bồ tát Mục Kiều Liên, nhưng Ngài nhìn thấy tình huống khổ đau cùng cực của mẹ mình như vậy, Bồ Tát cũng đành bó tay, ôm mẹ mà khóc. Rồi Ngài từ giả mẹ trở về cõi dương trần. Ngài mới bạch tự sự nỗi niềm của mẹ Ngài như vậy với Phật và khẩn cầu Phật mở lòng Từ Bi ra tay cứu độ mẹ Ngài.

Phật dạy rằng “Mẹ ông khi còn sống tại dương trần đã phạm những tội ác quá nặng, có chủ tâm làm hại những người tu hành, ta đây cũng đành chịu thôi. Nhưng ta có cách chỉ cho ông, nếu ông làm y theo thì sẽ cứu mẹ ông ra khỏi kiếp Ngạ Quỷ và sau đó tiếp tục tu hành sẽ đạt quả giải thoát. Vậy kể từ bây giờ, ông nhất mực tịnh tâm, dùng thần thông của ông, nhìn thấu suốt khắp tất cả những nơi hang sâu, thâm sơn, cùng cốc để tìm kiếm những vị thiền sư, cao tăng đạo cao đức trọng. Rồi ông thỉnh họ về đây. rồi ông thực hiện một cuộc trai tăng, thật ân cần với họ. Rồi ông khẩn cầu họ, nhất tâm và chí thành chú nguyện, cộng với nguyện lực của chính ông và sự sám hối rất ráo của mẹ ông, để cầu xin cho mẹ ông ra khỏi kiếp Ngạ Quỷ và đưa bà về nơi Côn Lôn Sơn, để bà ở đó tiếp tục tu hành

cho tới ngày giải thoát”. Bồ tát Mục Kiền Liên làm đúng theo lời Phật dạy và kết quả cũng đúng như lời Phật đã chỉ. Bồ Tát Mục Kiền Liên đã cứu được mẹ.

III. Sự tích Lễ Vu Lan va mùa báo hiếu.

Từ sự tích Bồ Tát Mục Kiền Liên cứu được mẹ trên đây được truyền tụng trong nhân gian, khắp các nước Á châu. Nên mỗi năm vào ngày Rằm Trung Ngươn 15-7-Âm lịch, hầu hết các gia đình của các dân tộc thuộc Á châu, đều lấy ngày này làm ngày lễ Báo Hiếu cho Tổ Phụ, Ông bà và Cha Mẹ đã quá vãng. Ngày Rằm Trung Ngươn 15-7 Âm lịch, được gọi là ngày “Lễ Vu Lan”. Tháng bảy Âm lịch được gọi là “Mùa Báo Hiếu”. Người ta có thể tự làm lễ cầu nguyện tại nhà, nếu ở nhà có bàn thờ Phật hoặc bàn thờ Chí Tôn. Hoặc họ lập danh sách của Tổ phụ, Ông Bà, Cha Mẹ và người thân, đưa tới nhà Chùa, Tòa Thánh, Thánh Thất hoặc Thánh Tịnh để nhờ ở đây dâng sớ với sự công hợp nguyện lực của bốn đạo cầu xin cho vong linh của ông bà, tổ phụ, cha mẹ và người thân được siêu thăng về cõi tịnh độ.

Vì truyền thống của người Á châu, đều tôn trọng Đạo lý của Tam Giáo: Phật, Lão, Khổng mà Phật giáo, Lão giáo và Khổng giáo đều dạy rằng, trong tất cả hành vi đạo đức của con người phải lấy hiếu hạnh đối với cha mẹ làm gốc.

Trong Phật giáo, Phật dạy “Vạn hạnh dĩ hiếu di tiên” (nghĩa là trong mọi hành vi đạo đức phải lấy hành vi hiếu thảo với cha mẹ làm đầu). Trong Nho giáo, Đức Khổng Tử dạy “Dĩ ái tử sự thân, tột hiếu” (nghĩa là hãy thương yêu cha mẹ y như thương yêu con mình, thì mới trọn hiếu) vì hầu như tất cả con người đều dành sự thương yêu, hy sinh

và bảo bọc cho con mình lên hàng đầu. Con là tất cả. Nho giáo còn dạy “Hiếu thuận hườn sanh hiếu thuận tử. Ngỗ nghịch hườn sanh ngỗ nghịch nhi” (nghĩa là muốn con đáp trả hiếu thảo lại cho mình sau này, thì bây giờ mình phải hiếu thảo với cha mẹ mình trước. Còn bây giờ mình không hiếu thảo với cha mẹ mình thì sau này, con sẽ không hiếu thảo trả lại cho mình y như vậy. Đúng theo sự công bằng của luật nhân quả).

Kinh Nho giáo của Đạo Cao Đài có câu “Khai nhơn tâm tất bốn ư đốc thân chi hiếu” (nghĩa là muốn mở tâm vào đường Đạo, phải lấy sự hiếu thảo với cha mẹ làm điều ưu tiên). Bởi vậy cho nên, tại mặt tiền Đền Thờ Phật Mẫu, tại Tòa Thánh Tây Ninh có vẽ vào tường 24 bức tranh, sự tích Nhị Thập Tứ Hiếu. Và tại hậu điện của Đền Thờ Phật Mẫu, Tòa Thánh Tây Ninh cũng có 24 bức tranh, sự tích Nhị Thập Tứ Hiếu, được lồng trong khung kính treo trên tường, để vạ linh sanh chúng suy ngẫm.

Xin trích dẫn, gửi tới quý vị một vài sự tích Nhị Thập Tứ Hiếu như sau.

Phần thi văn mở đầu:

Người tai mắt đứng trong Trời Đất,
Ai là không cha mẹ sanh thành.
Gương theo Đất nghĩa Trời kinh⁴,
Ở sao cho xứng chút tình làm con.
Chữ hiếu niệm cho tròn một tiết,
Thời suy ra trăm nét đều nên.
Chẳng xem thuở trước Thánh Hiền,
Thảo hai mươi bốn thơm ngàn muôn thu.

4-Trời kinh: Cha, Đất nghĩa: Mẹ

Phân sự tích:

1. Quách Cự:

Quách Cự tự là Văn Cự sanh vào đời nhà Hán, nhà rất nghèo, mồ côi cha, phụng dưỡng mẹ rất hiếu thảo. Quách Cự lấy vợ, sanh được một đứa con trai lên 3 tuổi. Khi đến bữa ăn, Quách Cự thường thấy mẹ mình nhin bớt phần cơm, sốt qua cho con mình. Nên mẹ mình bị thiếu ăn, lần lần sức khỏe sa sút.

Quách Cự mới bàn với vợ, vợ chồng mình đương thời còn sanh đẻ được. Mẹ già thì chỉ có một lần. Mình đã chẳng phụng dưỡng mẹ đầy đủ, mà lại để cho con mình chia bớt phần cơm của mẹ, thì không phải. Bàn nhau như vậy rồi, hai vợ chồng Quách Cự ra sau nhà đào một cái hố chôn con. Khi đào xuống hố sâu độ một thước, thì gặp một cái hủ, trên nắp hủ có viết hàng chữ “Thiên tứ huỳnh kim Quách Cự hiếu tử”. Nghĩa là Trời ban vàng ròng cho người con hiếu tử Quách Cự. Quan chẳng đặng đoạt, dân chẳng đặng lấy.

Hai vợ chồng Quách Cự vô cùng mừng rỡ, nhờ có vàng mà đời sống gia đình Quách Cự được sung túc, lo phụng dưỡng mẹ già cho thỏa lòng hiếu đạo.

2. Ngô Mãnh.

Ngô Mãnh, sanh vào đời nhà Tấn, mới 8 tuổi đã biết hiếu thảo với cha mẹ. Nhà Ngô Mãnh rất nghèo, không có tiền mua muối. Đêm hè nóng bức, muỗi bay tiếng nghe vo vo, Ngô Mãnh sợ cha mẹ ngủ bị muỗi đốt, nhưng lại không dám đập muỗi, vì sợ nghe tiếng động, cha mẹ thức giấc. Nên Ngô Mãnh liền cởi trần ra, nằm phía ngoài để muỗi

đốt một mình anh cho no, sẽ không bay vào đốt cha mẹ anh đang ngủ phía trong.

3. Hoàng Hương.

Hoàng Hương, tự là Văn Cường, người đời Hậu Hán, mới 9 tuổi, thì mẹ anh mất. Hoàng Hương thương nhớ mẹ vô hạn. Hoàng Hương cũng thờ cha rất mực cung kính thức khuya dậy sớm hầu cha, không dám xao lãng.

Vào mùa đông, tiết trời giá buốt, Hoàng Hương nằm ủ vào mền trước để truyền hơi ấm cho cha khỏi lạnh. Vào mùa hè, tiết trời nóng bức, Hoàng Hương quạt mùng, mền gối trước cho cha được mát mẻ. Nhờ sự chăm sóc chu đáo của anh, nên cha của Hoàng Hương sống thoải mái, vui tươi.

Quan Thái thú là Lưu Hộ, chủ quận địa phương biết được Hoàng Hương là người con hiếu thảo, nên làm sớ tâu lên vua Hán Đế, xin ban thưởng cho Hoàng Hương để làm gương tốt cho mọi người.

4. Sứu Kiềm Lâm.

Ông Sứu Kiềm Lâm, người Nam Tê, đang làm quan Linh đất Bình Lang. Khi ông đến trấn nhậm chưa được một tuần, thì bỗng nhiên lòng ông cảm thấy hoảng hốt lạ thường, mình đổ mồ hôi như tắm. Ông đoán biết có việc chẳng lành xảy ra cho cha mẹ ông. Ông liền xin từ quan, về nhà mới hay cha ông bệnh nặng đã 2 ngày. Lương y nói với ông: Ông muốn biết cha ông bệnh nặng hay nhẹ thì hãy nếm thử phần của cha ông. Nếu vị đắng thì còn chữa được, nếu vị ngọt thì rất khó chữa. Sứu Kiềm Lâm liền nếm phần của cha ông, để cha ông được lành bệnh. Sau đó ông nằm mơ, thấy một người đến đưa ông một thẻ vàng

có hàng chữ “Sắc lệnh Trời cho bình an”. Quả nhiên, mấy ngày sau, cha ông lành bệnh. Quan Thái Thú nghe ông司徒 蘇 氏 有 心 術, 因 而 命 他 復 職 轉 任 他 處。

IV. Lục đạo luân hồi là gì?

Chân lý nhà Phật dạy cho biết, có 6 nẻo luân hồi, được gọi là ”Lục đạo luân hồi”. Sau khi con người buông bỏ xác thân tại cõi đời vô thường này, nếu chưa đủ điều kiện giải thoát khỏi luân hồi sinh tử, thì sẽ đầu thai vào một trong sáu nẻo luân hồi, tùy theo cái nhân (hay nghiệp hành động) của họ tại thế giới vô thường. Sáu nẻo luân hồi này, gồm có ba đường lành và ba đường dữ.

Ba đường lành gồm có:

1. Đường vào cõi Thiên.

Cõi Thiên là cõi dành cho loài người có đầy đủ phước báo. Cuộc sống ở đó an vui, hạnh phúc, có nhiều khoái lạc. Tuổi thọ hay mạng sống kéo dài cả ngàn năm, nhưng khi hết phước có thể bị đầu thai xuống cõi nặng.

2. Đường vào cõi Người.

Cõi người là cõi vô thường này. Cuộc sống của con người có khổ, có vui. Tuổi thọ hay mạng sống chỉ được kéo dài trong vòng trăm năm.

3. Đường vào cõi A Tula

Cõi A Tula còn gọi là cõi Thần, dành cho loài người rất nóng nảy, nhưng có đầy đủ thần thông. Họ có thể bay cao, chạy xa khắp mọi nơi theo ý muốn. Tuổi thọ hay mạng sống của họ cũng dài lâu.

Ba đường dữ còn gọi là Tam Đồ Khổ. Trong Thánh ngôn Cao Đài, Đức Chí Tôn thường dạy rằng “Những kẻ phạm tội nặng, sẽ bị đọa vào cõi tam đồ bất năng thoát tục” Ba đường dữ là:

1. Đường vào cõi Địa ngục.

Địa Ngục là cõi cực kỳ tối tăm, không hề có ánh sáng mặt Trời. Địa Ngục là cõi âm, luôn luôn lạnh lẽo, giá buốt, dành cho loài người sống ở đây phải gánh chịu những hình phạt nặng nề liên tục, do hậu quả những tội ác mà họ đã làm lúc còn mang xác trần tại thế gian này.

2. Đường vào làm loài súc sanh.

Súc sanh là loài động vật phải chịu thân phận mang lông, đội sừng. Thân phải bị dày ải, làm việc nặng, không có thời giờ nghỉ ngơi. Chúng phải chịu ăn đói, nhịn khát liên tục. Thân chúng phải chịu đĩa, vắt hút máu ban ngày. Muỗi, mòng thiêu đốt ban đêm. Cổ mang ách kéo cày, chân lội bùn lầy không lối bước. Cả ngày, có khi không có được một nắm rơm khô, như loài trâu, loài bò. Đó là hậu quả của hành động cực kỳ gian ác khi họ còn được làm người tại thế giới loài người này.

3. Đường vào làm loài Ngạ Quỷ.

Ngạ Quỷ còn gọi là Quỷ đói. Ngạ là đói. Ngạ Quỷ là loài Quỷ bụng to bằng cái trống chầu, mà cổ họng thì nhỏ bằng thân kim, nên họ khó nuốt được thức ăn vào bụng. Họ luôn luôn bị cơn đói dữ dội hành hạ liên tục, và luôn luôn bị thiêu đốt cổ họng bằng những miếng ăn hóa thành những viên sắt lửa. Những miếng ăn sẽ biến thành những quả cầu gai lửa, không thể nhả ra mà phải nuốt vào. Nuốt đến đâu, cơn nóng bén nhọn chạy đến đó, cào xé và thiêu đốt toàn

thân. Khi cơn nóng ấy tạm ngưng, cơn đói khủng khiếp lại dâng lên, khiến tội nhân lại đòi ăn cơm, để chịu khổ hình tiếp tục. Đó là hậu quả của loài người có những hành động tham lam và độc ác, khi còn sống tại thế gian này.

V. Tại sao bà Thanh Đề bị đầu thai làm loài Ngạ Quỷ.

Bà Thanh Đề vốn là một cư sĩ tại gia nhưng bà chưa giác ngộ Phật Pháp rốt ráo nên bà còn tâm chấp ngã nặng nề. Chấp ngã là cho rằng “Tâm” mình là thật có, Thân mình là thật có nhưng đối trước chân lý, tất cả mọi vật thuộc thế giới vô thường này đều không thật có. Tất cả mọi vật đều do nhân duyên, giả hợp hình thành. Lý Nhân Duyên dạy rằng, khi nhân duyên hội “tụ” đầy đủ thì vật “tán”. Như thân của một con người, từ chỗ “không”, khi hội tụ đầy đủ nhân duyên, biến thành một hạt máu tại lòng mẹ. Hạt máu đó được nuôi dưỡng, bởi tình cha và huyết mẹ, rồi từ từ tạo thành hình người cho tới ngày nay (vạn vật khởi đầu bởi nhất không). Hình người xương máu thịt này, được nuôi dưỡng bởi một số vật chất vô thường, như một mớ rau muống, rau lang, tương chao... nếu của người ăn chay. Hoặc một mớ cá, thịt, rau cải, muối, nước mắm... nếu của người ăn mặn. Lý Nhân Duyên, còn được kết hợp với Lý Vô Thường, nên vạn vật hiện hữu nơi thế giới vô thường, thì bất định, nay còn mai mất. Phật dạy rằng “Mạng sống của con người được quyết định bằng một hơi thở. Khi có hơi thở ra mà không có hơi thở vào, thì mạng sống không còn”. Kinh Sám Hối của Cao Đài thì dạy rằng “Còn hơi hóp tranh đua bay nhảy. Nhắm mắt rồi phủi thải lợi danh”. Bởi lẽ, khi nhân duyên còn hội tụ đầy đủ, thì mạng sống còn. Khi nhân duyên không còn hội tụ đầy đủ,

thì mạng sống ra đi. Rồi cái “Tâm” con người cũng vậy. Cái Tâm cũng vô thường, bất định nay vui, nay buồn; nay yêu mai ghét. Nay yêu thương nhau thắm thiết, ngày mai yêu thương người khác và kéo nhau ra tòa xin ly dị... Khi hiểu rõ cái lý nhân duyên và cái lý vô thường của Thân và Tâm, thì hành giả sẽ dễ dàng tha thứ và chịu đựng sự kích động từ bên ngoài hoặc bằng lời nói hoặc bằng hành động sẵn sàng buông bỏ cái tâm “tự ái và cố chấp”, được gọi là cái tâm “chấp ngã”. Từ đó, phiền não và khổ đau không còn chỗ đứng ở nơi cái tâm rộng rang, thanh nhẹ và bình an của hành giả. Cũng vì còn ôm chặt cái tâm “chấp ngã”, nên bà Thanh Đề không đủ sức chịu đựng đối với thái độ, đối đãi lạnh nhạt, rẽ khinh của các Tăng ni, khi bà dâng cúng Phật chỉ có ba thúng gạo, do bà tự tay lột từ hạt thóc. Rồi bà Thanh Đề rắp tâm trả oán, trả hờn các Tăng Ni bằng cách bắt họ phải ăn bánh ích với nhân thịt chó. Do cái tâm độc ác của bà, mà bà phải gánh chịu hậu quả là bà bị đầu thai làm loài Ngạ Quỷ nơi địa ngục, sau khi bà bỏ xác thân tại thế giới vô thường này. Tưởng cũng nên nhắc lại nơi đây bài học của vị Phật sống Chùa Kim Sơn (Trung Hoa) bị người cố tình đổ một thùng phân từ đầu tới chân mà Ngài vẫn thản nhiên, đi tắm rửa và thay quần áo khác, không một lời phàn nàn vì Ngài cho rằng thân người vốn đã là một thùng phân, thì dù bị đổ thêm một thùng phân nữa cũng chẳng có sao. nên Ngài vẫn tịnh mặc, không hề phản ứng chi cả. Vì Ngài đã phá bỏ được cái bệnh “chấp ngã”, tức là “tự ái và cố chấp” nên Ngài được thế nhân tôn xưng là Phật sống.

Tóm lại, bệnh “chấp ngã”, tức là “tự ái và cố chấp”, là nguyên nhân gây nên phiền não, khổ đau và sợ hãi của

con người tại thế giới vô thường này. Bệnh “chấp ngã” cũng là nguyên nhân đưa con người vào sáu nẻo luân hồi, có quá nhiều khổ đau đời đời kiếp kiếp, không thể giải thoát luân hồi sanh tử, để trở về cựu vị nơi cõi Thiêng liêng hằng sống. Bởi vậy cho nên, Thánh ngôn của Cao Đài Đại Đạo, Thầy dạy “Ngày nào các con còn trông thấy một điều bất bình ở đời này, thì Đạo chưa thành vậy” (ý nói ngày nào tâm các con còn trông thấy một điều bất bình đối với một người nào, một vật nào bên ngoài tâm các con thì các con chưa đắc Đạo vì các con còn chấp ngã. Còn chấp ngã nên còn thấy bất bình. Còn thấy bất bình thì còn phiền não và khổ đau. Còn phiền não và khổ đau thì chưa đắc Đạo).

Kinh Kim Cang, Phật dạy “Ứng vô sở trụ, nhi sinh kỳ tâm” (ý nói nên giữ cho tâm trống không, rỗng rang, không bị vướng mắc một điều gì. Nội tâm không có chỗ cho phiền não và khổ đau lưu trú ở đó. Buông bỏ tự ái và cố chấp (chấp ngã), để tâm được an vui và thanh nhẹ).

Kinh Bát Nhã, Phật dạy “Ngũ uẩn giai không, độ nhất thiết khổ ách”. (ý nói hiểu được cái lý Ngũ uẩn giai không. Tâm vô thường, Thân vô ngã, tức tâm không và thân không thì phiền não, khổ đau và sợ hãi điều tiêu tan).

Tam Nguơn Giác Thế, Quan Thánh dạy “Ngũ uẩn giai không gần Phật Thánh” (ý nói hiểu được cái lý Ngũ uẩn giai không sẽ được hội nhập vào cõi Phật, cõi Thánh). Ngũ uẩn là Sắc, Thọ, Tưởng, Hành và Thức.

Sắc là Thân. Phật dạy “Thân vô ngã”. Thân là phần vật chất khi hội đủ nhân duyên thì nó hiện hữu; khi không còn hội đủ nhân duyên thì nó sẽ rã tan. nên sự hiện hữu của

thân, thì bất định, nay còn mai mất, nay sống mai chết. (như được trình bày ở phần trên).

Thọ, Tướng, Hành và Thức là Tâm. Phật dạy “tâm vô thường”. Tâm là phần tinh thần (điển quang). Tâm cũng bất định, nay vui mai buồn, nay yêu mai ghét. Khi thân mất thì tâm cũng ra đi. (như được trình bày ở phần trên).

Khi hiểu được cái “lý không” của Thân và Tâm. Tức thân thì giả tạm, hữu hạn, bất định nay còn mai mất. Tâm thì vô thường, thường hay biến đổi nay vui mai buồn, nay yêu mai ghét. Lý không đã hiểu rồi thì sẽ phá được cái bệnh “chấp ngã”. Khi phá được cái bệnh chấp ngã thì buông bỏ được “tự ái và cố chấp”. Khi buông bỏ được tự ái và cố chấp thì tâm trống không, rỗng rang. Khi tâm trống không, rỗng rang thì phiền não, khổ đau, sợ hãi vắng mặt. Khi tâm vắng bật phiền não, khổ đau và sợ hãi thì tâm được an vui thanh nhẹ. Khi tâm được an vui và thanh nhẹ thì Niết Bàn (Thiên Đàng) hiện tiền. Vì tính của Niết Bàn là Thường Lạc, Ngã Tịnh.

Nguyện cầu tất cả như sanh mạng dạng phá bỏ cái bệnh “chấp ngã”, buông bỏ cái bệnh “tự ái và cố chấp”, để tâm được an vui và thanh nhẹ tại thế giới vô thường này, để khỏi phải đầu thai vào sáu nẻo luân hồi, sau khi từ giả xác thân vô thường này, để được trở về ngôi xưa chốn cũ nơi cõi Thiêng Liêng Hằng Sống.

(HT Lê Quan Liêm)

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ
TÒA THÁNH TÂY NINH
Tứ Thập Bát Niên



THÁNH NGÔN

YẾU LƯỢC

Khảo cứu vụ
Ấn hành
1973

Thánh Ngôn Yếu Lược

MỤC LỤC

(Trong sách của HT Nguyễn Long Thành
ấn hành năm 1973)

01- Vũ Trụ Quan.....	06
02- Ngôi vị Đức Chí Tôn	07
03- Con người	10
04- Xã Hội.....	12
05- Cửa cải vật chất	14
06- Các tôn giáo khác.....	16
07- Tổ chức tôn giáo Cao Đài	19
08- Thờ phượng tế lễ.....	21
09- Luật phản động.....	25
10- Hạnh người tu	28
11- Phương pháp giáo hóa	32
12- Trời người hiệp nhất	37
13- Huyền diệu thiêng liêng.....	40

LỜI TỰA

Giữa buổi văn minh vật chất này, con người ngày càng quay cuồng trong kế mưu sinh. Như kẻ có dư ăn, thừa tiền lăm bạc lại đăm đuối trong quyền cao chức trọng. Còn hạng cùng đing nghèo khổ, ngày đêm phải chạy đua với cơn đói cào thắt tim gan thì còn thời giờ đâu mà tưởng đến Phật Trời hay chuyện linh hồn có có không không.

Trong tột cùng thống khổ, dẫu có cất tiếng kêu than cuộc đời vô nghĩa thì tấm thân trần cấu vẫn phải lê khắp đó đây tìm mỗi sinh sống. Điểm linh quang kia chôn vùi trong thân xác theo thảng năm mòn mỗi, còn biết cơ duyên nào đâu để rọi ánh sáng nhiệm mầu giục khách phàm trần trở lại ngôi xưa. Con đường đã lấp ngõ thì bến đến ở nơi nao?

Ấy vậy kinh điển là phương hay dìu người nhập lối. Có để bước đấng trình mới mong đến chốn, có gia công suy nghiệm mới hiểu thấu lẽ Trời. Lời Thánh đã có sẵn bên tai, nhưng mắt phàm đóng lại bởi tấm thân quần quật với áo cơm thì tâm hồn cũng hóa ra lơ đãng. Dem lời xưa xếp gọn lại cho thành trang nhật tụng là việc làm của khách đưa duyên gửi người tầm Đạo. Mong thay!

Mượn kinh điển làm đề suy gẫm,

Lấy kệ kinh giục thức tâm linh.

Đưa chơn để bước lộ trình,

Quên kinh, quên điển, quên mình đoạt ngôi.

TÒA THÁNH TÂY NINH, ngày 10 tháng 04 Quý Sửu. (d1,
12-5-1973)

NGUYỄN LONG THÀNH

Những lời Thánh Giáo sau đây : - Được trích từ hai quyển Thánh Ngôn hiệp tuyển do Hội Thánh Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ (Tòa Thánh Tây-Ninh) xuất bản Quyển I năm 1964, Quyển II năm 1963. - Và được sắp xếp lại theo từng chủ đề để giúp người đọc dễ dàng lãnh hội những ý tưởng chính trong học thuyết Cao Đài.

I- VỮ TRỤ QUAN

1. Khi chưa có chi trong càn khôn thế giới thì khí hư vô sanh có một Thầy và ngôi của Thầy là Thái Cực. Thầy phân Thái Cực ra Lưỡng Nghi, Lưỡng Nghi phân ra Tứ Tượng, Tứ Tượng biến Bát Quái, Bát Quái biến hóa vô cùng mới lập ra càn khôn thế giới. Thầy lại phân tánh Thầy mà sanh ra vạn vật là vật chất, thảo mộc, côn trùng, thú cầm gọi là chúng sanh. (Trang 62-Q.2)

2. Âm quang là khí chất hỗn độn sơ khai khi Chí Tôn chưa tạo hóa, lần âm khí ấy là Diêu Trì Cung chứa để tinh vi vạn vật, tí như cái âm quang của phụ nữ có trứng cho loài người.

Khi Chí Tôn đem dương quang ấm áp mà làm cho hóa sanh thì cái khoảnh âm quang phải thối trầm làm tinh đầu là cơ quan sanh hóa vạn linh. Song lần âm quang ấy có giới hạn nghĩa là nơi nào ánh linh quang của Chí Tôn chưa chiếu giám đến thì phải còn tối tăm mịt mờ chẳng sanh chẳng hóa. Vậy thì nơi khiếm ánh thiêng liêng là âm quang nghĩa là âm cảnh hay địa ngục, Diêm đình của chư Thánh lúc xưa đặt hiệu.

Vậy thì chính lời nhiều tôn giáo, nơi ấy là những chốn phạt

từ những hồn vô căn vô kiếp, như quả buộc ràng, luân hồi chuyển thế nên gọi là âm quang, đặng sửa chữ Phong đô Địa phủ của mê tín gieo truyền chớ kỳ thật là nơi để cho các chơn hồn giải thần định trí (một nơi trung gian giữa Thiên Đàng và Địa Ngục hay là mờ mờ mịt mịt).

BÁT NUỞNG (Trang 85-Q.2)

3. Âm-quang là nơi Thần Linh Học gọi Trường Đình là nơi của chư hồn giải thể hay nhập thể Đại Từ Phụ đã định nơi ấy cho Phật gọi là “Tịnh Tâm Xá” nghĩa là nơi của chư hồn đến đó đặng tịnh tâm xét mình coi trong kiếp sanh bao nhiêu phước tội. Vậy thì nơi ấy là nơi xét mình. Chớ chi cả nhưn sanh biết xét mình trước khi thoát xác thì tự nhiên tránh khỏi âm quang.

THẤT NUỞNG (Trang 92-Q.2)

3. Trần là cõi khổ để đọa bậc Thánh, Tiên có lầm lỗi. Ấy là cảnh sâu để trả xong quả, hoặc về ngôi cũ, hoặc trả không xong quả, phải mất cả chơn linh là luân hồi, nên kẻ bị đọa trần gọi là khách trần. (Trang 3-Q.2)

4. Đài Nghiệt Cảnh là nơi rọi sáng các việc lỗi lầm.
(Trang 83-Q.1)

II- NGÔI VỊ ĐỨC CHÍ TÔN

1. Muôn kiếp có Ta nắm chủ quyền. (Trang 5-Q.1)

2. Nhiên Đăng Cổ Phật thị ngã, Thích Ca Mâu Ni thị ngã
Thái Thượng Nguơn Thử thị ngã Kim viết Cao Đài (Trang 13-Q.1)

3. Khí hư vô sanh có một Thầy
Nếu không Thầy thì không có chi trong càn khôn thế giới

này, mà nếu không có hư vô chi khí thì không có Thầy.
(Trang 31-Q.1)

4. Một chơn thần Thầy mà sanh hóa thêm chư Phật, chư Tiên, chư Thánh, chư Thần và toàn cả nhơn loại trong càn khôn thế giới nên chi các con là Thầy, Thầy là các con.
(Trang 30-Q.1)

5. Khai Thiên Địa vốn Thầy, sanh Tiên Phật cũng Thầy, Thầy đã nói một chơn thần mà biến càn khôn thế giới và cả nhơn loại.

Thầy là chư Phật, chư Phật là Thầy, các con là chư Phật, chư Phật là các con. Có Thầy mới có các con, có các con rồi mới có chư Thần, Thánh, Tiên, Phật. (Trang 48-Q.1)

6. Thầy khai Bát Quái mà tác thành càn khôn thế giới nên mới gọi là Pháp, Pháp có mới sanh ra càn khôn vạn vật rồi mới có người, nên gọi là Tăng.

Thầy là Phật chủ cả Pháp và Tăng, lập thành các Đạo mà phục hồi các con hiệp một cùng Thầy. (Trang 48-Q.1)

7. Thầy là Đức Jéhova của dân Hébreux, vị chủ tể của quân lực Israel, vị Thánh vô danh của dân Do Thái, Đức Đại Từ Phụ của chúa Jésus cứu thế. Con chỉ cần cầu nguyện Thầy với danh hiệu Cao Đài thì sẽ có sự cảm ứng chấp thuận.

(Trang 124-Q.1.dịch)

8. Chi chi hữu sanh cũng do bởi chơn linh Thầy mà ra, hễ có sống ắt có Thầy. Thầy là cha của sự sống, vì vậy mà lòng háo sanh của Thầy không cùng tận. (Trang 62- Q.2)

9. Cái mạng sống là Thầy. Mà giết Thầy thì không phải dễ các con gắng dạy nhưn sanh điều ấy. (Trang 62- Q.2)

10. Thầy của các con là ông Thầy Trời, nên biết một ông mà thôi, thì đủ, nghe à! (Trang 45- Q.1)

11. Nơi Bạch Ngọc Kinh cả thầy đều là con cái Thầy tức là anh em với nhau. (Trang 57- Q.1)

12. Chẳng một ai dưới thế này còn đặng phép nói rằng thế quyền cho Thầy mà trị phần hồn của nhưn loại. (Trang 18 Qi).

13. Các con phải hiểu rằng: Thầy là huyền diệu thế nào? (Trang 8- Q.1)

III- CON NGƯỜI

1. Mỗi kẻ phàm dưới thế này đều có hai xác thân. Một phàm gọi là corporel. Còn một thiêng-liêng gọi là Spirituel. Mà cái thiêng-liêng do nơi cái phàm mà ra nên gọi nó là bán hữu hình vì có thể thấy đặng mà cũng có thể không thấy đặng. Cái xác vô hình huyền-diệu thiêng-liêng ấy do nơi Tinh, Khí, Thần mà luyện thành. (Trang 29-Q1)

2. Phàm xác thân con người, tuy mắt phàm coi thân hình như một chớ kỳ trung nơi bốn thân vốn một khối chất chứa vắn vắn muôn muôn sanh vật (la formation des cellules). Những sanh vật ấy cấu kết nhau mà thành khối. Vật chất ấy có tánh linh vì chất nuôi nấng nó cũng đều là sanh vật tử như rau, cỏ, cây, trái, lúa, gạo mọi lương vật đều cũng có chất sanh.

Các vật thực vào tỳ vị lại biến ra khí, khí mới biến ra

huyết.Nó có thể huờn ra như hình mới có sanh sanh, tử tử của kiếp nhưn loại. Vì vậy mà một giọt máu là một khối chơn linh. (Trang 33-Q.1)

3. Thân thể con người là một khối chơn linh cấu kết lại những chơn linh ấy đều hằng sống, phải hiểu rằng ngũ tạng lục phủ cũng là khối sanh vật mà thành ra, nhưng mà phận sự chúng nó làm, hiểu biết hay là không hiểu biết, đều do nơi lệnh Thầy đã phán dạy. (Trang 78-Q1)

4. Cái chơn thần là nhị xác thân các con, là khí chất nó bao bọc thân thể các con như khuôn bọc vậy, nơi trung tim của nó là óc, nơi cửa xuất nhập của nó là mở ác, gọi tiếng chữ là Vi- Hộ. (Trang 78 – Q2)

5. Chơn thần là gì ?

Là nhị xác thân, là xác thân thiêng-liêng. Khi còn ở nơi xác phàm thì rất khó xuất riêng ra đặng, bị xác phàm níu kéo. Cái chơn thần ấy của các Thánh, Tiên, Phật là huyền diệu vô cùng, bất tiêu, bất diệt. Bậc chơn tu khi còn xác phàm nơi mình, như đắc đạo, có thể xuất ra trước buổi chết mà vân du thiên ngoại. Cái chơn thần ấy mới đặng phép đến trước mặt Thầy. (Trang 6-Q.1)

6. Nơi thân phàm các con, mỗi đứa Thầy đều cho một chơn linh gìn giữ cái chơn mạng sinh tồn . Đấng chơn linh ấy vô tư mà lại đặng phép giao thông cùng cả chư Thần,Thánh, Tiên Phật và các Đấng trọn lành nơi Ngọc Hư Cung nhưt nhưt điều lành và việc dữ đều ghi chép không sai đặng dâng vào tòa phán xét, bởi vậy nên một mãi không qua , dữ lành đều có trả, lại nữa các chơn-linh ấy, tánh thánh nơi mình , đã chẳng phải gìn giữ các con mà thôi mà còn dạy

đổ các con thường nghe người đời gọi lộn “Lương tâm” là đó. (Trang 66-Q.2)

7. Thầy dạy cả kiếp luân hồi thay đổi từ trong nơi vật chất mà ra thảo mộc, từ thảo mộc đến thú cầm, loài người phải chịu chuyển kiếp ngàn năm muôn muôn lần mới đến địa vị nhưn phẩm. Nhưn phẩm nơi thế này lại còn chia ra phẩm giá mỗi hạng. Đứng bậc đế vương nơi trái địa cầu này, chưa đặng vào bậc chót của địa cầu 67. (Trang 68-Q.1)

8. Các con phải biết trong Trời Đất, nhưn sanh là con quý của Thầy, nên Thầy hằng để ý lo lường cho chúng con biết hối ngộ, hầu chung hưởng phước lành. (Trang 29-Q.2)

9. Chi Thánh dù bị đọa trần , lòng hãy còn nhớ hoài nơi Tiên cảnh. (Trang 20-Q.1)

IV- XÃ HỘI

1. Thầy sanh ra mỗi chủng tộc đều có đặc biệt một phần linh diệu riêng, mà cũng vì nhưn loại không chịu khó tìm tòi cho ra lẽ thiêng nhiên cứ thấy những điều cận lợi mà quên hẳn lương tâm, chẳng hay thương mà hay chém giết lẫn nhau, sanh phương tiện thông đồng không muốn lại tìm kế sát hại lẫn nhau . (Trang 85-Q1)

2. Lợi, Thầy cũng đã dành cho các con chung hưởng cùng nhau, mà cũng vì tham , đũa chứa nhiều, đũa chịu đói. Quyền, Thầy cũng ban cho các con in như Thầy đã ban cho các chư Thần, Thánh, Tiên, Phật, hầu cho có đủ thế kềm thúc lấy nhau đặng giữ vẹn thánh chất yêu sanh của Thầy, mà quyền ấy trở nên một cơ thể buộc trói nhưn sanh trong vòng tội mọi (Trang 63-Q.2)

3. Các con có hiểu vì sao mà cả nhơn sanh gian tham chẳng?

Thì cũng muốn cho nhiều sanh mạng chịu phục dưới quyền thế lợi lộc đó, vậy sự yếu trọng của con người là nạn cơm áo, nắm chặt quyền phân phát cơm áo, thì chưa ai đã chịu thọ sanh nơi thế này lánh khỏi (Trang 63-Q.2)

4. Tham gian nhập vào nhà thì nhà không chánh giáo, tham gian đã nhập vào nước thì nước hết chơn trị , tham gian đã lộng toàn thế giới thì thế giới hết Thánh Thần (Trang 64-Q.2)

5. Các con vì đạo là việc công lý, mà công lý đánh đổ cường quyền, thì đạo mới phải đạo. (Trang 98-Q.1)

6. Ngày nào các con còn trông thấy một điều bất bình ở đời này thì đạo chưa thành vậy. (Trang 98-Q.1)

7. Nợ nước hai vai nặng gánh gồng
Thần dân phận sự phải lo xong
Gắng công đạo đức trau hăng bữa
Chiu chút đừng quên giống Lạc Hồng
(Trang 136-Q.2)

8. Thầy đã lập Đạo nơi cõi Nam này là cốt để ban thưởng một nước từ thử đến giờ hằng bị lăm cơn thịnh nộ của Thầy.
(Trang 25-Q.2)

9. Đạo Trời mở ra cho một nước, tất là ách nạn của nước ấy hầu mãi... (Trang 16-Q.2)

10. Chẳng cần chi con lo lập Thánh-Thất của Thầy và sùng tu Phật tượng chi hết. Con hiểu bốn nguyên “Bảo

Sanh” là bốn nguyên “Thánh chất Thầy” (Trang 6-Q.2)

11. Sự thương yêu là giếng bảo sanh của càn khôn thế giới. Có thương yêu như loại mối hòa bình càn khôn mới an tịnh Đặng an tịnh mới không thù nghịch lẫn nhau mới giữ bền cơ sanh hóa. (Trang 69-Q.2)

12. Thiên thai nào phải tại trần này
Chẳng phải giữa trời, chẳng phải mây
Đưa phép sanh tồn khuyên trẻ ngó
Theo chơn giải bước níu theo Thầy.
(Trang 115-Q.1)

13. Nếu cả thế gian này biết tu, thì thế gian có lẽ cãi lý Thiên Đình mà làm cho tiêu tai, tiêu nạn đặng, hướng lựa mỗi cá nhân biết tu, thì là Thiên Đình cấm bộ Nam Tào cũng chẳng ích chi. (Trang 5-Q.2)

V- CỬA CÁI VẬT CHẤT

A. Giàu sang là do sự tom góp và chất chứa của cải quý giá trên cõi đời này. Cửa cải ấy gồm những gì ?

1-Vàng bạc, vương vị, nhung lụa ..v..v...

2- Vàng bạc chỉ là loại kim khí bình thường

3-Vương vị hoặc sắc hồng tươi thắm chỉ là màu thôi

4- Nhung lụa chỉ là đồ vật lấy trong thú chất làm ra. Các con cho các vật ấy là cửa cải thật sao. Xét từ chỗ xuất xứ của nó thì cửa cải ấy không có gì đáng kể. (Trang 125-Q.1 dịch)

B. Phẩm tước là gì ? Cửa cải danh vọng là gì ? Phẩm tước là sự tổng hợp các chức tước đã bày ra để quyến rũ người hoặc ít hoặc nhiều. Những chức tước ấy do người

đời tạo ra phong thưởng kẻ khác. (Trang 125-Q.1 dịch)

3. Hễ cái gì người phàm ban cho chỉ là đồ quá phàm. Cái gì do con người làm ra thì không hề bền bỉ Người phàm chỉ cho được của phàm. Của phàm thì hư hoại 1 (1)

(Trang 125-Q.1 dịch)

4. Hễ muốn lợi danh, mang thất đức

Thờ chung danh lợi hết gần Trời

(Trang 116-Q.1)

5. Lợi Thầy đã dành cho các con chung hưởng cùng nhau, mà cũng vì tham đũa chứa nhiều, đũa chịu đói. (Trang 63-Q.2)

6. Một miếng đỉnh chung trăm giọt phẩm

Phải toan lui gót tránh vòng tham.

(Trang 113-Q.1)

7. Của nhiều ít đức sương trên cỏ

Giành giựt mà chi phải lụy mình.

(Trang 128-Q.2)

8. Mùi chung đỉnh, bả vinh hoa có khác chi ngọn cỏ phơi sương, vừng mây giữa gió. (Trang 12-Q.2)

9. Sự sang trọng vinh hiển của các con chẳng phải nơi thế giá này. (Trang 77-Q.1)

10. Chim về cội nước tách nguồn, từ xưa kiếp con người giữa thế chẳng qua là khách đi đường. (Trang 74-Q.2).

VI- CÁC TÔN GIÁO KHÁC

1. Vốn từ trước Thầy đã lập ra Ngũ Chi Đại Đạo là:

Nhơn Đạo Thần Đạo Thánh Đạo Tiên Đạo Phật Đạo
(Trang 17-Q.1)

2. Từ trước ta giảng sanh lập Phật giáo gần sáu ngàn năm thì Phật Đạo chánh truyền gần thay đổi. Ta hằng nghe chúng sanh nói Phật giả vô ngôn. Nay nhất định lấy huyền diệu mà giáo Đạo, chớ không giảng sanh nữa đặng chuyển Phật giáo lại cho hoàn toàn. (Trang 19-Q.1)

3. Thích Ca Mâu Ni Phật. Chuyển Phật Đạo. Chuyển Phật Pháp Chuyển Phật Tăng Qui nguyên Đại Đạo Tri hồ chư chúng sanh (Trang 14-Q.1)

4. Thích ca Như Lai thị ngã, dục cứu chúng sanh, tá danh Cao Đài Đại Bồ Tát. Nhữ tri hồ! (Trang 21-Q.1)

5. Vốn từ Lục Tổ thì Phật giáo đã bị bế lại, cho nên tu hữu công mà thành thì bất thành. Chánh pháp bị nơi Thần Tú làm cho ra mất chánh giáo lập riêng pháp luật buộc mỗi Đạo Thiên. (Trang 21-Q.1)

6. Chúa Cứu Thế đã đến với các con. Người đã phải chịu đổ máu Thánh để chuộc tội cho loài người. Trong 2000 năm vắng mặt Người các con đã làm gì hữu ích? Các con truyền bá đạo Người nhưng chính các con cũng không hiểu chi cả. Các con lại làm sai lạc bản chất tôn chỉ của nền Thánh giáo, nhân loại phải chịu đau khổ vì sự biến thể của các Thánh tông đồ. (Trang 120-Q.1)

7. La sainte doctrine du Christianisme ne sert qu'à envenimer l'ambition des forts contre les faibles, et arme les premiers contre les derniers.

Il faut une nouvelle doctrine capable de maintenir

l'humanité dans l'amour des créatures. (Trang 46-Q.1)

DỊCH: Thánh đạo của Chúa cứu thế (vì sự hiểu lầm) làm gia tăng dục vọng của kẻ mạnh đối với người yếu và giúp giáo cho bọn trên hiệp dưới. Phải có một giáo lý mới mẽ đủ khả năng kềm chế nhân loại trong sự thương xót chúng sanh. (Trang 121-Q.1)

8. Cette doctrine(1) au lieu d'apporter à l'humanité la paix et la concorde, lui apporte la dissension et la guerre. Voi là pourquoi je viens vous apporter moi même la paix-tant promise. (Trang 23-Q.1)

DỊCH: Giáo lý ấy(1) đáng lẽ phải đem lại hòa bình và tương ái cho loài người, nhưng trái lại nó gây mầm chia rẽ và chiến tranh. Bởi thế nên nay chính Thầy phải đến để đem lại cho các con nền hòa bình đã từng hứa hẹn. 2(2) (Trang 120-Q.1)

9. Các mối Đạo Thầy đã liêu thân lập thành đều vào tay chúa quỉ hết. (Trang 100-Q.1) ¹

10. Các con có cả ba chánh Đạo là Tam giáo, các con biết tôn trọng, ngày nay lại thêm chánh Đạo nữa các con biết ít nước nào đặng vậy. (Trang 47-Q.1)

11. Chẳng một ai dưới thế này còn đặng phép nói rằng thế quyền cho Thầy mà trị phần hồn của nhơn loại. (Trang 18-Q.1)

12. Phẩm vị Thần, Thánh, Tiên, Phật từ ngày bị bẻ Đạo thì luật lệ hời còn nguyên, luyện pháp chẳng đổi song Thiên

1- **Chú thích của người soạn** – Đoạn Thánh giáo đang nói về Đấng Christ.

Đình mỗi phen đánh tẩn “Thần” không cho hiệp cùng “Tinh Khí”.(Trang 12-Q.1)

13. Thần là khuyết khuyết của cơ mầu nhiệm từ ngày Đạo bị bế. (Trang 12-Q.1)

14. Nguyên từ buổi bế Đạo, tuy chánh pháp ra cũ mặc dầu chớ kỳ trung thọ đắc kỳ truyền.

Luật lệ tuy cũ chớ Đạo vẫn như nhiên. Do công đức mà đắc Đạo cùng chẳng. Nhưng mà có một điều là Ngọc Hư Cung bác luật, Lôi Âm Tự phá cổ nên tu nhiều mà thành ít. (Trang 38-Q.1)

15. Người sống trên thế gian này dầu thuộc giống dân nào cũng chỉ có một cha chung mà thôi. Ấy là Trời đang chế ngự số mạng của các con. Tại sao các con lại chia rẽ nhau vì sự bất đồng đạo lý mà chính tất cả các con đều phải chung chịu đau khổ để rửa tội của các con ở cõi thế gian này. (Trang 123-Q.1)

16. Còn chẳng bao lâu nữa thì Tam Giáo Đạo ngưng lại hết, hễ ai có duyên phần, thì có Thầy độ lúc này, nếu qua khỏi thời kỳ này thì không ai độ.

Thái Thượng (Trang 54-Q.1)

VII- TỔ CHỨC TÔN GIÁO CAO ĐÀI

1. Thầy nhưt định đến chính mình Thầy độ rồi các con chẳng chịu giao chánh giáo cho tay phàm nữa. Nhưng mà buộc phải lập chánh thể có lớn nhỏ đặng dễ thế cho các con điu dắt lẫn nhau anh trước em sau mà đến nơi Bồng Đảo. (Trang 18-Q.1)

2. Thầy lại qui Tam Giáo lập Tân Luật ...

Sự tế tự sửa theo “Tam Kỳ Phổ Độ” cũng nơi ấy mà xuất hiện ra, rõ à! (Trang 43-Q.1)

3. Il faut que je me serve moi même maintenant d’un moyen plus spirituel pour vous convaincre. Vous ne pourrez pas nier devant le Grand Jugement Général que je ne sauve pas l’humanité partous moyens plausibles. (Trang 50-Q.1)

DỊCH : Nay Thầy phải tự tìm lấy một phương pháp huyền diệu hơn để thấu phục các con. Các con sẽ không còn chối cãi nữa được trước Tòa Phán xét chung rằng Thầy không cứu vớt nhơn loại bằng những phương pháp công hiệu. (Trang 122-Q.1)

4. Ta vì lòng đại từ, đại bi, vẫn lấy đức háo sanh mà dựng nên mối Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, tôn chỉ để vớt những kẻ hữu phần vào nơi địa vị cao thượng, để tránh khỏi số mạng luân hồi và nâng những kẻ tánh đức bước vào cõi nhàn cao hơn phẩm hèn khó ở nơi trần thế này. (Trang 64-Q.1)

5. Nơi xứ này dân tình rất thuần hậu ôn hòa nên Thầy đến cũng như Chúa Cứu Thế đã đến với chúng con để bài trừ tà thuyết và truyền bá chơn đạo trên toàn cầu. (Trang 123-Q.1)

6. Thầy lại đến lập trong nước các con một nền chánh Đạo đủ tư cách độ rỗi chúng sanh. (Trang 77-Q.1)

7- Trái cầu sáu mươi tám này bỗng nhiên có một lần yển sáng thiêng liêng để thức tỉnh khách phàm, chiếu dẫn người hữu căn hầu cứu khỏi họa Thiên điều, sẽ vì hung bạo của sanh linh mà diệt tận . (Trang 34-Q.2)

8. La nouvelle doctrine que j'enseigne a pour but de vous mettre une dans communauté d'intérêt et de vie. Soyez donc unis par votre volonté et prêchez au monde la paix et la concorde.(Trang 51-Q.1)

DỊCH: Giáo lý của Thầy có mục đích dạy dỗ các con hòa hợp nhau trong sự sống chung cộng đồng quyền lợi và sanh hoạt. Vậy các con hãy chung hiệp nhau mãi mãi theo ý muốn của Thầy và hãy truyền bá khắp hoàn cầu thuyết hòa bình tương thân tương ái. (Trang 122-Q.1)

9. Hãy đọc Thánh Ngôn của Thầy, giáo lý của Thầy sẽ là đại đồng. Nền nhân loại biết tu hành thì đó sẽ là nền hòa bình hứa hẹn chung cho tất cả các dân tộc. (Trang 122-Q.1)

10. Chánh sách cộng hòa yên tịnh là chánh sách của các con đừng dùng lập Đạo mà thôi. (Trang 61-Q.2)

11. Mở một mối Đạo chẳng phải là sự thường tình, mà sanh nhằm đời đặng gặp một mối Đạo cũng chẳng phải dễ. Muốn lập thành tất phải có điều nghiêm chánh thưởng phạt. Có thưởng mới giục lòng kẻ có công, có phạt mới răn đặng lòng tà vạy. Thái Bạch (Trang 53-Q.1)

12. Khi Ngọc Hư định cho Hiệp Thiên Đài cầm số mạng nhưn sanh, lập thành chánh giáo, thì Đại Từ Phụ lại trở pháp, giao quyền ấy cho Cửu Trùng Đài.
Bát Nương (Trang 86-Q.2)

13. Từ đây trong nước Nam duy có một Đạo chơn thật là Đạo Thầy đã đến lập cho các con gọi là “Quốc Đạo” hiểu à! (Trang 43-Q.1)

(Còn tiếp)



Liên Lạc Ban Thế Đạo Hải Ngoại

3076 Oakbridge Dr., San Jose, CA 95121

*- QS Nguyễn Ngọc Dũ, ĐT: (408) 238-6547

Email: dutani@comcast.net

I- Ban Đại Diện BTĐHN @ Bắc CA - Hoa Kỳ

*- **Trưởng Ban:** HT Nguyễn Đăng Khích

ĐT: (408)926-9186 Email: tnndk4@gmail.com

II- Ban Đại Diện /BTĐHN @ Ohio - Hoa Kỳ

*- HT Nguyễn Ân Hồng ĐT: (937) 416-6519

Email: zthienan@yahoo.com

III- Ban Đại Diện/BTĐHN @ Georgia - Hoa Kỳ

*- HT Võ Ngọc Độ ĐT: (770)377-9264

Email: usv_markdovo@yahoo.com

IV- Ban Đại Diện/ BTĐHN @ Vùng New England và bang MI, NY, NJ, PA - Hoa Kỳ

*- QS Nguyễn Thanh Bình ĐT: (989)430-7243

Email: bovnguyen@ameritech.net

V- Ban Đại Diện /BTĐHN @ Âu Châu

*- HT Huỳnh Tâm ĐT: +33 6 6751 5343

VI- Ban Đại Diện /BTĐHN @ Úc Châu

*- Cố Vấn: QS Bùi Đông Phương

*- Trưởng Ban: HT Nguyễn Bán:

Email: banthuy@icloud.com ĐT: +61 4 0679 7993

BAN THỂ ĐẠO HẢI NGOẠI
Danh sách yểm trợ Ban Thể Đạo Hải Ngoại
từ ngày 16-6-2019 đến ngày 15-9-2019

STT	Đông đạo - Cơ Sở - Thân hữu	US\$
I- Yểm Trợ TSTĐ		
01	CTS Nguyễn Hữu Trường, Morrow GA . . .	50.00
02	DLT Collision & Service Center San Jose, CA	150.00
03	Dương Minh Đức, San Jose, CA	20.00
04	Dương Văn Ngừa, San Jose, CA	20.00
05	HT Hồ Văn Thôi, San Lorenzo, CA	20.00
06	HT Lê Ngọc Biết, Houston, TX	100.00
07	HT Lê Thành Hưng, Madison, Alabama	542.98
08	HT Sam Nguyễn, San Jose, CA	100.00
09	HT Trần Văn Lào, Huntington Beach, CA . .	30.00
10	Huỳnh Văn Thịnh, Chandler, AZ	20.00
11	Lê Văn Bé, Arlington, TX	30.00
12	Lưu Hữu Hạnh, San Jose, CA	50.00
13	Lưu Văn Chỉ, San Jose, CA	20.00
14	Đặng Kim Sơn, San Jose, CA	500.00
15-	Nguy Thanh Sơn, San jose, CA	500.00
16	Nguyễn Vạn Năng, San jose, CA	20.00
17	Nguyễn Xuân Thu, San Jose, CA	20.00
18	Trần Kim Anh, Chamblee, GA	60.00
19	Tường Nguyễn, DDS & Huệ Tô, DDS San Jose, CA	200.00
20	Trần Minh Khiết, DDS, San Jose, CA	200.00
Cộng (1)		2652.98

II- In Kinh Sách

1	Hồ Văn Thôi, San Lorenzo, CA.....	30.00
2	Huỳnh Văn Nhựt, Renton, WA	50.00
3	Nguyễn Thị Thương (Lễ Sanh), San Jose, CA	40.00
4	Lưu Văn Chỉ, San Jose, CA	20.00
5	Đặng Văn Lo, San Jose, CA.....	10.00
6	Nguyễn Thị Định (Lễ Sanh). Houston, TX ..	50.00
7	Đoàn Văn Giáp, Lake City, GA	50.00

Cộng (2) 250.00

III- In Kinh Sách & TSTĐ

1	Võ Văn Phụng, Irving, TX.....	50.00
---	-------------------------------	-------

Cộng (3) 50.00

Tổng Cộng: Tiền yểm trợ thu được từ ngày 16-6-2019 đến ngày 15-9-2019 là (1+2+3) Hai ngàn chín trăm năm mươi hai đôla chín mươi tám xu (US\$ 2952.98)

San Jose, ngày 15-9-2019

Ban Thế Đạo Hải Ngoại

Đính chính: Trong TSTĐ số 79 nơi trang 125, số thứ tự 28 ghi là Thiếu Tướng Văn Thành Cao yểm trợ 200.00 đôla, nay xin ghi lại là QS TS Nguyễn Thanh Bình thay vì ghi Thiếu Tướng Văn Thành Cao.

Chúng tôi thành thật xin lỗi Thiếu Tướng Văn Thành Cao và QS TS Nguyễn Thanh Bình về việc ghi nhầm này.

Ban Thế Đạo Hải Ngoại

Hội Tương Tế Cao Đài & Thân Hữu
(Tham chiếu Thông báo số 02/HĐQT
ngày 25-12-2002 và các Tu chính kế tiếp)

A-Mục đích việc thành lập:

*-**Hội Tương Tế Cao Đài & Thân Hữu** là một tổ chức xã hội bất vụ lợi (Non-Profit Organisation) được thành lập nhằm mục đích thể hiện tình tương thân tương ái giữa những người Tín đồ Cao Đài gia nhập Hội, tạo điều kiện cho các thành viên trong Hội đóng góp nghĩa vụ vật chất lẫn tinh thần để giúp đỡ về “Hậu sự” khi có thành viên trong Hội qua đời (Chương I- Mục đích Hội)

B- Nét đặc trưng của Hội Tương Tế Cao Đài & Thân Hữu:

- *- Không phân biệt sức khỏe đối với người xin gia nhập.
- *- Những người điều hành quản lý Hội thực sự làm việc thiện nguyện (công quả) không hưởng lương hay bất cứ trợ cấp nào khác.
- *-Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Ban Điều Hành và Ban Giám Sát phải Minh Thệ trước Thiên Bàn Chí Tôn và Bàn Thờ Hộ Pháp.
- *-Đưa “Tinh thần Cao Đài” ra toàn xã hội, mời gọi cả những người chưa phải là Tín đồ Cao Đài gia nhập Hội nếu có nhu cầu và được giới thiệu.

C- Tiêu chuẩn, điều kiện gia nhập Hội:

*- Là Tín đồ Cao Đài từ 21 đến 80 tuổi hiện đang sống tại Hoa Kỳ (Dưới 21 tuổi, phải có sự chấp thuận của cha mẹ hoặc của người giám hộ hợp pháp). Thân hữu của Tín đồ Cao Đài nếu được giới thiệu cũng được gia nhập Hội.

*- Đóng một lần 40 đôla vào Quỹ Dự Trữ Phúng điếu.

*- Đóng Niên liễm 20 đôla một năm, nếu gia nhập từ đầu tháng 7 trở về sau chỉ đóng 10 đôla.

*- Phải hoàn tất Hồ sơ gia nhập Hội theo qui định chung.

Khi có Hội viên qua đời, đóng tiền Phúng điếu là (20) Mỹ kim (Nếu người chết là Hội viên chính thức) và (10) Mỹ kim (Nếu người chết là Hội viên Dự bị).

*- Tuân thủ quy định về thời hạn nộp tiền phúng điếu, niên liễm, các qui định về nghĩa vụ của Hội viên.

D- Quyền lợi Hội viên:

Khi Hội viên qua đời, người thụ hưởng hợp pháp được hưởng quyền lợi sau:

*- Hưởng trọn 100% tiền phúng điếu do Hội viên đương nhiệm đóng góp theo mức do Điều lệ qui định (Mức đóng góp này tùy theo người quá cố là Hội viên chính thức hay Hội viên Dự bị).

*- Được Ban Điều Hành Hội thực hiện phân ưu và phúng điếu trong điều kiện cho phép

*- Hưởng trọn 100% tiền phúng điếu do Hội viên đương nhiệm đóng góp theo mức do Điều lệ qui định (Mức đóng góp này tùy theo người quá cố là Hội viên chính thức hay Hội viên Dự bị).

*- Được Ban Điều Hành Hội thực hiện phân ưu và phúng điếu trong điều kiện cho phép.

E- Gia nhập Hội:

Hồ sơ gia nhập Hội xin gửi về:

Hội Tương Tế Cao Đài & Thân Hữu
3267 Moreno Ave, San Jose, CA 95127-4213

G- Liên lạc:

Muốn biết thêm chi tiết, xin vui lòng liên lạc:

1*- Nguyễn Sam - Phone : (408) 759-9339

E-mail: duyvan2011@gmail.com

2*- Nguyễn Thành Hưng - Phone: 1(408) 621-4468

E-mail: henrynguyen07@hotmail.com

3*- Dương Văn Ngừa: Phone (408) 772-0989

E-mail: datthong2005@yahoo.com

4*- Nguyễn Đăng Khích: Phone: 408-926-9186

E-mail: tnndk4@gmail.com

HỘI TƯƠNG TẾ CAO ĐÀI VÀ THÂN HỮU



PHÂN ƯU



Chúng tôi vừa nhận được Tin Buồn:

Nhạc Mẫu của HT Huỳnh Văn Bớt
Cố Vấn Thánh Thất Nashville bang
Tennessee - Hoa Kỳ là:

Lễ Sanh Hàm Phong
HƯƠNG NHÂN

(Thê Danh Lê Thị Nhân, sinh năm 1920)

Đã quy vị vào lúc 0 giờ 20 phút ngày 3-7-2019 (nhằm ngày 1 tháng 5 năm Kỷ Hợi) tại Thánh Địa Tòa Thánh Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

Hưởng Thương thọ 100 tuổi

Chúng tôi xin thành kính chia buồn cùng Hiền Huynh HT Huỳnh Văn Bớt và phu nhân cùng tang gia hiếu quyến.

Nguyện cầu Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu cùng các Đấng Thiêng Liêng độ rỗi hương linh Cố Lễ Sanh Hàm Phong Hương Nhân, thê danh Lê Thị Nhân, được sớm trở về và dực tấn trên cõi Thiêng Liêng Hằng Sống .

THÀNH KÍNH PHÂN ƯU

San Jose, ngày 4-7-2019

- *- Ban Quản Nhiệm / Ban Thế Đạo Hải Ngoại
- *- Các Ban Đại diện / BTĐHN tại Hoa Kỳ, tại Âu châu và tại Úc Châu
- *- Hệ thống Truyền Thông Ban Thế Đạo Hải Ngoại

PHÂN ƯU



Chúng tôi vô cùng Thương tiếc nhận được tin buồn:

Hiền Huỳnh NGUYỄN VĂN NUÔI

Đã quy vị vào lúc 12 giờ 20 phút trưa ngày 10 tháng 7 năm 2019 (nhằm ngày mồng 8 tháng 6 năm Kỷ Hợi), tại tư gia xã Long Thành Trung, Huyện Hòa Thành, Tây Ninh. Việt Nam.

Hưởng Trung Thọ 78 tuổi

Chúng tôi thành kính chia buồn cùng bà quả phụ Nguyễn Văn Nuôi hiện là Hiền Tỷ Phó Tri Sự Võ Thị Ngọc từng sự tại Hương Đạo Atlanta, Thánh Thất Cao Đài GA - Hoa Kỳ và tang gia hiếu quyền

Chúng tôi thành tâm cầu nguyện Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu và các Đấng Thiêng Liêng độ rỗi Hương Linh Cố Đạo Hữu NGUYỄN VĂN NUÔI sớm về cõi THIÊN ĐƯỜNG HẠNG SỐNG

THÀNH KÍNH PHÂN ƯU

*- Đại Diện BTĐHN @ bang GA (HT Võ Ngọc Độ.

*- Bàn Trị Sự Hương Đạo Nashville và đồng đạo

*- Hiền Tài Huỳnh Văn Bớt Cố Vấn Hương Đạo Nashville và gia đình.

*- HT Lê Thành Hưng và gia đình, bang AL - USA

*- HT Lê Thị Huệ Hường và gia đình, bang TX - USA

*- HT Nguyễn Ân Hồng và gia đình, bang OH - USA

PHÂN ƯU



Chúng tôi vừa nhận được Tin Buồn:

Thân Mẫu của Hiền Tỷ Bác Sĩ Đặng Cẩm Hồng và cũng là Nhạc Mẫu của Hiền Huynh Bác Sĩ Bùi Đắc Hùm là:

Bà Quả Phụ Bác Sĩ Đặng Văn Chiếu
Nhũ danh NGUYỄN NGỌC NGA

Đã quy vị vào ngày 14-7-2019 (nhằm ngày 12 tháng 6 năm Kỷ Hợi) tại Thành Phố Memphis bang Tennessee - Hoa Kỳ.

Hưởng thọ 97 tuổi

Chúng tôi xin thành kính chia buồn cùng Hiền Tỷ Bác Sĩ Đặng Cẩm Hồng, Hiền Huynh Bác Sĩ Bùi Đắc Hùm và tang gia hiếu quyến.

Nguyện cầu Ôn Trên độ rỗi hương linh Cụ Bà Nguyễn Ngọc Nga sớm về cõi Vĩnh Hằng.

THÀNH KÍNH PHÂN ƯU

San Jose, ngày 1-8-2019

- *- Ban Quản Nhiệm / Ban Thế Đạo Hải Ngoại
- *- Hệ thống Truyền Thông Ban Thế Đạo Hải Ngoại

PHÂN ƯU



Chúng tôi vô cùng Thương tiếc nhận được tin buồn:

Phu quân của Hiền Tỷ Lê Thị Đát hiện ngụ tại thành phố Atlanta bang GA - Hoa Kỳ là:

Đạo Hữu

NGUYỄN HỮU THANH

Khóa 5 Sĩ Quan Trừ Bị Thủ Đức

**Nguyên Thiếu Tá Tiểu Đoàn Trưởng Tiểu Đoàn 30/PB -
Sư Đoàn 3 Bộ Binh**

Đã quy vị vào lúc 5.55 AM ngày 16 tháng 7 năm 2019
(nhằm ngày 14 tháng 6 năm Kỷ Hợi), tại tư gia

Hưởng Thượng Thọ 90 tuổi

Chúng tôi thành kính chia buồn cùng Hiền Tỷ Lê Thị Đát và tang gia hiếu quyến.

Chúng tôi thành tâm cầu nguyện Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu và các Đấng Thiêng Liêng độ rỗi Hương Linh Cố Đạo Hữu NGUYỄN HỮU THANH sớm về cõi THIÊN LIÊNG HẰNG SỐNG

THÀNH KÍNH PHÂN ƯU

- *- Bàn Trị Sự Thánh Thất Cao Đài GA - Hoa Kỳ.
- *- Thanh Niên, Ban Lễ Nhạc Đồng Nhi & Đồng đạo Thánh Thất Cao Đài GA - Hoa Kỳ.

*- Đại Diện BTDHN @ GA -USA (HT Võ Ngọc Độ)



PHÂN ƯU

Chúng tôi vô cùng thương tiếc nhận được
Tin Buồn:

Phu quân của Hiền Tỷ Đặng Kim Sơn ngụ
tại thành phố San Jose, bang California là:

Hiền Huynh
NGUY THANH SƠN

Hội viên Hội Tương Tế Cao Đài & Thân Hữu

Đã quy vị vào lúc 7 giờ 8 phút ngày 20-7-2019 (nhằm
ngày 18 tháng 6 năm Kỷ Hợi) tại Thành Phố San Jose, CA

Hưởng trung thọ 74 tuổi

Chúng tôi xin thành kính chia buồn cùng Hiền Tỷ Đặng
Kim Sơn cùng tang gia hiếu quyến.

Nguyện cầu Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu cùng các Đấng
Thiên Linh độ rỗi hương linh Cố đạo hữu Nguyễn Thanh
Sơn sớm về cõi Thiên Linh Hằng Sống .

THÀNH KÍNH PHÂN ƯU

San Jose, ngày 22-7-2019

- *- Ban Quản Nhiệm / Ban Thế Đạo Hải Ngoại
- *- Ban Đại diện / BTĐHN tại Bắc California.
- *- Hệ thống Truyền Thông Ban Thế Đạo Hải Ngoại

*- TM. Hội Tương Tế Cao Đài & Thân Hữu
Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị: Sam Nguyễn
Trưởng Ban Điều Hành Hội: Nguyễn Thành Hưng



PHÂN ƯU

Hương Đạo Cao Đài Nashville bang Tennessee và Vùng Phụ Cận vừa nhận được Tin Buồn:

Lễ Sanh

Thượng Bảo Thanh (Thế danh Lâm Thái Bảo)

Là Nhạc gia của Thông Sự Huỳnh Văn Lành thuộc Thánh Thất Đệ II Phận Đạo, Tây Ninh Việt Nam

Đã quy vị vào ngày 8-8-2019 (nhằm ngày 8 tháng 7 âm lịch năm Kỷ Hợi) tại Huyện Hòa Thành, Tỉnh Tây Ninh Việt Nam

Hưởng Đại Thọ 102 tuổi

Bàn Trị sự Hương Đạo Nashville bang Tennessee và Vùng Phụ Cận thành thật chia buồn cùng Hiền Đệ Huỳnh Văn Lành và Tang gia hiếu quyến,

Thành tâm cầu nguyện Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu và các Đấng Thiêng Liêng, Địa Tạng Vương Bồ Tát độ rỗi chơn linh Lễ Sanh Thượng Bảo Thanh (thế danh Lâm Thái Bảo) được cao thăng Thiên vị.

THÀNH KÍNH PHÂN ƯU

- *- Bàn Trị Sự Thánh Thất Cao Đài Nashville và đồng đạo
- *- Hiền Tài Huỳnh Văn Bớt Cố Vấn Hương Đạo Nashville và gia đình.
- *- HT Lê Thành Hưng và gia đình, bang AL - Hoa Kỳ.
- *- HT Lê Thị Huệ Hường và gia đình, bang TX - Hoa Kỳ.
- *- HT Nguyễn Ân Hồng và gia đình, bang OH - Hoa Kỳ.

PICNIC HÈ NĂM 2019
TÂY NINH ĐỒNG HƯƠNG HỘI &
HỘI LIÊN TRƯỜNG TÂY NINH BẮC CA

Vào ngày Chủ Nhật 18-8-2019, Tây Ninh Đồng Hương Hội và Hội Liên Trường Tây Ninh Bắc California đã tổ chức Picnic Hè năm 2019 tại địa điểm Emma Prush Farm Park Multicultural Center, số 647 S. King Road, San Jose, CA 95116. Hai ba ngày trước Picnic Hè, không khí tại San Jose rất nóng bức và nhiệt độ trung bình từ 12 giờ trưa đến 4/5 giờ chiều lên đến gần 100 độ F. Tuy nhiên đến ngày tổ chức Picnic thì nhiệt độ đã giảm xuống, không khí trong hội trường trở nên dễ chịu. Mọi người cảm thấy vui vẻ, thoải mái.



Gần 10 giờ sáng thì Hội Trường mới được mở cửa. Tuy nhiên khoảng 9.00 giờ sáng, anh em trong Ban Tổ chức gồm có nhóm treo biểu ngữ chào mừng quan khách và đồng hương, nhóm treo bản hướng dẫn từ ngoài đường King vào Hội Trường cũng như nhóm phục vụ thức ăn thức uống cho

picnic cũng đã có mặt đầy đủ để chuẩn bị mọi việc chờ giờ mở cửa Hội Trường. Nhóm treo biểu ngữ và nhóm treo bản hướng dẫn bên ngoài Hội Trường đã hoàn thành nhiệm vụ khi cửa Hội Trường mở.

Sau khi cửa Hội Trường mở, nhóm nào làm việc theo nhóm nấy. Hội Trường sống động. Nhóm treo biểu ngữ tiếp tục treo biểu ngữ bên trong Hội Trường, nhóm phụ trách thức ăn, nước uống lo chuyển thức ăn nước uống vào hội trường và sắp xếp sẵn thức ăn vào các khay thức ăn. Nhóm lo dụng cụ âm thanh lo phần của mình lo set up , nối điện vào các ampli, micro, thử máy . . . Nhóm sắp xếp bàn ghế lo chuyển và sắp xếp bàn ghế cũng như trải bàn và trang trí trên bàn ăn. Có lẽ vì đã quen công việc tổ chức, sắp xếp, bày biện thức ăn, ghi danh quan khách, đồng hương, . . .vv . . . nên công việc các nhóm làm rất nhịp nhàng và nhanh chóng. Vào lúc





Vào lúc 10.15 AM đồng hương, quan khách, thân hữu và cựu sinh Liên Trường Tây Ninh đã lần lượt đến Hội Trường. Tại cửa vào có đặt một cái bàn có ba cô đồng hương ngồi giúp ghi danh người vào Hội Trường.



Trong số quan khách chúng tôi nhận thấy có:

- 1- Dân biểu Tiểu Bang CA: Ông Kansen Chu, đơn vị 5.
- 2- Dân Biểu Tiểu Bang CA: Ông Ash Kalra, đơn vị 27.
- 3- Giám Sát Viên Quận Hạt Santa Clara: Ông Dave Cortese.

Tổng số người tham dự Picnic hôm nay khoảng trên 150 người.

Vào lúc 11.00 AM Buổi Họp Mặt Hè bắt đầu với chương trình như thông lệ gồm có Chào Quốc Kỳ Mỹ, Việt và Một Phút Mật Niệm do MC Nguyễn Cười đảm trách. Sau đó đồng hương Trương Thị Vân Lan, Hội Trường, đã phát biểu Lời Chào Mừng toàn thể Hội Trường..

Vì thời gian lưu lại Hội Trường tham dự Lễ có hạn nên Dân Biểu Kansen Chu lên trước chào mừng tất cả quý vị trong

Hội Trường và trao cho Cô Vân Lan, Hội Trường, Bằng Tuyên Dương sự cống hiến của Tây Ninh Đồng Hương Hội & Thân Hữu trong việc thúc đẩy tình thân hữu giữa những người Tây Ninh và thân hữu trong cộng đồng chúng ta.

Sau đây là một số hình ảnh lưu niệm của Dạn biểu Kansan Chu, Dân Biểu Ash Kalra và Giám Sát Viên Dave Cortese, những vị dân cử đã tham dự Picnic Hè của Hội







Kế tiếp chương trình là đồng hương Lưu Hữu Hạnh và cũng là cựu sinh Liên Trường Tây Ninh đọc lời phát biểu chân tình nhân dịp Picnic Hè này, Sau đây chúng tôi xin ghi lại nội dung Bài Phát Biểu:

KHÔNG CÒN BAO LÂU NỮA

Chúng ta xa quê hương mang theo nỗi nhớ niềm đau và cứ ngỡ nỗi nhớ đó đi theo thời gian mờ dần, nhưng càng lúc lại

càng khắc sâu trong tâm hồn chúng ta. Chính vì đó là động lực để Hội Liên Trường Tây Ninh ra đời.



Anh Chị Lưu Hữu Hạnh

Sau 44 năm lìa xa đất Tổ như bầy chim lạc đàn bay khắp bốn phương Trời, thế nên chúng tôi rất mong quý Thầy cô cùng các Anh Chị Em Cựu Học Sinh hằng năm về tụ bên nhau để biết được ai còn ai mất mà ngày xưa chúng ta cùng quay quần bên nhau tại những mái trường Tây Ninh yêu dấu.

Cám ơn Ban Tổ Chức đã tạo cơ hội cho chúng ta có dịp khơi lại tình Thầy Trò, tình bạn cũ. tôi mượn không gian này để tỏ lòng thành kính cám ơn Thầy Cô đã tận tụy cả đời để dạy dỗ chúng em, đồng thời cũng cám ơn quý bạn đồng môn, đồng hương đang hiện diện nơi đây. Chúng ta hãy kết tình thân ái trong không khí ấm áp của mùa hè rực rỡ này. Các cháu có được ngày vui bên Ông Bà Cha Mẹ và mặc dù là công dân Mỹ nhưng mình vẫn còn quê hương Tây Ninh Việt Nam yêu dấu.

Các Bạn đồng hương và Cựu học sinh Liên Trường Tây Ninh thân mến,

Chúng ta cũng đã trên dưới 70, thời gian cũng không còn bao lâu nữa . Tuổi này là tuổi chúng ta phải xuất hết vốn ra còn bao nhiêu cứ xài cho đã (vì ngày mai có muốn xài cũng không được nữa) “ Ta không còn bao lâu nữa”. Vậy ta tiết kiệm làm gì? có người rủ ta đi Ý để xem Tòa Thánh Vatican, đi Pháp để coi tháp Eiffel, đi Phi châu để xem Safari, ta đi liền không do dự (ngày mai ta có còn được không?). . .tiền để làm gì? Bạn bè có cần giúp đỡ ta sẵn lòng (Còn bao lâu nữa . . .tiền để làm gì?)

Về chuyện yêu đương nếu có còn yêu được thì nên yêu hết mình vì đến lúc mình không yêu được nữa có đòi yêu thì than ôi đã muộn rồi. Chúng ta vẫn thường nghe “an hưởng tuổi già” nhưng thực tế có người thì sống những năm tháng vui vẻ, còn người thì lại u uất muộn phiền. Vậy nên để an hưởng tuổi già đúng nghĩa chúng ta cần chuẩn bị:

1*- Có một thân thể khỏe mạnh để không gây phiền phức cho con cháu.

2*- Bên mình có người dìu bước, chung chăn gối là người bạn đời. Dân gian thường nói “Con cháu đầy nhà không bằng bạn già bên thân (Con chăm Cha không bằng Bà chăm Ông).

3*- Cuộc sống cần có quy luật (nghĩ ngơi ăn uống vui chơi và nhất là cần phải có thời gian của riêng mình.

4*- Dành đủ tiền chi tiêu cho mình (không cần phải xin con cháu).

5*- Một trái tim vui vẻ. Nhất định cần phải trân quý quang

thời gian cuối cùng. Đời có bao lâu mà hưởng hờ mà ngu dại dành cho buồn khổ. đôi khi phải dừng lại một chút cho thời gian qua, dừng lại một chút cho người ta yêu, dừng lại một chút cho quá khứ cào xé và dừng lại một chút để ta biết ta cần gì và cần ai trong cuộc đời này. Đôi khi dừng lại cũng là một cách để bước đi khôn ngoan.

Cuộc sống thật sự đơn giản nhưng chúng ta cứ làm nó thành phức tạp.

Buổi sinh hoạt Hè hằng năm là dịp để chúng ta kết tình thân ái giữa những người sinh quán tại Tây Ninh vì vậy cứ trông đến ngày họp mặt Hè, ngày Tân Xuân Hội Ngô để có dịp gặp lại nhau. Cho dù ở nơi đâu, phương Trời hay gốc Biển nhưng chúng ta đừng quên 4 chữ “Đông Hương Tây Ninh” hay “Liên Trường Tây Ninh”

Kính chào quý vị và các bạn. Kính chúc sức khỏe.

TM. Tây Ninh Đông Hương Hội & Liên Trường Tây Ninh Bắc California.

Cựu học sinh Lưu Hưu Hạnh.

Sau đây là một số hình ảnh trong Hội Trường:

























Trong Phần Ca Nhạc Buổi Sinh hoạt Picnic Hè hôm nay có anh La Vân đàn đàn, âm thanh do Anh Trường phụ trách. Còn những vị ca sĩ giúp vui hôm nay gồm toàn là Những Ca Sĩ “Cây Nhà Lá Vườn”

Sau đây là một số ca sĩ và những Bài Hát đã được trình bày:

- | | |
|-------------------------|--|
| 1*- Chị Hoàng Anh: | Chiều Làng Em |
| 2*- Anh Hoàng Đoàn: | Hải Ngoại Thương Ca
(Nhạc sĩ Nguyễn Văn Đông) |
| 3*- Chị Ngọc Sương: | Biết đâu tìm (Hoàng Thi Thơ) |
| 4*- BS Trần Minh Khiết: | Phượng Hồng |
| 5*- Anh Quang Hùng: | Đường Về Quê Hương |
| 6*- Anh Cẩm: | Cao dao Em và Tôi |
| 7*- Chị Kim Hoa: | Hồi Tâm Hương Thiện |
| 8*- Anh Nguyễn Cười: | Lính mà Em. |
| 9*- Chị Loan: | Bóng Chiều Xưa |
| 10*- Anh Hoàng Vinh: | Nỗi Buồn Hoa Phượng |
| 11*- Chị Mỹ Thể: | Khóc Thầm. |
| 12*- Anh Duy Cường: | Tuổi học Trò |
| 13*- Anh Duy Văn: | Chiều Hạ Vàng |
| 14*- Anh Lâm Bình: | Hoa Cài Mái Tóc. . . .vv |

Và sau đây là một số hình ảnh các Ca sĩ và MC:

Ghi Chú:

Trong phần ghi tên anh chị ca sĩ hôm nay và tên các Bài hát nêu trên, nếu có sự sai sót, xin quý vị niệm tình tha thứ cho. Thành thật cảm ơn.















KẾT LUẬN

Qua Buổi sinh hoạt Picnic Hè năm 2019 của Tây Ninh Đồng Hương Hội & Hội Liên Trường Tây Ninh Bắc CA chúng tôi có những niềm vui và nhận định như sau:

1- Sự kết hợp hoạt động giữa Tây Ninh Đồng Hương Hội và Hội Liên Trường Tây Ninh Bắc CA là một điểm son của hai Hội nhất là tinh thần thương yêu gắn bó của tất cả anh em trong hai Hội.

2- Nhờ sự liên kết của hai Hội cùng nhau trong một tên

chung nên trong tương lai Hội sẽ có những hoạt động mạnh mẽ, khởi sắc hơn không những trong sinh hoạt thường xuyên như Picnic Hè hằng năm hay HỌP MẶT Cuối Năm hay ĐẦU Năm mà Sinh hoạt Hội có thể tiến xa hơn nữa vào các sinh hoạt khác như xã hội, giáo dục . . . vv.

3*- Nhờ sự liên kết hợp nhất giữa hai Hội nên việc tổ chức Picnic như trang trí, treo biểu ngữ, sắp xếp bàn ghế, dọn dẹp sau khi bế mạc đã được thực hiện một cách có trật tự, nhịp nhàng, nhanh nhẹn. Thức ăn do các anh chị thực hiện, nhất là Anh Chị Lưu Hữu Hạnh, rất là ngon và ai ai cũng khen ngợi.

4*- Nhờ sự liên kết hợp nhất giữa hai Hội nên trong việc tổ chức Picnic Hè kỳ này, Tinh thần mọi người trong Ban Tổ Chức rất phấn chấn, vui vẻ nên kết quả Buổi sinh hoạt Picnic Hè đã thành công rất mỹ mãn.

5*- Ban Tổ Chức Picnic Hè đã có mặt tại Hội Trường từ lúc 9.00 AM. Cửa Hội Trường được mở lúc 9.45 AM. Buổi sinh hoạt Picnic Hè được bắt đầu lúc 11.00 AM và chấm dứt lúc 2.15 PM cùng ngày.

Trong niềm vui của Hội hôm nay, trong niềm vui của tất cả anh chị em đồng hương Tây Ninh và anh chị em trong Hội Liên Trường Tây Ninh Bắc CA chúng tôi tin chắc rằng sinh hoạt của Hội đã và đang được chấp cánh sẽ được nở rộng hơn, sẽ được bay xa hơn và cao hơn.

Chúng tôi xin chúc lành tất cả quý anh chị em và hẹn gặp nhau trong những sinh hoạt của Hội sắp tới.

San Jose, ngày 20-8-2019

Dũng -Uyễn

LÒNG TIN (Toàn Không)

Lòng tin là không nghi ngờ, không thắc mắc, không do dự, trung thành, tín cẩn. Khi nói chuyện với một người, có khi chúng ta tin liền điều người ấy nói, vì người ấy nói điều hợp lý, hoặc người ấy chẳng bao giờ nói dối nói sai. Có hai trường hợp: Một là ta đang nói chuyện với một người đáng tin cậy, tức là người này không nói sai những gì đã thật sự xảy ra, hai là người mà ta đang nói chuyện không đáng tin cẩn, nên lời nói có thể đúng hoặc sai với sự thật.

1). PHÂN LOẠI LÒNG TIN:

Có mấy loại lòng tin? Có hai loại: Lòng tin mù quáng và lòng tin đúng đắn.

1. Lòng tin mù quáng:

Là tin không cần suy nghĩ thật giả, chân ngụy, không cần biết điều mình tin có chỗ sai hay vô lý. Người tin mù quáng thì ai nói gì cũng tin nên dễ bị gạt về nhiều phương diện trong cuộc sống, có khi những điều tin ấy vô lý đã được truyền từ nhiều đời rồi vẫn tiếp tục truyền lại nhiều thế hệ sau, như trước kia có quan niệm cho rằng mặt đất phẳng, mặt đất vuông chẳng hạn. Sự tin tưởng sai lầm lui dần khi khoa học tiến lên, bây giờ ta mới thấy rằng sự tin tưởng phải cần chứng minh, so sánh, chiêm nghiệm.

2. Lòng tin đúng đắn:

Là lòng tin đã được tư duy, kiểm chứng, áp dụng, lòng tin

dựa trên chính kiến, suy xét tường tận trên mọi phương diện, mọi khía cạnh; được tư duy kiểm chứng bởi chính mình, không bởi người khác nói lại, không bởi sách vở, không bởi tục lệ. Cũng không bởi cha ông đã theo đã làm như thế. Khi thấy đúng hoàn toàn rồi mới tin, đó mới là lòng tin đúng đắn, lòng tin đúng sự thật; khi đã biết thật chắc chắn rồi, không còn nghi ngờ gì nữa, dù ai có nói ngược nói xuôi cũng không bị lay chuyển.

2). CHUYỆN VỀ LÒNG TIN:

1. Câu chuyện thứ nhất:

Thời Đức Phật còn tại thế, đa số các đệ tử của Đức Phật đều tin Ngài một cách tuyệt đối, tuy nhiên, đọc trong Kinh sách, chúng ta vẫn tìm thấy có trường hợp một đệ tử của Đức Phật không có lòng tin vững chắc, câu chuyện trích phỏng theo bộ Tăng Nhất A Hàm, quyển một, trang 126 như sau:

Bấy giờ trước đại chúng đông đảo Tỳ Kheo (Tăng) tại thành La Duỵệt vườn Ca Lan Đà, Đức Phật bảo các Tỳ Kheo:

“Các Thầy có thấy pháp (suy nghĩ, nói năng, việc làm) của Đệ Bà Đạt Đa (Em con người Chủ của Đức Phật) là thanh tịnh chăng?, ngược lại Đệ Bà Đạt Đa tạo ác sâu nặng, sẽ chịu tội nhiều kiếp không thể chữa trị. Ta chẳng thấy Đệ Bà Đạt Đa có một tí điều lành có thể kể ra được. Ví như có người rơi xuống cầu tiêu sâu, thân hình chìm lìm, không còn một chỗ nào sạch, người khác muốn vớt cứu lên, đứng ngó xem thấy người đó chẳng còn có một chỗ nào sạch để có thể nắm kéo lên, liền bỏ đi, này các Tỳ Kheo, tại sao như thế? Vì Đệ Bà Đạt Đa một mực ngu si, tham đắm lợi dưỡng (Đồ

ăn, vật dụng v.v... của Thái tử A Xà Thê), *tạo tội ngũ nghịch* (tội ngũ nghịch gồm: giết cha, giết mẹ, muốn hại Phật, phá rối Tăng đoàn, giết Tăng Ni). *Khi chết sẽ đọa Địa ngục chịu tội nhiều kiếp* (mỗi kiếp khoảng hơn 16 triệu năm), *này các Tỳ Kheo, đã sinh tâm ưa lợi dưỡng hãy là bỏ, nếu chưa sinh tâm dánh mắc lợi dưỡng đừng cho sinh khởi*".

Khi nghe Đức Phật nói như thế, một Tỳ Kheo đi đến gặp Tôn giả A Nan là Thị giả của Đức Phật, sau khi chào hỏi rồi nói:

"Thưa Tôn giả, hôm nay trước đại chúng, Thế Tôn nói đã xem hết nguồn gốc của Tỳ Kheo Đề Bà Đạt Đa, rồi sau đó thọ ký cho ông ta phải chịu tội nhiều kiếp vì không thể chữa trị được, lại có thể thọ ký việc này được ư?"

Tôn giả A Nan trả lời: *"Những lời nói của Thế Tôn không thể hư dối được"*.

Sau khi Tỳ kheo ấy rời khỏi, Tôn giả A Nan đến chỗ Đức Phật, vái lạy rồi thưa:

"Có một Tỳ Kheo đến chỗ con nói rằng: "Hôm nay trước đại chúng Thế Tôn nói đã xem hết nguồn gốc tạo tội của Tỳ Kheo Đề Bà Đạt Đa, rồi sau đó thọ ký cho ông ta phải chịu tội nhiều kiếp vì không thể chữa trị được", lại có thể thọ ký việc này được ư?"

Đức Phật bảo Tôn giả A Nan: *"Thầy đi bảo Tỳ Kheo ấy là Ta gọi"*, Tỳ Kheo đó tu học chưa được bao lâu, lời Như Lai trọn không hư vọng, tại sao lại nghi ngờ?

Chẳng bao lâu, Tỳ kheo ấy đến trước Đức Phật vái lạy xong,

Đức Phật bảo:

“Này Tỳ Kheo, Thầy không tin lời Như Lai nói sao, Như Lai tuyệt đối không hư dối, nay Thầy lại muốn tìm hư vọng của Như Lai sao?”

Tỳ Kheo ấy thưa: *“Tỳ Kheo Đề Bà Đạt Đa có đại thần lực, có đại oai đức, làm sao Thế Tôn thọ ký cho ông ta chịu tội nặng nhiều kiếp được?”*

Đức Phật bảo: *“Hãy giữ miệng của Thầy chớ để mãi mãi chịu khổ vô lượng”*, rồi Đức Phật nói kệ trách cứ:

*“Đạo Thiên thế tục không,
Rút cục không giải thoát,
Chẳng đến chỗ diệt tận,
Trở lại đọa Địa ngục”*.

Đức Phật nói tiếp:

“Giả thử Ta thấy Đề Bà Đạt Đa có một chút pháp lành, Ta đã không thọ ký phải chịu tội nhiều kiếp, thế nên, này Tỳ Kheo si mê, sở dĩ như thế vì Đề Bà Đạt Đa ngu si tham đắm lợi dưỡng lại còn tạo điều nghịch ác, này các Tỳ Kheo, hãy học điều này”.

Khi ấy, Tỳ Kheo ấy vái lạy Đức Phật rồi thưa: *“Con tự hối lỗi, cúi mong Thế Tôn rủ lòng tha thứ, vì con u mê, ngu si, tạo hạnh chẳng lành. Thế Tôn không nói thêm bớt mà con khởi nghi ngờ, cúi mong Thế Tôn nhận cho con sám hối, con sẽ không tái phạm nữa”*

Đức Phật bảo: *“Lành thay, Thầy biết hối lỗi về ý niệm sai*

của mình, Ta tha cho Thầy, chớ nên nghi ngờ đối với Như Lai. Nay Ta nhận cho Thầy hối lỗi, sau chớ phạm lại nữa”, rồi Đức Phật nói kệ chứng cho sự sám hối:

*“Dù có làm tội nặng,
Hối lỗi rồi không phạm,
Người ấy giữ cấm giới,
Nhỏ căn nguyên tội này”.*

LỜI BÀN:

Trên đây, chúng ta thấy vị Tỳ Kheo kia vì không có lòng tin vững chắc đối với bậc đại Giác, đại Sư của mình, nên đã tỏ ra nghi ngờ. Sau khi được Đức Phật giảng giải xác quyết đã làm tan mây si mê, nên vị Tỳ Kheo ấy đã hối lỗi và cầu xin Đức Phật nhận cho được sám hối, và Đức Phật đã chấp thuận.

Chúng ta được biết có trường hợp tương tự, Tỳ Kheo tên Cù Ba Ly, vì vào phe với Đề Bà Đạt Đa mà đến tố cáo hai Tỳ Kheo Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên làm việc ác. Đức Phật giải thích rằng hai Tỳ Kheo Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên không làm việc ác, nhưng Tỳ Kheo Cù Ba Ly không tin lời Ngài, do đó Đức Phật thọ ký Cù Ba Ly sẽ chịu quả báo về lời nói ác, và sau một thời gian Tỳ Kheo này bị bệnh mụn nhọt đau đớn qua đời và bị đọa Địa ngục.

Về vấn đề tin lời Đức Phật nói, có lần Tôn giả Mục Kiền Liên trông thấy một người cao to như cái nhà lầu, khi đến thưa với Đức Phật, Ngài xác nhận là đúng, Ngài đã không nói vì sợ mọi người không tin, rồi Đức Phật nói: **“Những kẻ không tin lời Như-Lai nói là những kẻ ngu si, mãi mãi thọ**

khổ”; tại sao không tin lời Phật sẽ khổ? Vì những điều Đức Phật nói ra đều là sự thật giúp chúng ta đi đến chân hạnh phúc, thí dụ: Phật tử tại gia muốn kiếp sau được tái sinh làm người giàu sang sung sướng khỏe mạnh sống thọ phải thực hành Năm Giới: không sát sanh, không trộm cướp, không tà dâm, không nói dối, và không uống rượu (và Ma túy). Nếu những ai tin lời Phật mà thực hành đầy đủ thì kiếp sau sẽ có kết quả, còn những ai không tin lời Ngài nói tức không thực hành mà còn phạm một vài điều trên, thì chắc chắn người ấy kiếp sau sẽ vào cảnh khổ vậy.

2. Câu chuyện thứ hai:

Một trường hợp khác về lòng tin những lời bàn tán, tin đồn, lúc ấy người nghe nếu không có lòng tin vững chắc, sẽ gây sự nghi ngờ vô cùng tai hại; còn nếu đã có sự tin tưởng tuyệt đối rồi, dù có đồn đại thế nào, có người nói ra nói vào thế nào đi nữa cũng không làm thay đổi được lòng tin của mình. Một câu chuyện liên quan tới lòng tin vững chắc mà chúng ta nên biết cũng trong quyển một bộ Tăng Nhất A Hàm, trang 154 như sau:

Thời bấy giờ tại nước Xá Vệ, có một Trưởng giả kia có một đứa con, ông rất thương yêu, nhưng đứa con lại bị chết bất ngờ, ông rất sầu khổ đâm ra phát cuồng điên đi lang thang khắp nơi, gặp ai cũng hỏi: “*Có thấy con tôi không?*”

Một hôm ông đi lang thang lần tới đạo tràng Kỳ Hoàn, có Đức Phật đang ngự tại đó, gặp Phật, ông ta cũng hỏi: “*Sa Môn! Có thấy con tôi không?*”. Đức Phật bảo: “*Vì sao ông không vui? Mặt mũi bơ phờ tâm trí rối loạn như thế?*” Trưởng giả trả lời: “*Tôi như vậy vì con tôi chết, nó bỏ tôi,*

tôi nhớ nó, tôi buồn khổ, nay tôi hỏi Sa Môn có thấy con tôi không?” Đức Phật trả lời: “Đúng vậy, sinh già bệnh chết là thường ở đời, ái ân biệt ly khổ, đưa con vì vô thường mà bỏ ông, há không nhớ nghĩ được sao?” Ông ta nghe Đức Phật nói thế, không bằng lòng bèn bỏ đi.

Đi đường gặp người ông liền nói: “Sa Môn Cù Đàm nói rằng: “Ái ân biệt ly liền có khoái lạc”, như vậy có đúng không?” Người kia đáp: “Ái ân biệt ly mà vui cái gì?”

Rồi Trưởng giả ấy đi dần đến thành Xá Vệ, gần chỗ đánh bạc, lại nghĩ rằng: “Các người đánh bạc đều thông minh, không việc gì chẳng biết, ta nên đến hỏi họ”, ông bèn đến vào chỗ ấy, trong khi mọi người đang tụ họp đông đảo đánh bạc, ông bèn cất tiếng to hỏi: “Sa Môn Cù Đàm bảo tôi rằng: “Án ái biệt ly khổ, oán ghét gặp gỡ khổ”, đây là khoái lạc, các ông nghĩ sao?” Mọi người đều nói: “Án ái biệt ly, oán ghét gặp gỡ”, có gì mà vui, có gì mà khoái lạc? Không đúng” Ông ta lại nghĩ: “Sao là ái ân lại có vui u?, không đúng, không đúng”.

Rồi ông đi vào thành Xá Vệ, đứng ở chỗ cửa thành hoàng cung la to lên rằng: “Sa Môn Cù Đàm bảo rằng: “Án ái biệt ly, oán ghét hội họp là khoái lạc””. Bấy giờ, trong thành từ người này truyền qua người khác cho tới trong cung; ngay lúc đó, đại vương Ba Tư Nặc và phu nhân Mạt Lợi đang ở trên lầu các, được tùy tùng bẩm lại sự việc như thế, Vua bảo Phu Nhân: “Sa Môn Cù Đàm thật có nói: “Án ái biệt ly, oán ghét hội họp đều là khoái lạc chăng?”, Phu Nhân nghĩ sao?”. Phu Nhân trả lời: “Thiếp không nghe Thế Tôn dạy lời này, nhưng nếu Ngài có dạy như thế cũng chẳng phải là lời hư dối”. Vua bảo: “Ví như thầy dạy đệ tử” làm điều này, bỏ

điều kia”, đệ tử đáp: “Xin vâng, đại Sư”. Nay bà cũng như thế, Sa Môn Cù đàm nói lời như thế mà bà vẫn đồng ý nói rằng “không có hư dối”, vậy bà hãy đi mau, đừng ở trước mặt ta nữa”.

Sau khi ấy, bà la môn Trúc Bác đến Kỳ Hoàn chỗ Đức Phật ngự, sau khi vái lạy ông bạch lên Đức Phật những điều Phu Nhân Mạt Lợi đã dặn bảo rằng: “Thưa Đức Thế Tôn, phu nhân Mạt Lợi cúi lạy Đức Thế Tôn và kính chúc Thế Tôn luôn mạnh khỏe, giáo hóa người mê muội không mệt mỏi. Phu Nhân trình lên Thế Tôn một việc mà người trong cung thành bàn luận điều Thế Tôn đã nói rằng: “Án ái biệt ly, oán ghét hội họp đều là khoái lạc”. Chẳng hay Thế Tôn có dạy như thế không? Xin Thế Tôn chỉ dạy để con về thưa lại với Phu Nhân”.

Đức Phật bảo bà la môn Trúc Bác: “Trong thành Xá Vệ có một Trưởng giả bị chết mất một đứa con mà ông ta rất thương yêu, vì thế, ông ta đâm ra điên cuồng loạn trí, đi lang thang khắp nơi gặp ai cũng hỏi: “Có thấy con tôi không?”” Vậy thì ông nên biết: “Án ái biệt ly khổ, oán ghét hội tụ khổ, đều không có hoan lạc cả”.

Ngày xưa trong thành có người mất mẹ già, có người mất cha già, có người mất anh chị em, hết thấy đều vô thường, họ thấy sự vô thường này sinh ra cuồng loạn chẳng biết phương hướng; cũng trong thành Xá Vệ, ngày xưa một Trưởng giả gả chồng cho con gái, hai vợ chồng con gái rất thương yêu hòa thuận, rồi người chồng làm ăn sa sút nghèo khó, ông bà Trưởng giả bàn luận định bắt con gái gả cho người khác, người chồng biết được việc ấy, nên nói với vợ “cả hai cùng chết”, rồi dùng dao bén đâm vợ và tự đâm vào bụng mình

mà chết. Nay Bà La Môn, xét vậy mà biết ân ái biệt ly, oán ghét hội tụ khổ, đây đều là buồn khổ chẳng thể nói hết được.

Bà la môn Trúc Bác thưa: “*Đúng vậy Thế Tôn! Có các thứ khổ nào này thật chẳng vui, Sa Môn Cù Đàm nói thật đúng như thế, con xin cảm tạ Thế Tôn, và xin kiếu từ*”.

Bà la môn liền đứng dậy vái chào, đi quanh Phật ba vòng, rồi đi đến chỗ Phu Nhân Mạt Lợi, tâm tình đầy đủ những lời Đức Phật đã nói.

Phu Nhân liền đến chỗ vua Ba Tư Nặc thưa:

“*Thiếp có chỗ muốn hỏi, mong Đại vương nghe rồi xin trả lời từng việc một, xin hỏi: “Đại vương có thương yêu vương tử Lưu Ly, vương tử Y La chăng?”*”

Vua đáp: “*Ta rất thương yêu các Vương tử*”.

Phu Nhân hỏi: “*Nếu các Vương tử bị chết đi, Đại vương có sầu khổ không?”*”

Vua trả lời: “*Đúng vậy, ta sẽ rất buồn khổ*”.

Phu Nhân nói: “*Như vậy ân ái biệt ly đều gây buồn khổ*”.

Phu Nhân lại hỏi: “*Đại vương có nhớ phu nhân Tát La Đà dòng Sát Lợi không?”*”

Vua đáp: “*Rất nhớ*”..

Phu Nhân lại hỏi: “*Giả thử phu nhân Tát La Đà có sự biến đổi Đại vương có lo không?”*”

Vua Trả lời: “*Ta rất sầu lo*”.

Phu Nhân nói: “*Hãy lấy thí dụ này mà biết ân ái biệt ly khổ, oán ghét hội họp khổ, đều là buồn lo chẳng thể vui được*”.

Rồi Phu Nhân lại hỏi tiếp: “*Đại vương có yêu quý nhân dân Ca Thi Câu Tát La không, giả thử trong nhân dân có biến đổi Đại vương có lo buồn không?*”

Vua nói: “*Ta rất yêu thương tất cả nhân dân, nếu có biến đổi thì mạng ta cũng chẳng còn, vì sao? Ta nhờ nhân dân mới được tồn tại, huống là chẳng lo buồn ư?*”

Phu Nhân nói: “*Lấy thí dụ mà biết ân ái biệt ly đều là lo buồn sâu khổ, không vui vẻ*”.

Lúc ấy vua Ba Tư Nặc qùy gối phải chắp tay hướng về phía đạo tràng Kỳ Hoàn mà nói: “*Thật kỳ lạ! Thật kỳ lạ! Thế Tôn nói pháp này, không phải pháp trước đây người ta nói tin nhầm, nên đã có sự hiểu lầm đáng tiếc xảy ra!*”

Bấy giờ Đức Phật nghe (bằng Thiên nhĩ) phu nhân Mạt Lợi cùng vua Ba Tư Nặc bàn luận, liền bảo các Tỳ Kheo: “*Phu nhân Mạt lợi rất thông minh, nếu Ta bàn luận cũng lấy nghĩa như thế nói cho Vua, giống như Phu Nhân đã nói không khác*”.

LỜI BÀN:

Xuyên qua câu chuyện, chúng ta thấy cùng là một sự việc nghe lời người đồn đãi, vua Ba Tư Nặc có ngay kết luận rằng lời Phật nói như thế là không phải, không thể chấp nhận được. Còn phu nhân Mạt Lợi lại khác, bà cho rằng nếu quả thật Đức Phật có nói như thế thì phải có lý do để nói, nên bà đã nói: “*Thiếp không nghe Thế Tôn dạy lời ấy, nhưng*

nếu Ngài có dạy như thế cũng chẳng phải lời hư dối”, Phu nhân đã đặt lòng tin tuyệt đối vào Đức Phật, vì sao? Vì từ bấy lâu bà đã từng nghe rất nhiều lần Đức Phật thuyết pháp, bà đã học hỏi được rất nhiều ở nơi Ngài và không hề thấy một lời nói nào sai trái cả. Bà đã có tín tâm kiên cố đối với Đức Phật, tức là lòng tin của bà đã có bằng chứng rõ ràng rồi, chứ không phải là lòng tin mù quáng không thể chứng minh. Khi thấy Vua chê bai, bà không phản ứng mà liền cử người đi gặp Đức Phật để hỏi cho rõ sự việc thực hư, khi đã biết chắc chắn sự việc rồi bà liền gặp Vua. Bà nói về nghĩa yêu thương chia ly khổ, oán ghét hội họp khổ không vui, để giải thích cho Vua một cách khéo léo làm cho Vua tỉnh ngộ, đó là việc làm của người trí tuệ vậy.

Toàn Không

Ban Biên Tập:

Vì không biết địa chỉ/email của tác giả Toàn Không (Bài Lòng Tin trang 119) và tác giả Kim Sơn (Bài Cơ chế kết hợp tư tưởng Tam giáo của Trịnh Tuệ trong Tam giáo nhất nguyên thuyết trang 130) nên chúng tôi không xin phép các tác giả được khi đăng phổ biến bài của quý vị này.

Chúng tôi xin quý tác giả nêu trên vui lòng thông cảm lượng thứ cho và xin quý đọc giả có biết địa chỉ của quý vị này, xin giúp gửi địa chỉ cho chúng tôi.

Thành thật cảm ơn

ĐỌC - CỖ ĐỘNG - YẾM TRỢ
TẬP SAN THẾ ĐẠO

(Tài liệu tham khảo - nghiên cứu)

Cơ chế kết hợp tư tưởng Tam giáo của Trịnh Tuệ trong “Tam giáo nhất nguyên thuyết”

([Nguyễn Kim Sơn](#) - February 10, 2017)

Tóm tắt:

Tam giáo đồng nguyên, Tam giáo hợp nhất, Tam giáo hòa đồng và cùng ảnh hưởng là khung cảnh chung của lịch sử tư tưởng Việt Nam, đó là điều đã được nhiều nhà nghiên cứu đề cập và tán thành. Tuy nhiên Tam giáo đã hội nhập và hòa đồng cùng nhau như thế nào? Chúng kết hợp với nhau theo cơ chế nào? Việc kết hợp đó có gì khác nhau ở các giai đoạn lịch sử và ở từng chủ thể tư tưởng, ở những người đứng ra làm công việc hội nhập Tam giáo? Thế kỷ XVIII có xuất hiện tác phẩm *Tam giáo nhất nguyên thuyết*, của Trịnh Tuệ. Đây là tác phẩm thể hiện khá tiêu biểu phương thức kết hợp Tam giáo thời kỳ này. Tác giả bài viết thông qua việc phân tích cơ chế kết hợp tư tưởng Tam giáo của Trịnh Tuệ trên các phương diện động cơ, mục tiêu, chỗ dựa kinh điển, tâm tính học ... để chỉ ra đặc điểm của việc hội nhập tam giáo thế kỷ XVIII nói riêng và của lịch sử tư tưởng Việt Nam nói chung. *Tam giáo nhất nguyên thuyết* được lựa chọn làm một nghiên cứu trường hợp.

Từ khóa: *Tam giáo; Tam giáo hợp nhất; Tam giáo đồng nguyên; Tâm tính học; thuyết thích văn bản.*

1. Văn bản và tác giả

*- Trong lịch sử tư tưởng Việt Nam nói chung và lịch sử

dung hợp tư tưởng Tam giáo ở Việt Nam nói riêng ***Tam giáo nhất nguyên thuyết của Trịnh Tuệ*** là một văn bản rất được các nhà nghiên cứu chú ý. Người ta chú ý tới nó vì nhiều lý do, nhưng chủ yếu là vì nó là văn bản thảo luận rất tập trung, tiêu biểu về một vấn đề tư tưởng. Tác giả của nó, một trạng nguyên Nho học, người có sức đại diện lớn cho tầng lớp nho sĩ đương thời. ***Tam giáo nhất nguyên thuyết*** là một văn bản chữ Hán, chép tay hiện lưu giữ ở Viện Nghiên cứu Hán Nôm với ký hiệu A1183 với 15 trang viết, đây là bản duy nhất không có dị bản nào khác. Tác giả của nó tự đề thời điểm biên soạn là năm Cảnh Hưng thứ 5 (1744). Dĩ nhiên bản chúng ta hiện được biết tới là một bản sao. Ngoài bản chữ Hán nêu trên, hiện chúng ta còn biết tới một bản dịch Hán sang Nôm do Phúc Điền Hòa thượng tiến hành dịch và in vào giữa thế kỷ XIX với tên văn bản là *Tam giáo nhất nguyên giải âm*. Bản dịch Nôm này được in năm Tự Đức thứ 18 và đóng chung cùng quyển với cuốn *Thái căn đàm*. Phúc Điền Hòa thượng đã diễn Nôm theo nội dung văn bản A1183, có lược bớt mấy dòng tự thuật cuối cùng và không dịch Nôm hai bài kệ. Các nội dung khác hầu như hoàn toàn trùng khít giữa hai phần chữ Hán.

Tam giáo nhất nguyên thuyết ghi lại việc Trịnh Tuệ nhân có các vị sư ở chùa gần đó sau khi hoàn thành việc đúc tượng Tam giáo, cho soạn bài văn tế để khánh thành các tượng, các vị này tới nhờ Trịnh Tuệ nhuận sắc cho bài văn tế đó. Trịnh Tuệ nhận lời và cùng ngồi bàn bạc, giảng giải cho các vị sư về Tam giáo. Tác giả bài thuyết đi từ việc tóm lược giáo nghĩa căn bản của Tam giáo, mục tiêu của Tam giáo, về ba nhân vật sáng giáo, việc tu dưỡng của các môn đồ Tam giáo... đi tới khẳng định Tam giáo vốn cùng một nguồn,

không gì mâu thuẫn. Các vị sư bày tỏ sự khâm phục và tán thành với các quan điểm của Trịnh Tuệ. Văn bản là một ghi chép tường thuật cuộc trò chuyện liền mạch, không chia thành chương mục.

Trịnh Tuệ, hiệu là Cúc Lâm cư sĩ, người xã Bất Quần, huyện Quảng Xương, Thanh Hóa, nay thuộc xã Trường Xuân, huyện Tĩnh Gia, Thanh Hóa. Các tài liệu còn lưu giữ cho biết ông sinh năm 1703 đỗ trạng nguyên khoa Bính Thìn niên hiệu Lê Vĩnh Hựu năm thứ 2 (1736). Ông thuộc dòng dõi của chúa Trịnh, cháu 5 đời của Triết Vương Trịnh Tùng. Đến đời cha ông gia cảnh sa sút, lưu lạc thôn quê, bằng con đường học vấn, khoa cử mà thành danh. Đương thời ông có tham chính và từng giữ một số chức vụ quan trọng trong phủ Chúa, sau vì dính líu với một số việc bè đảng nên bị biếm chức. Ông về quê dạy học. Tác phẩm *Tam giáo nhất nguyên thuyết* được ông viết tại quê nhà, với hoàn cảnh viết được trình bày rõ ràng sinh động trong phần đầu của bài thuyết.

Đây là lần đầu tiên, tư tưởng hội nhập Tam giáo được trình bày trực diện, tập trung từ góc độ lý luận. Trước đó có một vài tấm bia, và lẻ tẻ có vài văn bản đề cập tới vấn đề Tam giáo đồng nguyên, nhưng một văn bản có lập luận chặt chẽ đầy đủ thì đây là tư liệu đầu tiên trong lịch sử Việt Nam.

Đây cũng là một cứ liệu chắc chắn và tập trung để nghiên cứu về tư tưởng của Trịnh Tuệ nói riêng và tầng lớp sĩ phu đương thời nói chung, đặc biệt là thái độ ứng xử với Tam giáo. Chúng tôi chọn nghiên cứu tác phẩm này là một nghiên cứu trường hợp để tìm hiểu về tư tưởng Tam giáo hợp nhất thế kỷ XVIII nói chung.

2. Nhân vật và sự kiện trong văn bản

Mở đầu tác phẩm, tác giả kể lại một nguyên cố, một bối cảnh, rất sinh động, cụ thể: “*Nhĩ thời ngu tự kinh sư quy vu sở cư chi điền xá. Nhất nhật dữ môn nhân giảng Càn quái, chỉ Quân tử thể nhân chương, thích tiểu tử báo vân ‘hữu khách, hữu khách’, sử nhân thi chi, tắc khôi ngô nhị tam đại phu, thủ bồng phạm khoa dĩ viễn lai đãi giáo vi từ. Ngu diên chi tọa, khẩu kỳ sở tự. Viết: “Hồng Phúc tự sa môn tính Chúc, dữ đại chúng đặng, phụng chỉ trú Tam giáo thánh tượng, nghĩ soạn cung thỉnh lục khoa, tuyên hành phụng tụng. Thích văn tiên sinh thâm u Lý học, sử tâu sinh Hằng, Trung tử tự cầu yên hứa đại thủ bút, trùng gia nhuận sắc, thỉnh vô dĩ Thiên tông kiến ngoại khả hồ”. Ngu tiểu nhi duyệt chi, tắc chân ngôn nhất tu, thập hữu dư trương. Nhan viết “Cung thỉnh Tam giáo khoa”, ngu phủ nhiên hữu cảm...” (Trịnh Tuệ 1744: 1).*

(Khi ấy tôi từ kinh đô về ở nơi thôn quê. Một hôm đang giảng cho học trò nghe về quẻ Càn, chương Quân tử thể nhân, thì có tiểu tử vào báo rằng “có khách tới có khách tới”. Tôi sai người ra xem thì thấy vài ba vị trượng phu cao lớn, tay bồng khoa phạm¹ từ nơi xa đi lại xin lời chỉ giáo. Tôi mời ngồi, và hỏi về nguyên cố. Họ đáp: “Su cù chùa Hồng Phúc họ Chúc, cùng với chúng dân, phụng chỉ đúc các tượng Tam giáo, lại soạn bài văn cúng đề ca ngợi. Nghe nói tiên sinh là người Lý học thâm áo, sai chúng tôi là bon Hằng,

Trung đến xin ngài gia ân mà sửa chữa nhuận sắc cho, xin đừng cho Thiên tông là đạo khác”. Ta nghe thấy vui vẻ mà

1- Khoa phạm: Bài văn cúng

cầm xem, thấy đó là một cuộn viết những lời chân ngôn ² khoảng trên mười trang giấy, đề mục viết: “Bài văn cúng Tam giáo khoa”. Tôi bỗng nhiên cảm động...).

Trong đoạn văn có tính chất giới thiệu hoàn cảnh ở trên, chúng ta thấy nó nhắc tới một số sự kiện và nhân vật rất đáng chú ý. Bản thân sự xuất hiện và hành động của các nhân vật trong đó đã cho thấy nhiều thông tin hữu ích về phương diện tư tưởng.

Văn bản có nhắc tới một vài vị sư ở chùa Hồng Phúc “phụng chỉ”, tức vâng theo chiếu lệnh của triều đình đúc ba tượng. Điều này rất đáng lưu ý. Nó thể hiện một thái độ của lực lượng chính trị cao nhất. Trước đó, những người trong hoàng tộc, các bà hoàng hậu, cung phi tới chùa cầu cúng, lập tự... cũng nhiều, nhưng đó chưa phải là một thái độ chính thống. Tư tưởng khoan hòa Tam giáo như vậy là có từ lực lượng chính trị cao nhất.

Ông Trịnh Tuệ một trạng nguyên Nho học, người dòng dõi của phủ chúa lại viết văn bản Tam giáo nhất nguyên thuyết này, và nhiều nhà nho khác cũng không ngần ngại đứng ra làm công việc hợp nhất Tam giáo. Việc đúc ba pho tượng được giao cho nhà chùa, điều này hợp với việc tổ chức thờ tự. Chiếu chỉ giao cho nhà chùa chứ không giao cho đạo quán, hay giao cho các nhà Nho để đưa vào Văn miếu. Điều này dễ được chấp nhận nhất vì hệ thống thờ tự của chùa chiền khá cởi mở, độ dung nạp cao. Trong thực tế hệ thống

chùa chiền Việt Nam đã mở rộng để dung nạp thêm việc thờ mẫu và thờ cúng các thần bản địa. Trong khi việc đưa thờ

2- Chân ngôn: Những lời ngữ mật, hay thần chú.

phụng có dấu ấn Phật giáo hay Đạo giáo vào văn miếu hay văn từ văn chỉ là việc khó hơn nhiều. Nhà nho có thể lập tượng tam vị thánh tổ, nhưng đặt ở chùa hay đạo quán lại là hợp hơn.

Bài văn tế viết xong được đưa cho một ông trạng nguyên nho học để đọc duyệt, phủ chính, đó lại là một thái độ. Các nhà sư cũng tự thấy công việc lập ba pho tượng Tam thánh tổ và soạn văn tế cả ba. Bài văn tế này sẽ đọc trong dịp khánh thành ba pho tượng. Chúng ta không được biết tới nội dung của bài văn tế này một cách cụ thể, nhưng thông qua lời giới thiệu sơ lược của Trịnh Tuệ thì bài văn tế có nhắc tới những mật ngữ của Phật giáo. Có thể các sư đã không thật tự tin khi bài văn tế cũng có đề cập tới cả hai vị thánh đạo của Nho, Đạo mà vốn dĩ họ không quen cúng tế. Đó cũng chính là lý do mà họ cần tới ông trạng nguyên họ Trịnh đọc và cho ý kiến. Từ hành động đúc tượng, ông sư soạn văn tế thu tóm tư tưởng Tam giáo, đưa cho ông Nho đọc duyệt, ông nhà Nho đọc và nhân đó thuyết giảng về lẽ không phân chia của Tam giáo, những hành động đó cho thấy một khung cảnh giao hòa tư tưởng và **trong hành động thực tiễn** của những người thực hành các tôn giáo rất sống động, cụ thể. Nó không chỉ là hành động của một người mà có hệ thống.

Phúc Điền hòa thượng giữa thế kỷ XIX cho diễn Nôm và khắc in bài Tam giáo nhất nguyên thuyết của Trịnh Tuệ. Việc cho khắc in và diễn Nôm này thể hiện sự đồng tình và đánh giá cao của hòa thượng đối với bài thuyết giáo của Trịnh tiên sinh. Đồng thời cũng thể hiện ý tưởng muốn truyền bá rộng rãi thêm tư tưởng này trong giới tu hành Phật giáo và dân chúng. Nó chứng tỏ việc tiến hành hội nhập Tam

giáo các thế kỷ XVIII-XIX được thực hiện từ nhiều phía, cả Tăng lữ và Nho sĩ.³

Việc đề xướng Tam giáo hợp nhất, Tam giáo đồng nguyên, Tam giáo nhất nguyên không phải chỉ là đại diện của một giáo nào đứng ra làm việc này, mà trong Tam giáo đều có đại diện thảo luận và tán thành chủ trương lớn này. Nhiệm Kế Dũ cũng đã từng đưa ra quan điểm cho rằng, dung hợp Tam giáo là điểm quy kết cuối cùng của tư tưởng Trung Quốc (Nhiệm Kế Dũ 1996).

Trong Tam giáo nhất nguyên thuyết, Trịnh Tuệ đã tích hợp các yếu tố tư tưởng từ quá khứ lịch sử, có sự hội tụ tư tưởng từ rất nhiều nguồn, từ tư tưởng do các Phật gia cần hội nhập Tam giáo đề xuất, tới tư tưởng của Đạo sĩ, tư tưởng của tiên Nho, các đế vương, những chứng cứ trong kinh điển Nho gia... để cung cấp chứng lý cho việc khẳng định Tam giáo là hòa đồng, cùng dòng, là đồng quy, là quy nhất, là không mâu thuẫn. Bài viết có nhiều tầng thứ, nhiều lớp tư tưởng, nhiều chứng lý khác nhau được viện dẫn. Bài viết này bước đầu bóc tách các lý lẽ, phân chia các tầng tư tưởng, và cũng có thể nói là bước đầu làm công việc đọc và lý giải tư tưởng trong văn bản thuyết về lẽ Tam giáo nhất nguyên của Trịnh Tuệ.

Về từ ngữ được Trịnh Tuệ dùng trong nhan đề bài thuyết cũng đáng chú ý. Ông nói Tam giáo nhất nguyên, nhất nguyên hay 3- Bản diễn Nôm của Phúc Điền Hòa Thượng không diễn Nôm 2 bài kệ một của các vị sư và một của Trịnh Tuệ ca ngợi lẫn nhau. Việc đối chiếu bản diễn Nôm và nguyên bản Hán cũng có thể đem lại nhiều điều lý thú, tuy nhiên bài viết này chưa thể đề cập tới.

quy nhất hay hội nhập, hay tịnh hành, đỉnh lập, hợp nhất là những từ ngữ mà những người thảo luận về tương quan Tam giáo trong lịch sử đã từng dùng và chúng cũng có những sắc thái khác nhau. Tam giáo nhất nguyên, thể hiện đánh giá thiên về nguồn gốc, xét về mục tiêu, xét về đặc chất tư tưởng. Cách đặt tên cho văn bản cũng hoàn toàn thống nhất với tư tưởng được thể hiện. Trịnh Tuệ đã viện dẫn các lý lẽ, tư liệu, lập luận để chứng minh và thuyết phục người khác rằng Tam giáo là một dòng, một nguồn, không mâu thuẫn. Tuy nhiên, ngoài tinh thần chứng minh chúng cùng nguồn ra, người viết nhận thấy tư tưởng của văn bản cũng thể hiện tinh thần Tam giáo quy nhất, do đó trong quá trình phân tích, người viết có thể dùng cách nói này nhằm gọi tên chính xác tư tưởng của ông trong những trường hợp cụ thể.

3. Chứng minh Tam giáo đồng nguyên từ góc độ luân kiếp của người sáng giáo và sự duy trì một nguyên lý nhất quán

Trong *Tam giáo nhất nguyên thuyết*, Trịnh Tuệ đã dựa vào tư tưởng từng lưu truyền trong một số vị cao tăng rằng Nho, Lão vốn từ một nguồn Phật giáo mà ra, người sáng giáo của Nho và Đạo xét về góc độ tiền thân, tiền kiếp đều là những nhân vật giác ngộ quan trọng của Phật giáo:

[“Lão tử tiền thân Ca Diếp bồ tát, lũy thế thân tái đầu thai ở Huyền Diệu Ngọc nữ tại phúc trung bát thập nhất niên, chỉ Thương, Vũ Đinh Canh Thìn chi tuế nhị nguyệt thập ngũ nhật Mão thời dẫn sinh ở mẫu chi tả hiệp Quyết áp Khố huyện Khúc Nhân lý thụ hạ, tính Lý danh Nhĩ, tự Bá Dương, trụ thế cứu bách cửu thập lục niên. Thị vị Đạo chi tổ yên” (Trịnh Tuệ 1744: 6). “Tiền thân của Lão tử là bồ tát Ca Diếp,

trải qua hóa thân nhiều đời,“

Còn về tiền thân của Không tử:

[“Thánh sư Không tử danh Khâu, tự Trọng Ni, tiền thân vi Nho Đồng bồ tát, tái đầu thai u Đông Lỗ Khải thánh vương Thúc Lương Ngột, Nhan thị Trung Tại chi gia, dĩ Chu Linh vương Canh Tuất chi tuế thập nguyệt sơ tam nhật. Nhất vân thập nhất nguyệt sơ tứ nhật đản sinh u Lỗ Xương Bình chi Trâu ấp. Trụ thế thất thập tam niên, thị vi vạn thế Nho giáo chi tổ yên” (Trịnh Tuệ 1744: 7)].

Riêng Phật Thích Ca, tiền thân được nhắc tới là một vị tên gọi Hộ Minh Đại Sĩ ⁴, một nhân vật được nhắc tới trong Phật điển, là một trong các kiếp tu hành của Phật. Như vậy cả Lão tử và Không tử đều là hậu thân của hai nhân vật tu hành chứng quả vị bồ tát theo giáo lý Phật giáo và là môn đồ của Phật Thích Ca. Theo lý tưởng bồ tát của Phật giáo, bồ tát là người đã tu hành ngộ đạo, nhưng từ chối nhận quả vị Phật, tự nguyện gắn bó với trần thế để đem công đức của mình san sẻ cho chúng sinh, lấy tế nhân độ thế, làm cho tất cả chúng sinh đều giác ngộ và chứng quả cuối cùng làm lý tưởng. Và như vậy Lão tử và Không tử chẳng qua cũng chỉ là người tiếp tục thực hiện lý tưởng của Phật giáo nhưng bằng con đường và phương tiện khác mà thôi. Nho và Đạo cũng là không ngoài lý tưởng của Phật giáo. Họ có thấp hơn Phật Thích Ca một bậc nhưng cũng là một dòng một mối mà ra, và như vậy Tam giáo là đồng nguyên xét về tư cách người sáng giáo và mục đích sáng giáo của họ: Cứu nhân độ thế. Sự giải thích này cũng có nghĩa Lão tử và Không tử

4- Hộ Minh Đại Sĩ đầu thai từ cung Đâu Suất, là một hiện kiếp sau khi đã trải nhiều kiếp tu của Phật.

sinh ra ở đời, lập ra hai giáo, cũng chẳng qua chỉ là thực hiện tiếp việc khuyến dân hành thiện, theo thiện và tế độ theo các cách riêng mà thôi.

Ta có thể nhận thấy cách giải thích hoang đường về nguồn gốc xuất thân của hai vị sư tổ Nho, Đạo mà Trịnh Tuệ nêu ra là nhắc lại quan điểm Tam giáo đồng nguyên do các vị Phật học gia đề xuất⁵. Nó có từ khi Phật giáo đang tìm mọi cách tạo ảnh hưởng ở Trung Quốc giai đoạn Ngụy Tấn, Nam Bắc Triều. Cách hội nhập Tam giáo này lấy Phật giáo làm bản vị. Họ đem thuyết luân hồi của Phật giáo để giải thích về tiền kiếp của hai vị sư tổ Nho, Đạo. Chúng ta khó đánh giá được hiệu quả của chúng tới đâu, nhưng đối với người tu Phật thì quan điểm này không xa lạ, còn với môn đồ của hai giáo còn lại vốn không có quan niệm luân hồi, tiền kiếp thì điều đó cũng không có gì để kiểm chứng.

Trịnh Tuệ vừa lấy việc lý giải nguồn gốc xuất sinh của các vị tổ sư, kết hợp với việc tìm và đưa ra một điểm tư tưởng được xem là chung tiêu biểu nhất để chứng minh tính không mâu thuẫn, tính thống nhất của Tam giáo. Điểm quy nhất này theo như ông nói là “*sử nhân vi thiện*”, đây cũng được xem là điểm đồng quy của Tam giáo, mặc dù chúng là thù địch. Ông kế tục truyền thống tư tưởng của những người chủ trương Tam giáo hợp nhất của Trung Quốc, lấy một điểm có tính nguyên lý để quy nhất Tam giáo, lấy mục đích, lấy cứu cách để gạt đi mọi sự khác biệt về tư tưởng và phương pháp.

Ở đây, điểm quy nhất của Tam giáo cũng là ở chỗ công dụng

5- Cách giải thích về tiền thân tiền kiếp của các vị tổ Nho, Phật, Đạo được nói tới từ rất sớm, có thể thấy chúng được nhắc tới trong các tư liệu của Trung Quốc như...

xã hội, đạo đức xã hội và đạo đức cá nhân để kết nối, quy đồng. Với các kiến giải trên của Trịnh Tuệ về nguồn gốc các vị sáng giáo và lấy một nguyên lý tổng quát nhiếp thông làm căn cứ và chỗ dựa cho hội nhập Tam giáo, ta có thể thấy ông đã vận dụng các chất liệu tư tưởng, các quan niệm và chỗ dựa để hội nhập Tam giáo từ rất nhiều nguồn, từ nhiều góc độ để phục vụ cho lập luận của mình. Trong đó có tư tưởng hội nhập Tam giáo do Phật giáo, Đạo giáo và cả Nho giáo đề xuất. Trong văn bản của ông tích hợp lại nhiều tầng lớp tư tưởng, và ngưng tụ, trầm tích của rất nhiều yếu tố. Nó cũng có tính chất đối thoại siêu thời gian và không gian.

Việc coi các vị sáng giáo của Nho, Đạo là từ Phật giáo mà ra không có nghĩa Trịnh Tuệ cho rằng Phật giáo cao hơn tất cả, ở đây chỉ có ý nghĩa khẳng định sự đồng nguyên, cùng nguồn của Tam giáo. Nó triển khai phù hợp với giáo lý luân hồi luân kiếp của Phật giáo.

4. Sự cộng hưởng của các mô thức tư duy

Như trên đã trình bày, khi cố gắng chứng minh Tam giáo tuy là thù địch, nhưng đồng quy ở mục đích. Mục đích nhất quán này có thể xóa đi mọi khác biệt về phương thức tiến hành và công cụ thực hiện. Điều này có gốc từ tư duy của cả Tam giáo. Phật giáo coi đích chung cực cuối cùng là quan trọng nhất: Giải thoát. Mọi cách thức và công cụ để đạt tới giải thoát đều được nhìn nhận là công cụ là phương tiện. Giống như chiếc bè để chở người sang sông, sang được sông thì quên bè, được lưới quên cá. Vì vậy, nếu mục đích chung cực của Tam giáo là giống nhau, là quy nhất thì sự khác biệt của phương tiện không phải là sự khác biệt chân thực và hoàn toàn không phải là việc đáng quan tâm. Còn đối với Đạo gia

(sau là Đạo giáo), đặc ý vong ngôn cũng là loại tư duy quen thuộc. Còn đối với Nho gia, lý tính thực dụng là một mô thức tư duy quan trọng (Lý Trạch Hậu...). Nhà Nho cũng có thể lấy hiệu quả để phán xét cho toàn bộ quá trình.

Luân hồi quả báo, tích thiện nhiều kiếp cũng là một loại tư duy tiêu biểu của Phật giáo. Chính loại tư duy này đã sinh ra quan niệm cho rằng Tiền thân của Khổng tử và Lão tử đều là các vị bồ tát như vừa nêu ở trên. Mô thức tư duy này có thể làm xóa đi những khác biệt giữa những con người cụ thể, những thời điểm lịch sử khác nhau hình thành nên các tư tưởng gắn với người khởi xướng.

Mô thức tư duy thiên nhân của Nho gia cũng có ảnh hưởng rất lớn tới việc nhìn nhận về tương quan Tam giáo:

Trịnh Tuệ cho rằng: Sự phân chia đỉnh lập Tam giáo ⁶ (thể chân vạc) chẳng qua cũng là một việc *pháp thiên*, theo lẽ trời mà thôi. Ông nói: “*Tại Nho vi Tam tài, tại Phật vi Tam thể, tại Đạo vi Tam Thanh. Diệc do thiên chi hữu tam quang, đĩnh chi hữu tam túc khả tương hữu nhi bất khả tương vô dã*” (Trịnh Tuệ 1744: 2).

(Nho có Nhật nguyệt tinh; Phật có quá khứ, hiện tại và vị lai. Lão có Tượng thanh, trung thanh và hạ thanh. Trời cũng có tam quang, vạc có ba chân, chúng đều cùng dựa nhau tồn tại mà không thể không có nhau vậy).

6- Tư tưởng Tam giáo đỉnh lập, tức Tam giáo thành thể chân vạc, nương tựa bổ sung bình đẳng với nhau xuất hiện từ thời Ngụy Tấn trở về sau, từ khi Phật giáo và Đạo giáo mạnh lên, sánh cùng Nho giáo ở Trung Quốc.

Mô thức tư duy “tượng thiên”, “pháp thiên”, lấy thiên là chuẩn tắc, từ hình mẫu tự nhiên là suy ra, mà lấy làm chỗ dựa cho các vấn đề xã hội, tư tưởng, đạo đức. Hán Nho từng lấy trời cao đất thấp, dương tôn âm ty, để biện luận cho tính tuyệt đối vĩnh hằng của loại thiên lý tam cương. Việc cho rằng đĩnh có ba chân mới vững, tự nhiên có tam tài, tam quang, tam thanh, thì cũng phải có Tam giáo, cũng là mô thức thiên nhân. Ông cũng cho rằng Tam giáo đều có ba thứ hệ trọng là sự thể hiện từ trong nguyên lý cái thể chân vạc của Tam giáo. Đây là sự phát huy mô thức tư duy thiên nhân của chính Nho gia.

Sự tìm kiếm lấy một nhân tố để “nhất”, “nhất quán” cho tư tưởng của Tam giáo cũng là mô thức tư duy của cả Nho và Đạo. Khổng tử từng dạy học trò: “Ngô đạo nhất dĩ quán chi”. Tống Nho cho “*Lý nhất phân thù*” là loại tư duy như vậy. Còn Đạo gia, chủ trương vạn vật quy nhất, vạn vật nhất thể ở đạo, đạo vốn là Nhất như.

Cái “*nhất lý*” (điểm nguyên tắc nhất quán) này được nêu ra với ý chứng minh rằng, có một vấn đề thuộc về linh hồn, thuộc về bản chất của Tam giáo là tương thông với nhau chứ không phải tương thông về vấn đề hình thức, giống như Khổng tử từng nói về đạo của mình: “*Ngô đạo nhất dĩ quán chi*” vậy. Từng đạo có cái nhất quán của đạo mình, Tam giáo lại có một cái lý để quán thông cả ba đạo. Điều này khá dễ dàng để thuyết phục người đọc về mặt lý lẽ. Dĩ nhiên nếu tiềm sâu phân tích, tư tưởng của Tam giáo, người ta đều có thể nhận thấy tuy các giáo đều khuyên thiện, nhưng quan niệm về thiện, phương pháp thực hành, mục tiêu, và thậm chí là cả bản chất quan niệm về khuyên thiện của Tam giáo

là khác nhau. Trịnh Tuệ đã gạt bỏ mọi sự khác biệt đó để hướng tới một sự đồng nhất, và việc làm này có mục tiêu rõ ràng, cũng có thể ông thực tin là như vậy và bỏ qua mọi khác biệt.

Ngoài sự thể hiện của các mô thức tư duy như nêu ở trên, trong bài thuyết của mình, Trịnh Tuệ còn vận dụng mô thức *dĩ sử chứng kinh* vốn rất quen thuộc của Nhà Nho để luận bàn về sự đặc thât của các nhân vật lịch sử. Đối với nhà Nho đây là phần rất có sức thuyết phục, vì lẽ huyền vi không hư tịch tịch luân hồi quả báo của Phật giáo rất khó trắc lường, lẽ vi huyền của Đạo cũng khó kiểm chứng, nếu không có sự kiểm nghiệm của thực tế lịch sử, mọi điều không có gì đáng tin. Trịnh Tuệ nêu một loạt tấm gương lịch sử, chuyện họa phúc rõ ràng để chứng minh cho Tam giáo vốn không phải khác biệt. Phần này người viết sẽ đề cập trong một phần viết riêng ở sau.

Có thể thấy tác giả của *Tam giáo nhất nguyên thuyết* đã vận dụng tới nhiều mô thức tuy duy, bao gồm cả Phật, Nho, Đạo, nhưng quán xuyên nhất vẫn là các mô thức tư duy của nhà Nho. Đó cũng là điều dễ hiểu bởi nguồn gốc tri thức và môi trường rèn luyện tinh thần của Trịnh Tuệ vẫn là Nho học. Ông đâu có mở rộng khoảng nhìn ra Tam giáo, tìm cách chứng minh chúng vốn là một thì việc vận dụng tất cả kinh nghiệm và thói quen tư duy của nhà Nho cũng là điều dễ hiểu.

5. Tâm tính học, phương diện quan trọng nhất để quy nhất Tam giáo

Để chứng minh cho tính không mâu thuẫn, cao hơn nữa là

sự tương thông, sự nhất quán trong tư tưởng của Tam giáo, Trịnh Tuệ đi vào phân tích từ góc độ *Tâm tính học*, tức ở chiều sâu nhất của triết lý Tam giáo để thảo luận: Ông lấy *Đạo*, lấy *Lý*, tức giáo lý phổ biến, cũng là tư tưởng có tính nền tảng của cả Tam giáo làm nguyên tắc nền có tính trực tâm: Ông nói:

*“Phù thiên hạ chi Lý, duy kỳ thị nhi dĩ. Cái **tồn tâm dưỡng tính** nhi thôi vi kiến tập. Đại kinh di luận đại hóa giả Nho chi lý dã. **Minh tâm kiến tính** nhi chí ư phá độ chúng sinh, thoát ly khổ hải giả, Phật chi lý dã. **Tu tâm luyện tính** nhi chí ư siêu nhiên vật biểu quýnh xuất trần hoàn, Đạo chi lý dã”* (Trịnh Tuệ 1744: 2).

Về đoạn lập luận trên, Phúc Điền hòa thượng diễn Nôm rất chính xác rằng: *“Đạo giáo dẫu ba chỉ lý vốn một. Chung chỉ lý thiên hạ chỉ thấy phải mà chớ, tượng giữ ý nuôi tính, mà làm gây dựng đạo cả mỗi cao pháp lớn, ấy là đạo Nho vậy. Sáng lòng dạ, thấy chân tính mà chung khắp mọi loài ra ngoài bể khổ, ấy là đạo Phật vậy. Tu được tâm luyện được tính ấy mà đến chung vượt ra ngoài vật dục ý ra ngoài đời là đạo Lão vậy”* (Trịnh Tuệ 1744: 3).

Lý hay Đạo quán xuyên lấy là *tâm tính*, dẫu là *tồn tâm dưỡng tính*, hay *minh tâm kiến tính*, hoặc *tu tâm luyện tính* thì vẫn là *tâm tính*. Sự tồn tại là nơi tâm và đều có liên quan tới tiên thiên, nhân dục và tu dưỡng. Đạo nào giáo nào cũng là tu dưỡng thân tâm. Cách nhìn này khá có sức thuyết phục vì nó nhằm vào vấn đề hạt nhân tư tưởng của cả Tam giáo.

Trong cách nói trên của Trịnh Tuệ, nó tái hiện một cách vắn tắt lịch trình thâm nhập rất lâu dài trong lịch sử về giáo lý

của Tam giáo. Trong mỗi mệnh đề, *tồn tâm dưỡng tính* 存心养性 (Nho) hay *tu tâm luyện tính* 修心练性 (Đạo); *minh tâm kiến tính* 明心见性 (Phật), đều có ít nhiều sự bao hàm thâm thấu tư tưởng của các mệnh đề kia, chúng đều có khoảng giao thoa lẫn nhau. Ba cái đó khó có thể phân định rạch ròi, mặc dù chúng vốn dĩ là khác nhau cả về bản chất, khuynh hướng lẫn phương pháp tu dưỡng.

Chúng ta cần thiết phải điếm qua lịch trình hình thành quan điểm có tính cốt lõi trong cả triết học nhân sinh lẫn tu dưỡng luận này của Tam giáo để thấy được tại sao Trịnh Tuệ lại lấy nó làm căn cứ lý luận để khẳng định chúng là *nhất lý*. Trước hết cần khẳng định ngay rằng, *tâm tính luận* vốn là tư tưởng của Nho gia, được đề xuất từ thời Khổng tử và các nhà nho thuộc dòng chính thống Tăng-Tur-Mạnh. Tâm và Tính vốn được bàn luận riêng biệt, Mạnh tử là người thực hiện sự liên kết tư tưởng giữa hai phạm trù này. Ông lấy tính thiện ở trong tâm để giải thích về nhân (仁), lại lấy “thiện” với tư cách là thiên phú dự cho con người làm bản tính của con người và từ góc độ của tư tưởng thiên nhân hợp nhất, tiên thiên hậu thiên hợp nhất để bàn về tâm tính luận. Trong suốt lịch sử lâu dài ảnh hưởng, mức độ thể hiện có khác nhau như tâm tính luận của Nho gia vẫn luôn là đặc sắc và là cốt lõi tư tưởng của Nho học. Thời kỳ Ngụy Tấn, Nam Bắc triều đến Tùy Đường, quá trình hình thành tư tưởng Phật tính luận của Phật giáo chính là quá trình kết hợp của triết học Phật giáo với tâm tính luận Nho học. Đến thời Tống, Nhị Trình và Trương Tải chấn hưng và phát huy triệt để tâm tính luận. Trương Tải đề xuất “*đại kỳ tâm*” để “*hợp thiên tâm*”, mà “*đại kỳ tâm*” không gì khác chính là mở rộng bản tâm để “*tri tính*”, “*tri thiên*”. Nhị Trình quan niệm “*Tâm tức tính*”,

“*tính tức lý*”, nhấn mạnh các phương pháp *dưỡng tâm, cư kính, hàm dưỡng*. Đến Chu Hy thì lấy *Lý* làm gốc, dung hợp tư tưởng “*tâm thống tính tình*” của Trương Tải với “*tính tức lý*” của Nhị Trình để hình thành nên quan niệm về *thiên lý* của mình.

Thiên lý của Chu Hy không gì khác chính là tính tất yếu khách quan của nhu cầu chế ước điều tiết thế giới tinh thần theo chuẩn mực bất di bất dịch của đạo đức. Đạo đức ấy là chí thiện có sẵn, là tiên thiên, tồn tâm dưỡng tính là một thực tiễn đạo đức nhằm giữ gìn thiên tính chí thiện và phát huy nó đầy đủ sung mãn trong thực tế. Tu dưỡng luận hay Tâm tính học của Nho gia là quá trình biết chính trị và đạo đức thành những bản thể, bản thể đó được xem là có sẵn trong tâm, nó là tiên thiên. Người ta cần hướng nội tu dưỡng, tìm kiếm mọi điều tốt đẹp của đạo đức của xã hội từ chính tâm nội tại của mình. Nó là thực tiễn đạo đức, thực tiễn chính trị những được đẩy tới độ siêu việt nội tại mang tính tôn giáo. Mô thức này của Nho gia có ảnh hưởng lớn tới Phật giáo về phương diện đường hướng để hình thành tu dưỡng luận của tôn giáo này và khiến chúng mang màu sắc Trung Quốc cũng tức quá trình Trung Quốc hóa Phật giáo. Các quan niệm về Phật tính, về việc quy hồi tâm tính để chứng ngộ... là sự ảnh hưởng giao thoa giữa tâm tính học Nho gia và Phật tính luận Phật giáo.

Lấy Tâm Tính luận làm giáo lý quán xuyên liên kết, coi Tam giáo không phải là khác từ trong đạo tu dưỡng, từ trong tâm tính trong triết lý nhân sinh, trong nhận thức luận không phải Trịnh Tuệ là người đầu tiên. Nhiều nhân vật đại diện cho giới tu hành của cả Nho, Phật, Đạo cũng như các đế

vương Trung Quốc đã nói tới ⁷ . Tam giáo đều có tu dưỡng luận. Do mục đích tu dưỡng khác nhau nên phương pháp tu dưỡng của Tam giáo vốn khác nhau. Tuy khác nhau nhưng nó lại đều là hoạt động điều chỉnh tinh thần, là đối đãi với nhân dục, điều chỉnh hành vi, sử dụng vật điều luyện thể giới tinh thần. Cái đó được gọi tên là *Tâm tính học*. Tâm tính học vốn chỉ là phạm vi của thuyết tu dưỡng Nho gia. Nhưng khi Phật giáo du nhập vào Trung Quốc, nó dần được Trung Quốc hóa và rất nhiều thuật ngữ của Nho gia được Phật giáo dùng để diễn đạt giáo lý của mình cho phù hợp với nhận thức của người Trung Quốc. Còn Đạo gia, muốn hay không muốn trong lịch sử dung hợp cũng đã chia sẻ nhiều vấn đề của Nho giáo. Nhìn về hình thức Tam giáo đều có vẻ giống nhau ở hai chữ Tâm tính, thậm chí còn giống ở chỗ *làm chủ và tác động tu dưỡng chủ thể tới tâm tính*, nhưng nếu phân tích kỹ đương nhiên chúng là khác nhau.

7- Từ góc độ lấy Đạo giáo làm bản vị, thời kỳ Nguyên-Minh có xuất hiện tác phẩm *Tính mệnh khuê chỉ* (性命圭旨), Quyển I “*Nhân Đạo thuyết*” có viết: “*Yếu nhi ngôn chi, vô phi thử tính mệnh chi đạo dã. Nho viết **Tồn tâm dưỡng tính**. Đạo viết: **Tu tâm luyện tính**. Thích viết: **Minh tâm kiến tính**. Tâm tính giả, bản thể dã*”. Gần thời với Trịnh Tuệ nhất, hoàng đế Ung chính năm 1731 đã ban bố một đạo dụ khẳng định: “*Vực trung hữu Tam giáo, viết Nho, viết Thích, viết Đạo, Nho giáo bản hồ thánh nhân, vị sinh dân lập mệnh nãi trị thế chi đại kinh đại pháp, nhi Thích thị chiminh tâm kiến tính, Đạo gia chi luyện khí ngưng thần, diệc vu ngã Nho, **Tồn tâm dưỡng khí** cái chi bất bội, thả kỳ giáo giai vu khuyến nhân vi thiện, giới nhân vi ác, diệc hữu bổ vu trị hóa*” (Long hồ sơn chí. Quyển 1)

Trịnh Tuệ lấy mục tiêu hướng thiện, trừ ác, phòng phạm nhân tâm, đều tác động ngăn chặn nhân dục để làm *lý nhất quán* thông suốt và loại bỏ sự khác biệt giữa tâm tính học của Tam giáo. Đây là cuộc tìm kiếm chỗ dựa cho sự dung hợp ở tầng giáo lý, ở tu dưỡng luận, khâu đặc biệt quan trọng trong triết giáo của Tam giáo. Điều này khá dễ dàng thuyết phục người nghe, nếu như người ta hoặc là không thấu đáo về giáo lý cả ba, hoặc là dễ dàng chấp nhận lấy mục tiêu nhất quán để loại trừ khác biệt về phương pháp và quá trình. Thao tác này đã từng được các nhà Nho cũng như Phật gia Trung Quốc trong lịch sử áp dụng. Các nhà Lý học đời Tống trong cách tư duy triết học và sự ứng đối trong việc thu thập tinh hoa các dòng tư tưởng khác cũng đã từng áp dụng mô thức này. Lấy việc đồng nhất mục đích để loại bỏ sự khác biệt về phương tiện cũng là mô thức lý tính thực dụng vốn có trong tư duy của Nho gia mà chúng tôi đã đề cập ở phần trên.

6. Đồng quy nhi thù đồ, lấy mục đích chung cục, cứu cánh để loại bỏ khác biệt.

Thao tác quen thuộc và phổ biến nhất trong việc kiến tạo cơ sở tư tưởng cho Tam giáo đồng nguyên, Tam giáo hợp nhất, hay Tam giáo quy nhất chính là tư tưởng đồng quy nhi thù đồ, lấy cứu cánh, mục tiêu chung cục để cho rằng Tam giáo là quy nhất.

Tiếp ngay sau khi thuật lại nguồn gốc của cả ba vị thánh tổ như đã đề cập ở phần trên, Trịnh Tuệ cho rằng: “*Cố tự giáo nhi ngôn, kỳ biệt vi tam, dĩ Lý nhi ngôn, kỳ quy tắc Nhất. Nhất giải hà? Viết sử nhân vi thiện nhi dĩ*” (Trịnh Tuệ 1744: 8). (Cho nên, từ giáo phái mà nói thì chúng phân biệt ra làm

ba, nhưng về *Lý* mà nói, thì chúng quy về *Một*, một đó là gì? Rằng khiến người làm theo điều thiện mà thôi).

Mục tiêu chung cục đó là: Hướng thiện, quy thiện, giáo thiện. Mục đích tu dưỡng của Tam giáo đương nhiên là ở một chữ *Thiện*, hay *thiện tâm*. Điều này có vẻ dễ được chấp nhận nhất, vì Nho gia vốn chủ trương *nhân tính bản thiện*, Phật giáo cũng chủ trương *khuyến thiện trừ ác*. Đạo gia cũng chủ trương khuyến thiện, quả dục, trừ tham. Đây chính là lấy mục tiêu đạo đức, tác dụng xã hội mục tiêu xã hội để quy đồng Tam giáo.

“*Cái Nho chi lễ nhạc hình chính, phòng phạm nhân tâm, sử nhân thiên thiện nhi cảm phi. Thích hồi nhi tăng mỹ kỳ hiển dã. Phật chi thanh tịnh từ tâm, liễu trừ nghiệp chướng, tế nhân lợi vật, đồng chứng bồ đề, tặc vi chi hữu vi giả dã. Nho chi điển đôn, tự luân duy trì thế giáo, sử nhân phản bạc chi nhi quy hậu, khử bạo nhi hưng nhân, kỳ trước dã. Đạo chi tẩy địch trần lao, trừ tham dục siêu phàm nhập thánh cộng một thiên duyên tặc huyền chi hựu huyền giả dã.*” (Trịnh Tuệ 1744: 3).

“*Có tự giáo nhi ngộ kỳ việt tam, dĩ lý nhi ngôn kỳ quy tắc nhất, nhất giả hà viết: Xử nhân vi thiện nhi dĩ*” (Trịnh Tuệ 1744: 8).

7. Lấy chỗ dựa từ kinh điển

Trịnh Tuệ tìm kiếm những nội dung trong kinh điển của Tam giáo để luận chứng rằng, trong kinh điển của Tam giáo vốn hàm chứa những nguyên lý cho sự hội nhập Tam giáo, ở đó có những tư tưởng chung, rằng các vị sáng giáo của ba giáo cũng chưa hề có phê phán lẫn nhau, việc phê phán quả là sai

lâm của hậu thế mà thôi. Kinh điển vốn thiêng liêng và vốn có sức thuyết phục với người tu hành của cả Tam giáo, vì thế quan điểm này của tác giả tỏ ra có sức thuyết phục và là khâu quan trọng của việc biện luận hội nhập Tam giáo.

Trịnh Tuệ lập luận:

“Đại học chi truyện viết: Minh minh đức, thân dân, chỉ u chí thiện. Phật kinh viết Kim cương Bát nhã ba la mật, viết Bồ đề viết Bồ tát đóa, viết Ma ha tát, viết Ma ha tát. Kỳ hữu bội trì hồ.

Mạnh tử viết: Quân tử thân nhân, nhi nhân dân. Nhân dân nhi di vật, hữu viết: Quân tử chi u cầm thú dã, văn kỳ thanh bất nhĩn thực kỳ nhục. Đạo kinh tắc viết: Côn trùng thảo mộc do bất khả thương, hữu giới phù điền huyết phúc sào, thương thại phát noãn xạ trực tấu, phát chấp kinh thê kỳ ý hữu thù lệ hồ?” (...)

Đoạn trên chứng minh kinh điển của Tam giáo đều khuyến thiện trừng ác, sửa đức chấn dân, thân nhân ái vật. Phật giáo phổ độ chúng sinh, đạo giáo chủ trương không làm phương hại tới công trùng thảo mộc... Vẫn là việc dẫn dụ kinh điển chứng minh cho việc Tam giáo quy hồi nhân tâm hướng thiện đã trình bày ở trên.

Trịnh Tuệ dẫn dụ kinh Dịch, cho rằng Dịch của Nho gia đã chủ trương khuyến thiện trừng ác:

“Dịch viết: Tích thiện chi gia, tất hữu dư khương. Tích bất thiện chi gia, tất hữu dư ương” (Trịnh Tuệ 1744: 8).

(Kinh Dịch có nói: Nhà làm điềm thiện, ắt điềm lành có thừa. Làm điều bất thiện, tất có thừa tai ương).

Còn trong kinh Phật đã lưu ý dạy người hiểu để trung tín:

“Địa Tạng lễ Phật nhi mẫu thoát trầm luân. Mục Liên cứu mẫu hoạch sinh Tịnh độ. Tha như Báo ân, Niết bàn đẳng kinh, giai dĩ từ nhân trung hiểu, hiểu thuận phụ mẫu vi ngôn, nhị vị chi bất trung bất hiểu khả hồ. Thiên địa chi gia, duy cảm ứng vị thậm tốc” (Trịnh Tuệ 1744: 8).

(Đức Địa Tạng lễ Phật mà mẹ khỏi trầm luân....)

Trịnh Tuệ cũng giải thích lại, phê phán những chỗ hiểu sai, dẫn sai kinh điển, trong đó nổi bật nhất là mệnh đề: *“Công hồ dị đoan, tư hại dã dĩ”* trong sách Luận ngữ:

“Phù Khổng tử chi xích dị đoan ⁸, tịch tà thuyết dã, phi dĩ Phật vi dị đoan dã. Mạnh tử chi cự Dương Mặc phóng dâm từ dã, phi dĩ Phật vi dị đoan dã. Dĩ Khổng thánh Mạnh hiền nhi vật văn phi báng” (Trịnh Tuệ 1744: 12).

(Không tử bài xích dị đoan, phê phán tà thuyết, dị đoan đó

8- Nguyên văn lời Không tử trong thiên *Vi Chính*, sách *Luận ngữ* là *“Công hồ dị đoan, tư hại dã dĩ (攻乎异端, 斯害也已)”*, câu này với tất cả tính lịch sử và logic của nó thì dị đoan ở đây không phải là các học phái khác, và cũng không phải phải dịch là: *“Cần công kích loại trừ các học phái khác vì chúng rất có hại”*, mà nên hiểu theo nghĩa diễn dịch là *“không nên dồn tâm trí, sức lực vào những nội dung, những tri thức không phục vụ cho việc học tâm tính đạo đức, cần chuyên tâm nhất trí, nếu không thì sẽ không có lợi cho việc học”*. Thời Không tử, các học phái đã bắt đầu hình thành, nhưng chưa có cục thế cạnh tranh như thời Chiến Quốc. Việc giải thích *Công hồ dị đoan*, dị đoan chỉ các học phái khác là việc của hậu Nho cố ý giải thích khác.

không phải nhằm vào Phật giáo. Mạnh tử chống những lời buông không chính đính của Dương Mặc, cũng không phải cho Phật là dị đoan. Chưa từng nghe Khổng Mạnh có phỉ báng Phật vậy).

Về phương diện Khổng Mạnh chưa từng phê phán Phật giáo, chưa từng coi Phật giáo là dị đoan thì điều đó là hoàn toàn đúng, vì thời Khổng tử và cả thời Mạnh tử Phật giáo còn chưa truyền vào Trung Quốc, các vị đại Nho đó còn chưa biết tới một đối thủ tư tưởng cực lớn sẽ làm thay đổi cả Nho gia và đời sống tinh thần Trung Quốc mấy thế kỷ về sau. Tuy nhiên cũng cần hiểu ý Khổng Mạnh phê phán dị đoan tà thuyết tức đứng trên quan điểm cho chỉ Nho gia mới là chính đạo, tất cả mọi khác không phải Nho gia đều là dị đoan. Sự khai thác chỗ dựa rằng Trong kinh điển Khổng Mạnh chưa từng phê phán Phật vừa là một cố gắng tìm kiếm chỗ dựa tư tưởng để loại trừ quan niệm về sự khác biệt giữa Tam giáo, bài xích Phật giáo, nhưng phần quan trọng nữa cũng cho thấy, đối tượng để biện luận, đối thoại và nhằm điều chỉnh phần quan trọng nhất chính là Nhà Nho. Trong lịch sử phê Phật chủ yếu cũng là xuất phát từ Nho gia, từ dẫn chứng lịch sử các nhân vật cũng như cách dẫn tư liệu, tìm chỗ dựa và bằng chứng, đối thoại với nhà Nho vẫn được xem là đối tượng chính của phát ngôn này.

8. Dĩ sử chứng lý, bình luận về đặc thất ở các nhân vật lịch sử

Như trên đã đề cập, “*dĩ sử chứng kinh*” là một mô thức tư duy của nhà nho. Căn cội sâu xa của nó chính là việc trọng kinh nghiệm, trọng thực tiễn, chỉ có gì tai nghe mắt thấy, trải nghiệm được mới đáng tin cậy. Để chứng minh cho sự đúng

dẫn, cho những chân lý của thánh hiền trong kinh điển, nhà nho lấy những dẫn chứng lịch sử, sự được thua, đắc thất, vinh nhục của nhân vật lịch sử, sự thành bại của những sự kiện, việc làm... để chứng minh cho kinh điển. Trịnh Tuệ đã vận dụng cách làm này của Nho gia, nhưng không phải để chứng minh cho kinh điển nào mà là để chứng minh cho các luận điểm của mình về sự không mâu thuẫn của Tam giáo.

Trước hết Trịnh Tuệ dẫn việc Đại Tạng lễ Phật mà mẹ thoát khỏi trầm luân. Đức Mục Liên cứu mẹ mà sinh cõi tịnh. Những nhân vật này được dẫn để chứng minh Phật giáo cũng có nói tới đức trung đức hiếu. Hiếu của Nho gia nhưng cũng là việc quan trọng làm nên nhân quả báo ứng. Ông dùng phương pháp sử luận, sử bình để đánh giá về các nhân vật lịch sử. Việc bình và việc luận này nhằm chứng cho lẽ nhân quả báo ứng, cùng chứng minh cho tính chân lý cùng lưu hành không mâu thuẫn của Tam giáo, gồm “*từ bi bất sát giã*”, của Phật giáo, “*thanh tịnh vô vi giã*”, của Đạo giáo, “*cùng lý cách vật*” của Nho gia. Về nhân vật lịch sử Lương Vũ đế, ông nói:

“Thả từ bi bất sát giã, Phật chi giáo dã giáo dã. Lương Vũ soán Tề xâm Ngụy, tranh địa hưng binh. Nhị thập vạn nhân táng ư Hoài Hà chi nhất yển, kỳ thương tàn nhân mệnh thậm hỹ. Đài thành chi nhục kỳ năng vọng Phật cứu hộ? Nhiên bát thập lục tuế chi hưởng linh, diệc do ư bình nhất chi nhất tiểu thiện nhân nhĩ” (Trịnh Tuệ 1744: 9).

(Giáo lý của nhà Phật từ bi bất sát. Lương Vũ Đế chiếm Tề, xâm Ngụy, tranh đất hưng binh, chôn người một đồng hai mươi vạn nơi Hoài Hà, làm thương tàn mệnh người quá lắm. Cái nhục lớn xảy nơi Đài thành mà còn mong Phật cứu

được chăng? Nhưng sống thọ 86 tuổi có thừa, đó cũng là do thường nhật có chút thiện nhân tích lũy vậy).

Còn về Tống Huy Tông: *“Thanh tịnh vô vi giả, Đạo chi giáo dã. Huy Tông cùng đồ cực dục tuấn vũ điều tường, tứ hải cửu châu bì ư Cán sơn chi nhất trúc, kỳ cùng nhiều chúng sinh thậm hỷ. Mạc Bắc chi nhục kỳ năng đắc Đạo chi trợ hồ, nhiên Nam độ cận tôn chi nhất mạch, diệc do nang thời chi nhất điểm thiện tâm hỷ”* (Trịnh Tuệ 1744: 9).

(Giáo lý của Đạo trọng thanh tịnh vô vi. Vua Huy Tông đòi Tống cùng đường xa xỉ hoang dục, nhà cao tường vẽ, bốn biển chín châu lao khổ đắp núi Cán sơn, cùng nhiều chúng sinh hết mực. Khi bị nhục ở Mạc Bắc so còn có thể mong Lão tử trợ giúp. Nhưng việc xây chôn Nam độ cũng là do thừa trước có chút thiện tâm).

Các nhân vật lịch sử như Sở Vương Anh, cũng được dẫn làm minh chứng cho trường hợp hủy báng Phật sau lại quy y Phật. Hàn Dũ từng viết văn chỉ trích đạo Phật, sau quy y Phật mà suốt đời vẫn không hổ là bậc danh Nho...

9. Phê phán quan điểm lấy phân biệt Hoa-Di để bài Phật

Vấn đề Hoa-Di (Di-Hạ) trong tranh luận về quan hệ Nho-Phật, thái độ bài Phật là một vấn đề lớn trong lịch sử tương quan Tam giáo. Trong việc bài xích Phật giáo, phân quan trọng chưa phải ở giáo lý, ở tư tưởng mà vì một sự kỳ thị văn hóa, tức quan điểm Hoa-Di vốn tồn tại rất nặng nề trong văn hóa tư tưởng Trung Quốc. Sự kỳ thị này là chỗ dựa tinh thần, chỗ dựa tâm lý và văn hóa để những người bài xích Phật giáo khai thác, khuếch đại. Giai đoạn Tống mạt-Tề sơ, từng diễn ra trào lưu bài xích Phật giáo rất mạnh mẽ mà vấn

đề tranh luận và tư tưởng trung tâm lại chính là vấn đề Hoa-Di. Trong các tranh biện này, đương nhiên, Nho, Đạo văn hóa bản địa được nhìn nhận là đại diện cho văn hóa Hoa Hạ, còn Phật giáo ngoại lai Tây truyền liệt vào văn hóa Di Địch, bị xem thường bài bác...

Dấu hiệu của các đại diện Nho, Đạo khai thác đề bài xích Phật giáo chính là nguồn gốc xa xôi ngoài Trung Quốc (cứ ngoài Trung Quốc đã bị coi là man di); thứ nữa là sự khác biệt về chữ viết, tiếng nói, ngôn ngữ dùng để soạn kinh điển. Các tiếng nói và chữ viết khác người Hán đều bị nhìn nhận là Di.

“Bỉ Tu Di sơn túc, hữ tứ thiên hạ kỳ nhất viết: Đông Thắng Thần châu, kỳ nhị viết: Tây Ngưu Hóa châu, kỳ tam viết Nam Thiệm Bộ Châu, kỳ tứ viết: Bắc Câu Lư châu, cộng thử sa bà thế giới. Tây thiên chi cương vực dữ Chấn Đán chi đề phong, giai tại Mân Quế Càn Khôn chi nội. Nhật Nguyệt đồng chi chiếu lâm, sơn xuyên đồng kỳ lưu trì, hướng Tây Trúc chi cảnh, vô đồng vô hạ, bất nhiệt bất hàn, đắc thiên hạ trung hòa chi chính khí. Tích Tấn tăng Pháp Hiển, tự Trường An nhi tây, lục niên thủy chí Phật độ, kiến kinh thư giới luật tăng chúng uy nghiêm, chiêm hân mộ y, nguyện lai thế thử thân vật phục thụ sinh biên địa. Dĩ nhược tư ngôn, thực vi Trung Quốc, thực vi Di Địch hồ?” (Trịnh Tuệ 1744: 11).

(Dưới chân núi Tu Di có bốn thiên hạ, thứ nhất có tên là Đông Thắng Thần châu; thứ nhì có tên là Tây Ngưu Hóa châu; thứ ba có tên là Nam Thiệm Bộ châu; thứ tư là Bắc Câu Lư châu, gộp lại là cả Sa bà thế giới, cùng là cương vực của Tây Thiên, cùng với nước Chấn Đán, đều là trong

khoảng trời đất cả. Lại cũng đều là trong khoảng càn khôn Mân Quế được mặt trăng mặt trời cùng soi chiếu, cùng một dòng sông mạch núi cả, hưởng hồ cõi Tây Trúc không phân mùa đông mùa hạ không nóng không lạnh, được chính khí của trung hòa trời đất. Xưa tăng Pháp Hiển⁹ đời nhà Tấn từ Trường An mà đi về phía Tây, mất 6 năm mới tới được Phật quốc, thấy kinh thư giới luật, tăng chúng uy nghiêm, bèn mừng vui khôn xiết, nguyện kiếp sau không tái sinh ở đất biên viễn (chỉ Tràng An Trung Quốc). Theo những lời này thì đâu là Trung Quốc, đâu là Di Địch đây?).

9- **Sư Pháp Hiển** người Vũ Dương, họ Cung. Năm Kỷ Hợi niên hiệu Hoằng Thủy nhà Tấn, sư cùng bạn đồng học đi về phía Tây tới nước Phật, sáu năm mới tới nơi. Sư lưu lại học tập kinh luật và tiếng Phạn. Khi trở về cũng phải mất 3 năm mới tới Tràng An. Sau sư tu ở chùa Đạo Tràng, dịch kinh, luật, sau tịch ở chùa Tân thuộc Kinh Châu, hưởng thọ 86 tuổi.

Trạng nguyên TRỊNH TUỆ

Trịnh Tuệ (nhiều sách gọi là Trịnh Huệ, tên hiệu là Cúc Lam; 1701–?) là trạng nguyên trong lịch sử Việt Nam. Ông quê ở Biện Thượng (nay thuộc xã Vĩnh Hùng, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa), trú quán tại xã Bất Quần (nay là xã Quảng Thịnh, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa). Ông đỗ trạng nguyên khoa Bính Thìn – Vĩnh Hựu 2 (tức năm 1736), đời Lê Ý Tông. Ông là trạng nguyên cuối cùng của lịch sử khoa cử Nho giáo Việt Nam. Ông từng làm Tham tụng, Thượng thư bộ Hình, Quốc tử giám tế tửu (hiệu trưởng). Khi mất được phong Hữu thị lang

<http://trinhtoc.com/trang-nguyen-trinh-tue.html>

Đoạn nghị luận trên, Trịnh Tuệ dựa vào các tài liệu cổ thư tịch ghi chép địa lý của Trung Quốc và ngôn luận của các đại sư Trung Quốc để phê phán quan điểm của người Trung Quốc cho rằng Trung Quốc là Trung Nguyên, là Hoa hạ trung tâm của trời đất là văn minh còn bốn phương là Di Địch. Nếu dịch chuyển góc nhìn, lấy trung tâm Phật giáo Ấn Độ làm trung tâm thì Trung Quốc cũng chỉ là biên viễn man di về văn hóa Phật giáo. Trịnh Tuệ phê phán quan điểm địa lý và kỳ thị văn hóa để bài xích Phật giáo, một xu hướng đã từng tồn tại và ảnh hưởng khá mạnh tại Trung Quốc từ khoảng Ngụy Tấn cho tới tận Đường Tống.

“Nhuộc phù! thanh âm tự nghĩa chi kỳ, tác do phong khí thổ địa chi sử nhiên. Cái tứ phương chi âm hữu tự hầu thiệt, xỉ thiệt, hữu tự trần thiệt ngạc thiệt, cố kỳ đại tiểu thanh cao hạ phản thiết bất dung nhất thể tương tự hướng kinh văn chú ngữ nãi Phật dữ Phật thuyết, phi phạm nhân chi sở năng giải” (Trịnh Tuệ 1744: 12).

(Phạm là, thanh âm nghĩa của từ ngữ khác nhau, đều do thủy thổ phong khí khác nhau mà tạo nên vậy. Tiếng nói của bốn phương có âm họng lưỡi, âm răng lưỡi, âm.

Như trên đã trình bày, trong lịch sử tư tưởng Trung Quốc, đã từng diễn ra những làn sóng bài xích Phật xuất phát từ tư tưởng kỳ thị văn hóa và tôn giáo. Người Trung Quốc vốn coi mình là Hoa Hạ, mọi chữ viết, tiếng nói khác Hoa Hạ (Hán) đều là man di. Trịnh Tuệ chứng minh sự khác biệt tiếng nói và chữ viết không thể là căn cứ để coi Phật giáo là thuộc văn hóa Man Di được.

10. “Phật bản Nho hề Đạo diệt Nho” phán ngôn cuối cùng về hội nhập Tam giáo

Sau một chuỗi các lập luận, tác giả coi như việc thảo luận đã xong, ông dùng hai bài kệ một của những người tu hành tới xin chỉ giáo và một của chính tác giả. Hai bài kệ này có tính chất yết hậu, nêu những quan điểm có tính chất tổng quát, xuyên suốt những vấn đề đã trình bày. Chúng ta xét kỹ hai bài kệ này:

“Ngu thuyết thử ngữ dĩ, khách văn kỳ ngôn, nhân ngâm nhất kệ vân: (Ta nói xong những lời đó, khách nghe xong, nhân đó ngâm bài kệ rằng):

Điều điều sách mã việt trường đồ,

Nhĩ hướng văn phong khẩu đại nho.

Nhất tịch diện đàm thiên cổ áo,

Đại phu tín thị bất phạm phu.

(Từ xa xôi cuối ngựa vượt đường dài,

Tới gần đình văn chương khẩu kiến bậc đại Nho.

Cùng chiếu ngồi bàn đàm thiên áo ngàn xưa,

Bậc đại phu quả thực khác kẻ phạm phu).

Bài kệ này tỏ ý ca ngợi Trịnh Tuệ là bậc hiểu được một cách sâu sắc thấu triệt Tam giáo, khắc hẳn kẻ phạm phu (tức những kẻ chỉ theo giáo nào biết giáo đó). Bài này cũng thể hiện cách đánh giá khá cởi mở của những người tu Thiên đối với nhà Nho. Tuy nhiên đáng chú ý nhất chính là ở bài họa lại của Trịnh Tuệ. Ngoài ý thù tạc, xướng họa, nó còn thể hiện ngắn gọn và tập trung nhất tư tưởng về Tam giáo hợp nhất của ông:

“Ngu hựu tục ngâm nhất kệ vân:

Thùy vân Tam giáo hữu thù đồ,

Phật bản Nho hệ Đạo diệc Nho.

Tựu chính ký quân cầu ý đốc,

Quyữ dư thiên kiến nhất dung phu”

(Ai bảo rằng Tam giáo là ba đường khác nhau,

Phật vốn là Nho, Đạo cũng Nho.

Ghi nhớ ý các anh dốc lòng đến cầu lẽ chính đĩnh,

Thẹn nỗi ta chỉ là kẻ phàm phu hiểu biết nông cạn).

“*Phật bản Nho hệ, Đạo diệc Nho*”, là điều mà ông không cần giấu diếm, không cần úp mở. Tam giáo quy nhất nhưng thực chất là quy nhất ở nơi Nho giáo. Phật vốn là Nho mà Đạo cũng là Nho thôi. Ông mở rộng tầm nhìn, đi lệch ra ngoài quỹ đạo chính thống của Nho giáo, nhưng ông vẫn là người lấy Nho học làm bản vị để thảo luận, để quy nhất Tam giáo. Đây là quan điểm của riêng Trịnh Tuệ, nhưng nhìn rộng thêm tư tưởng của nhiều sĩ phu khác ta cũng thấy điểm tương đồng, nó là xu hướng lớn của thời đại. Thế kỷ XVIII, nhà Nho chủ động đứng ra làm cuộc hội nhập tư tưởng. Nó cho thấy một sự lựa chọn mới, một điều chỉnh trong tư tưởng của nhà Nho. Nó là một cách để tăng cường sức ảnh hưởng và chế ước nhân tâm của Nho giáo trong thời loạn. Nó cũng là một xu thế của quá trình tìm kiếm mô thức tư tưởng phù hợp nhất với văn hóa và tinh thần Việt Nam.

Khác với thời kỳ Lý-Trần, hội nhập Tam giáo lấy Phật giáo làm bản vị và được thực hiện bởi các nhà sư, thế kỷ XVIII, các nhà Nho chủ động đứng ra làm cuộc hội nhập và họ đã lấy Nho học làm bản vị để thực hiện sự dung hợp tư tưởng, “*khu Thích dĩ nhập Nho, khu Đạo dĩ nhập Nho*”.

11. Lời kết

Bài *Thuyết* tuy nói “Tam giáo nhất nguyên”, nhưng thực chất và quán xuyết trong nội dung không chỉ là việc chứng minh vấn đề nguồn gốc chung của Tam giáo, mà nó thể hiện tư tưởng “Tam giáo hợp nhất”, một tư tưởng khá được nhiều người hưởng ứng giai đoạn thế kỷ XVIII.

Việc chứng minh Tam giáo không mâu thuẫn, Tam giáo cùng một nguồn, Tam giáo đồng quy, Tam giáo hội thông... của ông về mặt triết học, mặt logic có nhiều điểm gượng gạo và mâu thuẫn. Ba dòng tôn giáo và tư tưởng trong Tam giáo có những nguồn gốc hình thành, mục tiêu và bản chất rất khác nhau. Trong con mắt của người nghiên cứu hiện đại, chúng ta không khó chỉ ra những điểm lập luận thiếu thuyết phục và không căn cứ xác đáng của quá trình lập luận về Tam giáo nhất nguyên của Trịnh Tuệ. Tuy nhiên, việc hội nhập Tam giáo của Trịnh Tuệ lại cho chúng ta thấy nhiều vấn đề của tư tưởng thời đại của ông. Quan sát thêm tư tưởng của Lê Quý Đôn (thể hiện tập trung trong thiên *Thiên dật* sách *Kiến văn tiểu lục*), tư tưởng Ngô Thì Sĩ, Ngô Thì Nhậm và của nhiều người khác, chúng ta thấy hội nhập Tam giáo là một dòng lớn của tư tưởng thế kỷ XVIII.

Trong một bài thuyết ngắn gọn, Trịnh Tuệ đã thực hiện một cuộc đối thoại tư tưởng. Cuộc đối thoại này xuyên không gian và thời gian. Trong đó ta thấy ông đối thoại với những tư tưởng lớn có liên quan tới tương quan Tam giáo trong lịch sử Trung Quốc, từ việc bài xích dị đoan thời Khổng Mạnh cho tới các xu hướng hội nhập Tam giáo xuất phát từ các chủ thể khác nhau trong Tam giáo ở các thời kỳ Ngụy Tấn, Tùy Đường, Tống Nguyên Minh và thấy cả tư tưởng

đời Thanh. Cuộc đối thoại này cũng hướng tới chính những người đồng đạo của ông-các nhà Nho. Có thể xem đây là cuộc phản tỉnh tư tưởng. Quan điểm chính của ông là nhà Nho không nên hẹp hòi, không nên bài xích Phật Đạo. Ông phê phán sai lầm trong thái độ của Nhà Nho với Phật Đạo, chứ không phải ông rời xa tư tưởng Nho gia. Ông vẫn là nhà nho, nhưng với tư tưởng đó đương nhiên ông không còn là một nhà nho thuần khiết và chính thống theo quan điểm cả Khổng Mạnh và Trình Chu. Trình Tuệ đã vận dụng cả vốn văn hóa, tư tưởng, cả thói quen tư duy và phương pháp của nhà nho trong sử học, triết học, tâm tính học để thực hiện việc hội nhập

Đây là một văn bản thể hiện việc hội nhập Tam giáo từ góc độ lý luận một cách có hệ thống và trực diện nhất trong lịch sử tư tưởng Việt Nam.

(Bài viết hoàn thành năm 2011, sửa chữa và đăng trên tạp chí Khoa học Xã hội và Nhân văn, trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn tháng 12 năm 2016.)

Tài liệu trích dẫn

Lý Trạch Hậu. *Lý tính thực dụng dữ lạc cảm văn hóa.* Bắc Kinh: Tam liên thư điểm.

Nhiệm Kế Dũ. 1996. *Trung Quốc triết học sử.* Bắc Kinh: Nhân dân xuất bản xã. Bắc Kinh.

Trình Tuệ. 1744. Tam giáo nhất nguyên thuyết. Bản chữ Hán chép tay hiện lưu giữ ở Viện Nghiên cứu Hán Nôm với ký hiệu A1183.

HẾT

THIÊN THỨ BẢY DÂNG TAM BỬU

Trời đất tạo nên vạn vật hữu hình đều do ba thể: Vật thể, Khí thể và Thần thể. Ba thể được gọi là Tam bửu 三寶 (Ba báu).

Trời có Tam bửu là *Nhật* 日, *Nguyệt* 月, *Tinh* 星. Đất có Tam bửu là *Thủy* 水, *Hỏa* 火, *Phong* 風. Người có Tam bửu là *Tinh* 精, *Khí* 氣, *Thần* 神.

Tam bửu Tinh, Khí, Thần là ba món báu tạo nên tinh thần, thể xác của con người.

TINH: Là một chất nước rất tinh anh của nhục thể. Nhờ có tinh, con người mới có sức lực, tạo ra nòi giống, và nhứt là người tu nếu biết bảo tinh thì có thể tạo ra đệ nhị xác thân hay tượng hình Linh thể đắc Đạo.

Vật thực như ngũ cốc, hoa quả nuôi sống con người bằng cách sinh tinh hóa huyết. Nếu vì tư tưởng dục tình, tinh bị trót lọt ra ngoài theo dòng thuận chuyển để nảy sinh nòi giống; còn nếu tinh chưa bị dục niệm thì là phần trong sạch gọi là ngưng tinh, người tu sẽ luyện tinh này theo nghịch chuyển để hóa ra khí rồi hiệp với thần mà ngưng kết thành nhị xác thân.

Nói cách khác, tinh là hình hài, thể xác của con người được tượng trưng bằng hoa.

KHÍ: Là chất sinh để bảo tồn sự sống, gọi là sinh khí, cũng là nguồn sinh lực của con người. Nguyên khí này nếu ở ngoài là thanh khí, thuộc khí tiên thiên từ khí hư vô của Trời

đất, qua sự hô hấp, đi vào phổi để lưu thông huyết mạch, nên khí này bị nhiễm lấy vật chất xác phàm mà hóa ra trọc khí, hay khí hậu thiên. Hễ khí này mạnh thì thân thể cường tráng, hễ khí yếu thì thân thể suy nhược.

Khí là Chơn thần của con người, được tượng trưng bằng rượu.

THẦN: Là phần chủ tể của con người, là điểm linh của Trời phú cho mà Đạo Cao Đài gọi là Tiểu linh quang hay Thiên tánh. Thần cũng là phần rất thiêng liêng, cai quản phần trí não, là linh hồn của con người mà bên Phật gọi Bản lai diện mục, Chơn như Phật tánh. Thần thường ở tại mắt (Thần cư tại nhãn), chính vì thế mà người tu luyện cao thâm, đôi mắt rất tinh anh và sáng quắc.

Thần là Chơn linh của con người được tượng trưng bằng trà.

Theo Đạo học, Tinh của hậu thiên nhờ khí tiên thiên đủ mà sinh tinh, bởi khí có thể hóa thủy. Khí tiên thiên nhờ Tinh hậu thiên thịnh mà dưỡng khí, bởi tinh có thể hóa khí. Thần hậu thiên nhờ khí tiên thiên sung mà nuôi thần, bởi khí tiên thiên có thể hóa thần. Như vậy, người tu phải bảo tinh, dưỡng khí, và tôn thần.

Tóm lại, người tu hành muốn được siêu phàm nhập Thánh thì phải biết luyện Tinh hóa Khí, luyện Khí hóa Thần, luyện Thần huân hư, tức là luyện ba báu đó hiệp lại làm một điểm linh quang rồi hiệp một với khối Đại linh quang của Tạo Hóa mà đắc Đạo.

Người luyện Đạo phải ăn chay để tinh huyết trong sạch, như lời Đức Chí Tôn đã giải thích: “*Mỗi kẻ phàm dưới thế này*

đều có hai xác thân, một phàm gọi là Corporel, còn một thiêng liêng gọi là Spirituel, mà cái thiêng liêng đó do cái xác phàm mà ra, nên gọi là bán hữu hình vì nó có thể thấy đặng. Cái xác vô hình huyền diệu thiêng liêng ấy do nơi Tinh Khí Thần mà luyện thành, nó nhẹ nhàng hơn không khí, nơi xác phàm xuất ra thì lấy hình ảnh của xác phàm như khuôn in rập.

Còn khi đắc Đạo mà có Tinh Khí không có Thần thì không thể nhập mà hằng sống đặng. Còn có Thần mà không có Tinh Khí thì khó huồn đặng nhị xác thân. Vậy ba món báu ấy phải hiệp mới đặng. Nó vẫn là chất tức hiệp với không khí Tiên thiên, mà trong khí Tiên thiên thì hằng có điện quang. Cái Chơn thần buộc phải tinh tấn, trong sạch mới nhẹ nhàng hơn không khí, ra khỏi ngoài Càn khôn đặng, nó phải có bốn nguyên chỉ Thánh, chỉ Tiên, chỉ Phật mới xuất Thánh Tiên Phật đặng. Phải có một thân phàm tinh khiết mới xuất chơn thần tinh khiết. Nếu các con còn ăn mặn luyện Đạo, rũi có ắn chứng thì làm sao giải tán cho đặng, rũi bị huồn thì đến khi đắc Đạo cái trược khí ấy vẫn còn, mà trược khí thì lại là vật chất tiếp điện thì chưa ra khỏi lần không khí đã bị sét đánh tiêu diệt. Còn như biết khôn ắn nấp tại thế, mà làm một bậc nhơn Tiên thì kiếp đọa trần cũng chưa mãn. Vậy Thầy buộc các con trường trai mới luyện Đạo đặng”.

I/ NGUỒN GỐC BA BÀI KINH DÂNG TAM BỬU

II/ Ý NGHĨA DÂNG TAM BỬU

III/ KINH VẤN

IV/ VIẾT RA HÁN TỰ

V/ CHÚ THÍCH

VI/ GIẢI NGHĨA

I/ NGUỒN GỐC BA BÀI KINH DÂNG TAM BỮU:

Những năm đầu của nền Đại Đạo, ba bài Dâng Tam bửu được Đức Chí Tôn chỉ dạy ba vị Lê Văn Trung, Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc qua thỉnh nơi Quan phủ Ngô Văn Chiêu về tụng niệm.

Ba bài Dâng Tam Bửu cũ (trước năm 1929) là do Quan Phủ Ngô văn Chiêu trao cho, xin được chép ra như sau:

DÂNG TIÊN HOA

*Hoa tươi năm sắc, sắc thiên nhiên,
Đầu cúi xin dâng lễ kính thiêng.
Cảm đức Cao Đài lòng đoái tưởng,
Tì bi cứu thế giáng đàn tiên.*

DÂNG TIÊN TỬU

*Tửu vị hương hê, tửu vị hương,
Khẩu đầu cung hiến chước hồ tương.
Cao Đài hứng cảnh nhàn quan nhã,
Đệ tử cung trần mỹ vị hương.*

DÂNG TIÊN TRÀ

*Đông thổ thanh trà mỹ vị hương,
Khẩu đầu cung hiến chước hồ trường.
Cao Đài hứng cảnh nhàn quan nhã,*

Đệ tử cung trần mỹ vị hương.

Ba bài Dâng Tam bửu hiện nay trong quyển “Kinh Thiên Thế Đạo” do Hội Thánh Cao Đài Tòa Thánh Tây Ninh xuất bản, nguồn gốc từ Đức Hộ Pháp chỉ định Ngài Bảo Văn Pháp Quân Cao Quỳnh Diêu đặt ra, rồi dâng lên Bát Nương Diêu Trì Cung nhờ chỉnh văn lại. Đến ngày 17-06-Canh ngọ (DL 12-07-1930), Ngài Đâu sư Thượng Trung Nhật ban hành ba bài Dâng Tam bửu này cùng với quyển “Nghị Tiết Đại Đàn Tiểu Đàn tại Tòa Thánh và Thánh Thất các nơi”. Ba bài kinh dâng Tam bửu này được Hội Thánh chỉ định dùng để thài dâng Hoa, Rượu, Trà khi cúng Chí Tôn và Phật Mẫu từ lúc ban hành cho đến nay (Xem phần kinh văn).

II/ Ý NGHĨA DÂNG TAM BỬU:

Đức Hộ Pháp có dạy: “*Trong một thời cúng, Bàn đạo đã căn dặn nhiều phen trọng hệ hơn hết, là khi dâng Tam bửu, dầu cho tinh thần suốt buổi cúng có nhiều lúc lo ra đi nữa, đến khi dâng Tam bửu, khuyên cả thầy **định thân đặng mật niệm**, dâng Tam bửu trọng hệ cho Chí Tôn*”.

Dâng Tam bửu là một bí pháp trong thời Tam Kỳ Phổ Độ nhằm nhắc nhở người tu phải biết *bảo tinh, dưỡng khí, tôn thần* để sao cho tinh khí thần hiệp nhưt mà đắc Đạo vậy.

Bảo tinh: Gìn giữ và nuôi dưỡng đệ nhưt xác thân cho được tinh khiết, nghĩa là phải tuyệt dục, và phải ăn chay. Trong Đại Thừa Chơn Giáo, Thầy có giảng về sự ăn chay như sau: “*Sự ăn chay là bỏ cho Tiên thiên, còn ăn mặn lại bỏ cho Hậu thiên. Các con nếu ăn mặn mà luyện Đạo thì chơn thần bị khí Hậu thiên làm nhưt bấn nặng nề mà khó thể xuất ra cho*

khởi vùng trung giới được”

Dưỡng khí: Khí là đệ nhị xác thân, tức là trí não hay phách của chúng ta. Khí rất cần thiết cho cơ thể, sự sống, cho tinh thần và nghị lực của con người. Muốn nuôi dưỡng khí thì phải biết cách luyện tập để khí Âm dương lưu hành khắp ngũ tạng lục phủ con người. Luyện khí đúng cách sẽ làm cho người ta khoẻ mạnh, tinh thần sáng suốt, minh mẫn, nghị lực dồi dào, và nhất là đạt được một thần lực hay một năng lực huyền diệu mà một người thường không thể có được.

Tồn thần: Hay định thần là rèn luyện cho tâm hồn tỉnh thức, an ổn và tiêu trừ hết mọi thất tình lục dục, không để cho ngoại vật chi phối, rồi sau đó thu nhiếp tư tưởng vào một đối tượng không cho tán loạn. Khi tâm vắng lặng, các phiền não dần dần lắng xuống, làm lóng sạch cái tâm vọng tưởng của mình được sáng tỏ mạnh mẽ quán chiếu nhìn thấy sự vật như thật. Thần có định mới phát sinh trí tuệ, minh tâm kiến tánh, phá trừ được vô minh mê hoặc.

Ngoài ra, dâng Tam bửu còn được thể hiện tinh thần **phụng sự vạn linh** bằng lời nguyện dâng trọn cả thể xác, chơn thân và linh hồn cho Đức Chí Tôn để làm tội tớ cho vạn linh, như lời của Đức Hộ Pháp đã dạy: *“Đức Chí Tôn biểu chúng ta không phải là chúng ta, mà chúng ta không phải là chúng ta thì quả kiếp ấy không phải là của chúng ta, tức nhiên ta đã đoạt cơ giải thoát”*.

Khi thuyết về Hành pháp mỗi khi vô cúng Đàn, Đức Hộ Pháp có giải thích như sau: *“Đang khi dâng bông, cả thầy hình thể con cái của Chí Tôn tức là Thánh thể của Ngài, tru*

hết xác Thánh đó dâng cho Ngài đặng Ngài làm phương cứu thế. Đó là dâng bông.

Tới dâng rượu, cả thầy, khi dứt câu kinh, nín lặng hết, Bàn Đạo vận dụng trí não tinh thần, đem đức tin của cả thầy dâng vào Bát Quái Đài.

Tới dâng trà, là dâng cả linh hồn cho Chí Tôn. Bàn Đạo để cả tinh thần trụ lại, đem linh hồn của con cái Chí Tôn dâng cho Ngài”.

Về cách cầu nguyện khi dâng Tam bửu cúng Đức Chí Tôn và Phật Mẫu, Đức Hộ Pháp cũng có dạy như sau:

- Khi thài **Dâng Hoa** thì ta cầu nguyện: “*Con xin dâng mảnh hình hài của con cho Chí Tôn dùng phương nào thì dùng*”.

- Khi thài **Dâng Rượu** thì ta cầu nguyện: “*Con xin dâng cả trí thức tinh thần của con cho Chí Tôn dùng phương nào thì dùng*”.

- Khi thài **Dâng Trà** thì ta cầu nguyện: “*Con xin dâng cả linh hồn con cho Chí Tôn dùng phương nào thì dùng*”.

Ở câu này, ta có thể gộp chung nguyện một lần như vậy: “***Cả Linh hồn, Cả Trí não, cả Hình hài, Thầy đào tạo, đó là của Thầy thì do quyền hành độc đoán của Thầy định***”.

III/ KINH VẤN

1.- BÀI DÂNG HOA

*Từ bi giá ngự rạng môn thiên,
Đệ tử mừng nay hữu huệ duyên.*

Năm sắc hoa tươi xin kính lễ,
Cúi mong Thượng Đế rưới Ân Thiên.

2.- BÀI DÂNG RƯỢU

Thiên Ân huệ chiếu giáng thiên minh,
Thành kính trường xuân chúc tửu quỳnh.
Lạc hứng **khẩu cung** giai miễn lễ,
Thoát tai bá tánh ngưỡng **Ân sinh**.

3.- BÀI DÂNG TRÀ

Mai xuân nguyệt cúc vị trà hương,
Kính lễ thành tâm hiến bửu tương.
Ngưỡng vọng **Từ Bi** gia tế phước,
Khai minh **Đại Đạo** hộ thanh lương.

IV/ VIẾT RA HÁN TỰ:

(二) 獻 仙 酒

天 恩 惠 照 降 禪 明
誠 敬 長 春 酌 酒 瓊
樂 興 叩 躬 皆 勉 禮
脫 災 百 姓 仰 恩 生

三) 獻 仙 茶

梅 春 月 菊 味 茶 香

敬 禮 誠 心 獻 寶 漿

仰望慈悲加濟福

開明大道護清平

V/ CHÚ THÍCH

1.-BÀI DÂNG HOA:

Bài Dâng Hoa này được viết bằng thể chữ Nôm, nên chúng tôi không viết ra Hán tự hết bài được, chỉ viết những từ Hán Việt khi chú thích mà thôi

Từ bi giá ngự rạng môn thiên,

Từ bi 慈悲: Lòng từ bi.

Từ bi là lòng thương yêu, lo lắng mong giúp đỡ cho chúng sanh được an lành và cứu vớt chúng sanh ra khỏi tai ương khổ não. Lòng từ bi phải là một chân tâm, xuất phát từ lòng trắc ẩn thành thật, không vụ lợi, không phân biệt thân sơ hay sang hèn. Từ bi là một thứ tình thương đem đến niềm an vui cho kẻ khác. Người có từ tâm, thì lúc nào cũng muốn tạo và dâng hiến sự an lành, hạnh phúc cho kẻ khác, còn người có lòng từ bi thì bao giờ cũng mong xoa dịu hay làm vơi bớt những nỗi khổ đau của kẻ khác.

Ban cho điều sung sướng, cứu giúp sự khổ não, mà làm sao ta tự không thấy mình là người ban ơn, người là kẻ thọ ơn, như thế mới thực là lòng từ bi.

Chữ **Từ bi** ở đây là chỉ Đức Chí Tôn.

Giá ngự 駕御: Hay Ngự giá, nghĩa bóng là xe vua đến một nơi nào. Xe của vua gọi là xa giá, vua đi gọi là ngự. Theo nghĩa ở đây, ý chỉ Đức Chí Tôn ngự xuống phàm.

Trong Thánh ngôn hiệp tuyển có bài thi như sau:

Hảo Nam bang! Hảo Nam bang!

好南邦！好南邦！

Tiểu quốc tảo khai hội Niết Bàn.

小國早開會涅槃

Hạnh ngộ Cao Đài truyền Đại Đạo,

幸遇高臺傳大道

Hảo phùng Ngọc Đế ngự trần gian.

好逢玉帝御塵間

Rạng: Sáng rực, làm cho sáng.

Môn thiên: Hay thiên môn 禪門: Cửa thiên, chỉ nơi chùa chiền của Phật, nghĩa bóng là cửa Phật, nơi tu học các pháp môn của Đạo Phật.

Ở đây mượn từ thiên môn để chỉ nơi thờ tự Đấng Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma, tức là Đền Thánh hay Thánh Thất.

Từ bi giá ngự rạng môn thiên: Đức Chí Tôn giáng xuống phàm trần, tỏa sáng ngời ngời Thánh Thất.

Đệ tử mừng nay hữu huệ duyên.

Đệ tử 弟子: Là học trò. Đây là một từ đặc biệt trong Đạo Cao Đài, lời tự xưng của các tín đồ đối với Đức Chí Tôn. Bởi Ngài thường giáng cơ tự xưng là Thầy, gọi chư tín đồ là môn đệ hay đệ tử.

Hữu 有: Có.

Huệ 惠: Ân, ơn huệ.

Duyên 緣: Nhân duyên, nguyên nhân, noi theo.

Hữu huệ duyên 有惠緣: Có được cái duyên hưởng ân huệ.

Đệ tử mừng nay hữu huệ duyên: Đệ tử ngày nay vui mừng được may duyên hưởng ân huệ của Thầy ban cho.

Gặp được thời Tam Kỳ Phổ Độ, Chí Tôn giáng cơ khai nền Đại Đạo mở ra một thời kỳ đại ân xá cho toàn vạn linh là một duyên may rất lớn đối với chúng sanh. Thánh giáo Đức Lý Đại Tiên Trưởng có dạy: “*Mở một mối Đạo chẳng phải là thường tình, mà sanh nhằm đời đặng gặp mối Đạo cũng chẳng phải dễ*”.

Trong Thánh thi cũng có câu:

Hạnh ngộ Cao Đài truyền Đại Đạo,

幸遇高臺傳大道

Hảo phùng Ngọc Đế ngự trần gian.

好逢玉帝御塵間

Nghĩa là:

May mắn gặp được Cao Đài truyền nền Đại Đạo,

Duyên lành gặp lúc Ngọc Đế ngự xuống trần gian.

Sở dĩ chúng ta được hưởng cái duyên lành (tức có duyên phần) là do kết quả của việc làm đạo đức từ kiếp trước. Do vậy, kiếp này ta cũng lo tạo lập công đức để dành cho kiếp lai sinh. Thánh giáo Chí Tôn dạy: “*Thầy vì đức háo sinh, nên chẳng kể bực Chí Tôn cầm quyền thế giới, đến lập Đại Đạo Tam Kỳ trong lúc hạ nguon này mà vớt sinh linh khỏi vòng*

khổ hải. Ai biết Đạo tức là có **duyên phân**, ai vô Đạo tức là số chịu hình khổ luân hồi”.

Năm sắc hoa tươi xin kính lễ

Năm sắc hoa tươi: Hoa tươi tốt gồm đủ năm màu.

Năm sắc hay ngũ sắc hoa là năm màu bông gồm trắng, xanh, đen, đỏ, vàng, ứng với ngũ hành, ngũ khí, ngũ tạng và ngũ quan.

NGŨ HÀNH NGŨ TẠNG NGŨ QUAN

Trắng: Kim	Phế (phổi)	Tỷ (mũi)
Xanh: Mộc	Can (gan)	Mục (mắt)
Đen: Thủy	Thận (thận)	Nhĩ (tai)
Đỏ: Hỏa	Tâm (tim)	Thiệt (lưỡi)
Vàng: Thổ	Tỳ (lá lách)	Khẩu (miệng)

Kính lễ: Hay kính lễ 敬禮: Kính cẩn dâng lễ.

Năm sắc hoa tươi xin kính lễ: Kính cẩn dâng lên năm màu hoa tươi tốt.

Dâng Tam bửu là dâng bông, rượu, trà tượng trưng cho Tinh, Khí, Thần là ba báu của người tu hành cần phải gìn giữ, bởi lẽ muốn đắc đạo phải bảo Tinh, dưỡng Khí và tôn Thần, rồi phải luyện Tinh hóa Khí, luyện Khí hóa Thần, luyện Thần hườn hư. Hay nói cách khác, luyện Tinh, Khí, Thần hợp nhứt và quy về kim đánh mà Đạo học gọi là luyện cho Tam huê tụ đánh là thành Đạo.

Như ta biết bình hoa thuộc Dương, đĩa quả thuộc Âm và

mượn việc dưng bông ngũ sắc tương quan với ngũ khí hay ngũ hành nhằm thể hiện lễ bí nhiệm của Âm Dương và Ngũ Hành vận chuyển và tác động lẫn nhau một cách linh động, tinh vi để vạn vật được sinh hóa, muôn loài được tồn tại, khí hậu bốn mùa được điều hòa, thảo mộc tươi tốt, đơm hoa kết quả.

Ngoài ra, khi cúng Chí Tôn, dưng bông năm màu cũng được thể việc luyện Tam bửu sao cho Ngũ khí triều nguyên, Tam huê tụ đánh thì đắc đạo, tức là biến con người phàm phu thành con người siêu việt, hay biến người thành Trời thì đắc Đạo.

Cúi mong Thượng Đế rưới Ân Thiên

Thượng Đế 上帝: Tức là Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, mà Đạo Cao Đài gọi là Đức Chí Tôn.

Khi cúng tại Điện thờ Phật Mẫu, thì từ “**Thượng Đế**” thay bằng từ “**Phật Mẫu**”, câu kinh đó sẽ đọc như sau:

Cúi xin Phật Mẫu rưới ân Thiên.

Cúi mong Thượng Đế rưới Ân Thiên: *Cúi xin Đức Chí Tôn chan rưới ơn Thiêng liêng.*

2.-BÀI DÂNG RƯỢU:

Thiên Ân huệ chiếu giáng thiền minh

天恩惠照降禅明

Thiên Ân 天恩: Ôn Trời. Đây chỉ Ôn Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế.

Ôn Trời hay ơn TẠO HÓA, tức là ơn của Đấng sinh hóa ra Càn

Khôn Vũ Trụ và vạn vật. Đấng Tạo Hóa ấy là Đấng toàn tri, toàn năng, vô thủy, vô chung, biến hóa không cùng, nên mới sinh ra muôn loài, vạn vật. Thánh giáo Đức Chí Tôn có dạy: “*Nếu không có Thầy thì không có chi trong Càn Khôn Thế Giới*”. Ngoài việc sinh hóa ra, Đấng Tạo Hóa còn nuôi dưỡng, giáo hóa chúng sanh. Vì vậy, công ơn của Trời đất xét ra thì vô cùng vô tận, không thể nào nghĩ bàn cho thấu đặng. Do vậy, người tu hành cần phải hiểu rõ nguồn ân đức đó mới có thể gần Đạo được: “*Vật hữu bản末, sự hữu chung thủy, tri sở tiền hậu, tắc cận Đạo hĩ* 物有本末, 事有終始, 知所前後, 則近道矣”: *Vật có gốc ngọn, việc có trước sau, nếu mình biết được gốc ngọn trước sau thì gần Đạo vậy.*

Huệ chiếu 惠照: Ôn huệ soi rọi xuống.

Giáng 降: Xuống, như giáng hạ: Giáng xuống.

Thiền minh 禪明: Cửa Thiền hay cửa Chùa sáng rực. Đây chỉ ngôi Thánh Thất của Đạo Cao Đài.

Thiên Ân huệ chiếu giáng thiền minh 天恩惠照降禪明: *Ôn huệ của đức Chí Tôn soi sáng ngôi ngôi Thánh Thất.*

Thành kính trường xuân chúc tửu quỳnh.

誠敬長春酌酒瓊

Thành kính: Hay thành kính 誠敬, là lòng thành thật kính trọng.

Trường xuân 長春: Xuân lâu dài, xuân mãi mãi, vì thế người ta dùng chữ Trường xuân để chỉ Trời đất, đây ý chỉ Đức Chí Tôn. Trường xuân còn có nghĩa là cảnh Thần Tiên, vì bốn mùa đều là mùa xuân luôn.

Chước 酌: Mời rượu, rót rượu, uống rượu.

Tửu 酒: Rượu.

Quỳnh 瓊: Một thứ ngọc đỏ, đẹp tốt. Quỳnh bôi: chén uống rượu bằng ngọc quỳnh. Quỳnh tương 瓊醬: Rượu làm bằng nước ngọc quỳnh. Rượu ngon.

Trong Kim Vân Kiều có câu:

Chén hà sánh giọng quỳnh tương.

Tửu quỳnh: Hay quỳnh tửu 瓊酒, ý chỉ rượu quý, rượu ngon mà các vị Thần Tiên thường uống.

Thành kính trường xuân chước tửu quỳnh 誠敬長春酌酒瓊: Lòng thành thật kính rót ly rượu quý dâng lên Đức Chí Tôn.

Lạc hứng khấu cung giai miễn lễ

樂興叩躬皆勉禮

Lạc hứng 樂興: Trong lòng cảm thấy phấn chấn, vui vẻ.

Khấu cung 叩躬: Kính cẩn khấu đầu, cung kính cúi đầu.

Giai 皆: Đều, cùng.

Miến lễ 勉禮: Cố gắng hành lễ, gắng sức làm lễ.

Lạc hứng khấu cung giai miễn lễ 樂興叩躬皆勉禮:

Thoát tai bá tánh ngưỡng ân sinh

脫災百姓仰恩生

Thoát tai 脫災: Tránh khỏi tai họa.

Bá tánh 百姓: Hay bách tính, tức là trăm họ, dùng để chỉ số đông dân chúng, hoặc quần chúng.

Ngưỡng 仰: Ngửa trông lên, kính mến.

Ân sinh 恩生: Nhờ ơn được sống còn, ơn bảo dưỡng sự sống.

Thoát tai bá tánh ngưỡng ân sinh 脫災百姓仰恩生:
Chúng con cầu xin cho bá tánh thoát khỏi tai nạn và ban ơn lành cho được sống còn.

3.- BÀI DÂNG TRÀ:~

Mai xuân nguyệt cúc vị trà hương

梅春月菊味茶香

Mai xuân 梅春: Hoa mai trong mùa xuân.

Nguyệt cúc 月菊: Hay cúc nguyệt 菊月 là tháng cúc, tức là tháng có hoa cúc nở. Mỗi năm hoa cúc nở vào tháng 8 âm lịch, nên người ta gọi tháng 8 âm lịch là cúc nguyệt. Như vậy, nguyệt cúc là cúc tháng tám, đồng nghĩa với thu cúc.

Vị 味: Là mùi do lưỡi nếm mà biết được.

Trà hương 茶香: Mùi thơm của trà.

Mai xuân nguyệt cúc vị trà hương 梅春月菊味茶香: *Trà như hoa mai mùa xuân, hoa cúc mùa thu tỏa ngát hương vị thơm ngon.*

Kính lễ thành tâm hiến bửu tương

敬禮誠心獻寶漿

Kính lễ 敬禮: Thành kính dâng lễ.

Thành tâm 誠心: Lòng thành thật.

Tâm của con người có tâm thật còn gọi là chân tâm hay Phật

tánh và tâm giả là tâm chúng ta đem ứng xử hằng ngày trong cuộc sống.

Sống trên thế gian, trong vô số kiếp chúng ta không dùng chơn tâm ra để sống ở đời, mà chỉ dùng tâm giả. Vì vậy, chúng ta mới bị luân hồi trong sinh tử.

Như vậy, khi dâng lễ cúng Chí Tôn, chúng ta phải thật “thành tâm”, tức là tìm lại cái chơn tâm Phật tánh của chúng ta vậy.

Sách Trung Dung rất coi trọng “lòng thành” hơn các đức tính khác, và cho rằng “chí thành” có thể giúp vào việc hóa dục của Trời đất nên có thể sánh cùng Trời đất: Người có thành tâm mới có thể phát huy đến cùng cực cái bản tính của mình; mà hễ phát huy đến cùng cực cái bản tính của mình thì có thể phát huy đến cùng cực cái bản tính của người; có thể khiến người phát huy đến cùng cực cái bản tính của người thì có thể khiến vật thực hành đến cùng cực bản tính của vật, có thể khiến vật thực hành đến cùng cực bản tính của vật, thì có thể giúp vào việc hóa dục của Trời đất; có thể giúp vào việc hóa dục của Trời đất thì có thể sánh cùng Trời đất: “*Duy Thiên địa chí thành vi năng tận kỳ tính; năng tận kỳ tính tắc năng tận nhân chi tính; năng tận nhân chi tính tắc năng tận vật chi tính; năng tận vật chi tính tắc khả dĩ tán Thiên địa chi hóa dục, khả dĩ tán Thiên địa chi hóa dục tắc khả dĩ dĩ Thiên địa tham hỹ* 唯天地, 至誠為能盡其性; 能盡其性, 則能盡人之性; 能盡人之性, 則能盡物之性; 能盡物之性, 則可以贊天地之化育; 可以贊天地之化育, 則可以與天地參矣”.

Hiển 獻: Dâng hiến.

Bửu trong 寶漿: Nước quý báu. Đây chỉ nước trà thơm quý

báu.

Kính lễ thành tâm hiến bửu tương 敬禮誠心獻寶漿:
*Kính dâng chung trà quý báu với tấm lòng chân thành để
làm lễ hiến.*

Ngưỡng vọng Từ Bi gia tế phước

仰望慈悲加濟福

Ngưỡng vọng 仰望: Thành kính mong chờ.

Từ bi 慈悲: Lòng thương, lòng từ bi. Đây có ý chỉ Đức Chí Tôn.

Gia 加: Thêm.

Tế 濟: Cứu giúp.

Phước 福: Điều tốt lành, phúc đức.

Tế Phước 濟福: Cứu giúp cho điều phước đức.

Ngưỡng vọng Từ Bi gia tế phước 仰望慈悲加濟福: *Kính
mong ơn Đức Chí Tôn cứu giúp thêm cho điều phước đức.*

Khai minh Đại Đạo hộ thanh bình

開明大道護清平.

Khai minh 開明: Khai mở cho sáng.

Đại Đạo 大道: Đạo lớn. Đây là nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ
Độ, tức là Đạo Cao Đài, được khai sáng vào thời Hạ ngươn
mạt pháp để tận độ toàn thể chúng sanh.

Hộ 護: Che chở, giữ gìn.

Thanh bình: Tức là “thanh bình” 清平, vì vần của bài thài
nên đọc thành “*bường*”. Thanh bình hay thái bình là thời mà

người dân được hưởng cảnh yên ổn, lạc nghiệp.

Khai minh Đại Đạo hộ thanh bình 開明大道護清平:
Khai mở nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ cho sáng tỏ để hộ trì cho đời được thái bình thanh trị.

VI/ GIẢI NGHĨA

1.- BÀI DÂNG HOA:

Câu 1: Đức Chí Tôn giáng xuống phàm trần, tỏa sáng ngời ngôi Thánh Thất.

Câu 2: Ngày nay, Đệ tử vui mừng được may duyên hưởng ân huệ của Thầy ban cho

Câu 3: Nên kính cẩn dâng lên năm màu hoa tươi tốt.

Câu 4: Cúi xin Đức Ngài chan rưới ơn Thiên liêng cho chúng con.

2.-BÀI DÂNG RƯỢU:

Câu 1: Ôn huệ của đức Chí Tôn soi sáng ngời ngôi Thánh Thất.

Câu 2: Lòng thành thật kính rót ly rượu quý dâng lên Ngài.

Câu 3: Chúng con gắng sức hành lễ với tấm lòng hăng hái vui vẻ.

Câu 4: Chúng con cầu xin cho bá tánh thoát khỏi tai nạn và ban ơn lành cho được sống còn.

3.-BÀI DÂNG TRÀ:

Câu 1: Trà như hoa mai mùa xuân, hoa cúc mùa thu tỏa ngát hương vị thơm ngon.

Câu 2: Kính dâng chung trà quý báu với tấm lòng chân thành để làm lễ hiến.

Câu 3: Kính mong ơn Đức Chí Tôn cứu giúp thêm cho điều phước đức.

Câu 4: Khai mở nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ cho sáng tỏ để hộ trì cho đời được thái bình thanh trị.

THIÊN THỨ TÁM NGŨ NGUYỆN

I/ KINH VĂN/

II/ VIẾT RA HÁN TỰ.

III/ CHÚ THÍCH

IV/ GIẢI NGHĨA

I/ KINH VĂN:

NGŨ NGUYỆN

Nam Mô Nhứt nguyện: Đại Đạo hoằng khai,

Nhi nguyện : Phổ độ chúng sanh,

Tam nguyện : Xá tội đệ tử

Tứ nguyện : Thiên hạ thái bình.

Ngũ nguyện : Thánh thất an ninh.

III/ VIẾT RA HÁN TỰ:

五 願

南無 一 願: 大 道 弘 開

二 願: 普 度 衆 生

三 願: 舍 罪 弟 子

四 願: 天 下 太 平

五 願: 聖 室 安 寧

III/ CHÚ THÍCH:

Nhứt nguyện: Đại Đạo hoằng khai

一 願: 大 道 弘 開

Nhứt nguyện 一 願: Điều cầu nguyện thứ nhứt.

Đại Đạo 大 道: Tức là Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, hay Đạo Cao Đài.

Hoằng khai 弘 開: Mở mang cho rộng khắp.

Nhứt nguyện: Đại Đạo hoằng khai 一 願: 大 道 弘 開: Điều cầu nguyện thứ nhứt là con cầu xin và quyết lòng mở mang nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ được rộng khắp.

Bất cứ con người tu theo Đạo nào, cũng phải thành tâm mới được. Nếu không có lòng thành thì dấu Đạo ấy có cao thế

mấy, cũng không ích gì cho bản thân. Có lòng thành, con người mới thực sự tu tập để tự độ và độ tha. Trong sách Luận Ngữ có viết: Con người có sự hiểu biết nên mới có thể làm cho Đạo rộng lớn ra, chứ Đạo bản thể là vô vi, nên tự nó không làm cho người rộng lớn ra được (*Nhân năng hoằng Đạo, phi Đạo hoằng nhân* 人能弘道,非道弘人).

Người Tín đồ Cao Đài, mỗi thời cúng đều tụng lời nguyện thứ nhất là cầu xin nền Đại Đạo được hoằng khai, nhưng chính bản thân phải tích cực hoằng khai nền Đại Đạo bằng cách tự tu rèn năng lực và phẩm cách, rồi sau đó mới lo phổ độ chúng sanh.

Nhì nguyện: Phổ độ chúng sanh

二願: 普度衆生

Nhì nguyện 二願: Điều cầu nguyện thứ nhì.

Phổ độ 普度: Cứu độ chúng sanh rộng khắp

Chúng sanh 衆生: Mọi loài sanh vật, gồm con người, cầm thú và cây cỏ.

Nhì nguyện: Phổ độ chúng sanh 二願: 普度衆生: Điều nguyện thứ nhì là cầu xin cứu độ chúng sanh khắp mọi nơi.

Độ: 度 Là Ba la mật đa, Hán dịch đao bị nạn, là đến bên kia bờ giác hay bờ giải thoát. Như vậy phổ độ có nghĩa là cứu giúp chúng sanh vượt qua bờ sinh tử luân hồi. Trong lời cầu nguyện thứ nhì, chúng ta cầu xin Đức Chí Tôn cứu độ cho toàn chúng sanh, thì tự bản thân mình phải tu sửa thân tâm, đó là tự độ, rồi sau phải có lòng tích cực tìm cách độ người khác, đó là tha độ. Ví như muốn cứu vớt người sắp bị đuối

nước, nếu ta chưa biết lội thì phải tìm mọi cách vớt người để khỏi bị chết chìm. Nhưng tự thân cũng phải lo tập lội để mình tránh được chết chìm (tự độ), mà lại có thể cứu giúp người khác (tha độ).

Bản thân chưa tốt thì làm sao có thể sửa người khác được. Mạnh Tử nói: Chính mình cong queo thì không thể nào sửa cho người ngay thẳng được. (*Uông kỷ giả, vị hữu năng trực nhân giả dã* 枉己者, 未有能直人也).

Tam nguyện: Xá tội đệ tử

三願: 舍罪弟子.

Tam nguyện 三願: Điều cầu nguyện thứ ba.

Xá tội 舍罪: Tha tội.

Thế gian là nơi chứa nhiều tội lỗi. Bởi vô minh, con người mới tạo ra tội ác, tội ác tạo thành nghiệp quả, nghiệp quả đó lại tạo nên những chướng ngại, gọi là nghiệp chướng. Nghiệp chướng mới che mờ Chân tâm, bản tánh của chúng ta.

Do vậy, người tu hành, trước hết phải biết sám hối ăn năn tội lỗi của mình, lo lập công bồi đức để được xá tội hiện tại và tội tiền khiên

Đệ tử 弟子: Ý chỉ lời tự xưng của toàn tín đồ trong Đạo Cao Đài.

Tam nguyện: Xá tội đệ tử 三願: 舍罪弟子: Điều nguyện thứ ba là xin Đức Chí Tôn tha tội cho toàn thể chúng con.

Chúng ta phải hiểu sống ở thế gian, mỗi con người đều phải mang nghiệp quả nặng nhẹ khác nhau, do nghiệp đó mà họ bị mê mờ gây ra tội lỗi. Nếu chúng ta, mỗi thời cúng đều

cầu xin Đức Chí Tôn tha tội cho mình thì trước nhứt tự bản thân mình phải biết ăn năn sám hối, tức là tự mình độ rỗi cho chính mình. Ngoài ra, mình nguyện Chí Tôn tha thứ tội lỗi cho mình, thì mình cũng dụng từ tâm mà thứ tha cho người khác, đó là lòng hỷ xả.

Hỷ là vui không cho riêng mình, mà là vui cho người khác. Hoan hỷ trước sự thành công, hạnh phúc của người khác. Muốn có hỷ tâm ta phải diệt trừ lòng ganh tỵ, đố kỵ. Chính lòng ganh tỵ khiến tâm hồn ta trở nên xấu xa, đê hèn.

Xả là tâm buông bỏ, tâm bình đẳng, vượt qua mọi phân biệt, không chấp trước không bị vướng mắc vào phiền não. Tâm bình thản, không giận dữ, phẫn nộ, chán nản, buồn phiền hay lo âu. Người có tâm xả thì bỏ được tính kiêu căng, ngã mạn, tiếp nhận những lẽ đúng đắn để tiến bộ trên đường giác ngộ.

Có được tâm hỷ xả thì lòng ta mới an vui, bình thản, và thanh tịnh mà sám hối để Chí Tôn tha thứ tội tình.

Trong cùng tôn giáo, ngoài xã hội, nếu mọi người đều làm được như thế, thì nội bộ sẽ đoàn kết, hòa thuận anh em cùng một cha, và góp phần xây dựng cho xã hội được trật tự, yên ổn.

Tứ nguyện: Thiên hạ thái bình

四願: 天下太平

Tứ nguyện 四願: Điều cầu nguyện thứ tư.

Thiên hạ 天下: Dưới Trời, chỉ toàn thể nhân loại.

Thái bình 太平: Thời rất bình yên, không có loạn lạc.

Tứ nguyện: Thiên hạ thái bình 四願: 天下太平: Điều cầu nguyện thứ tư là cầu xin nhân loại trên thế gian này được

sống cảnh hòa bình thịnh trị.

Muốn thiên hạ thái bình, tức là thế giới không có chiến tranh, trước hết, mỗi con người tín đồ của Đại Đạo phải tự tu sửa để làm một phần tử tốt đẹp trong gia đình, rồi lấy tình thương mà xây dựng một xã hội tốt đẹp. Mọi Tín đồ phải nghĩ rằng nhân loại là cùng một gia đình Thượng Đế, con chung một cha, anh em một nhà, nên phải có một tình yêu thương nhau như ruột thịt, điều này Thánh giáo Đức Chí Tôn cũng có dạy: “*Sự thương yêu là giếng bảo sanh của Càn khôn Thế giới. Có thương yêu nhân loại mới hoà bình, Càn khôn mới an tịnh. Đặng an tịnh mới không thù nghịch lẫn nhau, mới giữ bền cơ sanh hóa. Vì ghét nhau, vạn loại mới khi nhau, khi lẫn nhau mới tàn hại nhau, mà tàn hại nhau là cơ diệt thế. Vậy Thầy cấm các con từ đây, nếu không đủ sức thương yêu nhau, thì cũng đừng ghét nhau. Nghe à!*”. Tình thương yêu làm thắt chặt sợi dây thân ái giữa con người với nhau, nó là nền tảng của đời thái bình thịnh trị.

Ngũ nguyện: Thánh thất an ninh

五願: 聖室安寧.

Ngũ nguyện 五願: Điều cầu nguyện thứ năm.

Thánh Thất 聖室: Ngôi thờ Đức Chí Tôn và chư Thần, Thánh, Tiên, Phật.

Thánh Thất ở đây còn có thể hiểu là Tâm. Bởi vì Chí Tôn ngự nơi Thánh Thất cũng chính là ngự nơi Tâm của con người. Mạnh Tử nói rằng: Giữ gìn cho còn cái Tâm của mình, nuôi dưỡng cái tính của mình là **thờ Trời** vậy (Tồn kỳ tâm, dưỡng kỳ tính, sở dĩ sự Thiên dã 存其心, 養其性, 所以事天也).

An ninh 安寧: Yên ổn.

Ngũ nguyện: Thánh thất an ninh 五願: 聖室安寧: Điều nguyện thờ năm là cầu xin cho Thánh Thất được an ninh.

Thánh Thất hay Tòa Thánh là nơi thờ tự Đức Chí Tôn, Ngọc Hoàng Thượng Đế, chư Thần, Thánh, Tiên, Phật, và là nơi để mọi Tín đồ đặt trọn đức tin, nơi tu học hoặc hành Đạo. Vì vậy, khi chúng ta cầu xin Ông Trên ban cho Thánh Thất an ninh, thì tự mỗi cá nhân Tín đồ cũng phải góp phần xây dựng Thánh Thất an ninh. Mỗi Họ Đạo có Tín đồ hoà thuận, đồng giữ an ninh, thì góp phần yên ổn cho toàn tỉnh Đạo, các Tỉnh Đạo cũng vậy thì Hội Thánh và toàn Đạo đều được trật tự, yên ổn. Nhưng người tu không chỉ giới hạn trong Tôn giáo mình, mà còn phải với Tôn giáo bạn cùng xây dựng trật tự, an ninh cho xã hội. Muốn được vậy, mỗi cá nhân Tín đồ đều phải tự giữ an ninh cho chính mình và giữ gìn an ninh cho người khác.

Ngoài ra, còn có thể hiểu, Tâm là nơi ngự của Chí Tôn, Thánh thi có bài dạy như sau:

*Bạch Ngọc từ xưa đã ngự rồi,
Chẳng kỳ hạ giới vọng cao ngôi.
Bản sang trời mặc, tâm là qui,
Tâm ấy tòa sen của Lão ngôi.*

Thầy ngự nơi Thánh Thất cũng là ngự nơi tâm của mỗi con người chúng ta. Như vậy, cầu cho Thánh Thất an ninh cũng chính là cầu cho tâm của chư môn đồ được an ninh.

Người ta thường nói “*tâm viên ý mã*” 心猿意馬, tức là chỉ tâm ý cũng như con vượn và ngựa, lúc nào cũng chạy nhảy

lãng xãng, không an định.

Lại nữa, con người thường bị hoàn cảnh và vọng niệm sai sử, tâm ý không yên ổn, lúc nào cũng bị phân tán, cho nên thường sống trong lãng quên, thất niệm. Cầu cho tâm thức được an ninh là cầu cho tâm không bị tán loạn, điên đảo, hay phiền não. Tâm có an ổn thì mới giúp cho con người sáng suốt, sống tỉnh thức, không còn đeo đuổi vọng niệm. Cầu cho tâm thức an ninh không có nghĩa là cầu Chí Tôn ban huyền diệu cho ta, mà nhờ Ngài chứng chiếu để ta tự phát tâm tu sửa, trau giồi tâm tánh cho được bình thản, an tịnh.

IV/ GIẢI NGHĨA:

NGŨ NGUYỆN

Điều cầu nguyện thứ nhất là con cầu xin và quyết lòng mở mang nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ được rộng khắp.

Điều nguyện thứ nhì là cầu xin cứu độ chúng sanh khắp mọi nơi.

Điều nguyện thứ ba là xin Đức Chí Tôn tha tội cho toàn thể chúng con.

Điều nguyện thứ tư là cầu xin nhân loại trên thế gian này được sống cảnh hòa bình thịnh trị.

Điều nguyện thứ năm là cầu xin cho Thánh Thất được an ninh và tâm của chúng sanh không bị tán loạn, điên đảo, hay phiền não, tức là được bình thản, an tịnh.

(Còn tiếp)

HT Quách Văn Hòa

DLT

COMPLETE AUTO BODY & REPAIR

60 Stockton, San Jose, CA 95126

Tel: (408)288-8856 FaX# (408)288-8855



ĐẶC BIỆT
Có giá thương lượng
cho thân chủ
không có bảo hiểm

*- Có nhận làm Đền bị vàng và scratch làm ra như mới.

GIỜ MỞ CỬA

Thứ Hai - Thứ Bảy:
9.00 AM - 6.00 PM

- *- Chuyên làm đồng, kéo sườn & sơn tất cả các loại xe.
- *- Có phòng sơn hấp đặc biệt & Giàn kéo sườn tối tân.
- *- Sơn đúng màu, đẹp, láng như mới.
- *- Chủ và thợ đều có bằng tại Mỹ, có nhiều năm kinh nghiệm trong nghề.
- *- Free estimate, deductible, towing.
- *- Nhận tất cả các loại bảo hiểm và có nhân viên lo mọi thủ tục trực tiếp với hãng bảo hiểm.

TẤT CẢ CÁC CÔNG VIỆC
ĐƯỢC CHỦ BẢO ĐẢM

NHẬN SỬA CÁC LOẠI XE MỸ & NGOẠI QUỐC

GIẢI QUYẾT MỌI TRỞ NGẠI VỀ MÁY & HỘP SỐ

- *- Engine tune-up.
- *- Thay nhớt máy, hộp số. Thay thắng tiền đĩa.
- *- Thay timing belt.
- *- Complete clutch job.*- Scanner set up Check engine light.
- *- Thay Máy, Hộp Số.
- *- Thay Axle, Saft.
- *- Thay Catalytic.
- *- Sửa tất cả điện xe.
- *- Computer Diagnostic.

REBUILT MÁY, HỘP SỐ, BẢO ĐẢM 6 THÁNG HAY 1 NĂM
CHO MỌI VIỆC LÀM NHANH CHÓNG & THÀNH THẬT

FINANCIAL SERVICES

6947 Linda Vista Road, Suite C, San Diego, CA 92111

(Trong khu chợ Thuận Phát, sau lưng Mc Donald)

Telephone: (858)467-0833 (858)277-3999

GIỮ SỔ SÁCH VÀ KHAI THUẾ (BOOKKEEPING & TAX SERVICES)

*- Giữ Sổ Sách Kế Toán
(Bookkeeping Services)

*- Làm Lương Bổng
(Payroll Services)

*- Khai Thuế
(Tax Services for
individual, Partnership,
LLC, Corporation, etc).



*- Giúp thành lập Công Ty và các Dịch Vụ Thương Mại
(Form Partnership, Corporation & Businesses).

*- Giúp sang Tiệm Nail, Tóc, Shop sửa xe, Nhà Hàng và các
Cơ Sở Thương Mại.

*- Làm các Hợp Đồng Mua Bán Tiệm, Mướn Mặt Bằng,
Thương lượng với chủ đất, Trung Tâm Thương Mại để
hoàn tất thủ tục sang nhượng hoặc mướn tiệm.

*- Thị Thực chữ ký (Notary Public) và phiên dịch các
loại đơn từ.

VĂN PHÒNG THUẾ CHUYÊN NGHIỆP HOẠT ĐỘNG QUANH NĂM

Thành Thật - Tận Tâm - Uy Tín - Lệ Phí phải chăng

Để biết thêm xin Liên Lạc:

NHỰ TƯỜNG & THÙY TRANG



LISA'S FLORIST

2424 Quimby Rd
San Jose, CA 95148

ĐT: (408)528-7675 Cell: (408)828-5833

Đảm trách mọi dịch vụ về:

- *- Hoa Tươi,
- *- Hoa Đám cưới,
- *- Đám hỏi,
- *- Đám hỏi,
- *- Sinh Nhật,
- *- Thăm viếng,
- *- Ra Trường
- *- Đeo Cổ
- *- Đeo Tay
- *- Chúc Thọ
- *- Tân Gia
- v. . v. .
- *- Free Delivery



- *- Hoa Đám
- *- Hoa phủ
trên Quan tài
- *- Hoa Phúng
Điếu
- *- Trang hoàng
Thánh Đường
- *- Bàn Thờ
Gia Tiên
- *- Đặc biệt
Có nhận may
tang phục
miễn phí.

ĐẶC BIỆT

- *- Vòng hoa Phúng Điếu \$89.00
Nhận ORDER 24/24
- *- Bớt 15% cho các gia đình H.O
& các Hội Đoàn

THÔNG BÁO

Bản Tin Thế Đạo (phổ biến qua email) và Tập San Thế Đạo (phát hành 3 tháng 1 số) xin thông báo:

- *- Quý Cơ sở đạo có nhu cầu phổ biến tin tức sinh hoạt Đạo Sự - Chúc mừng - Phân Ưu,
- *- Quý đồng đạo có nhu cầu biết về Tin tức Đạo sự,
- *- Quý đồng đạo và thân hữu tham gia vào việc phổ biến giáo lý Tam Giáo,

Xin vui lòng liên lạc **banthedao@comcast.net**, chúng tôi rất hân hạnh tiếp nhận và sẽ sắp xếp để đăng tải, phổ biến.

Trân trọng

Bản Tin Thế Đạo & Tập San Thế Đạo

ĐỌC - CỔ ĐỘNG - YẾM TRỢ
BẢN TIN THẾ ĐẠO - TẬP SAN THẾ ĐẠO

Web: www.banthe dao.net

Email: banthe dao@comcast.net